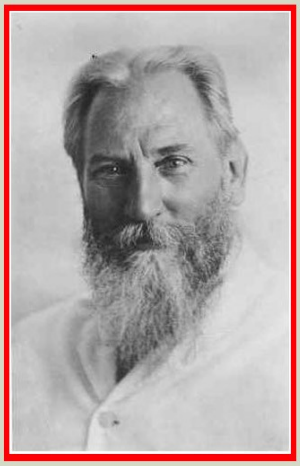
# C.W. Leadbeater



# CÕI DEVACHAN

## CÁC ĐẶC ĐIỂM VÀ CƯ DÂN

minhtrietmoi.org

Its Characteristics And Inhabitants

Theosophical manual. No. 6

# The Devachanic Plane

## OR

## The Heaven World

## Its Characteristics And Inhabitants

by

C. W. Leadbeater

# MỤC LỤC

PREFACE—TỰA

AUTHOR'S NOTE—CHÚ THÍCH CỦA TÁC GIẢ

INTRODUCTION—GIỚI THIỆU

GENERAL CHARACTERISTICS - NHỮNG ĐẶC TÍNH TỔNG QUÁT

A Beautiful Description.- Một Cảnh Trí Lộng Lẫy

The Bliss of the Heaven-World—Sự Chí Phúc Nơi Cõi Thiên Đàng

A New Method of Cognition—Một Phương Pháp Nhận Thức Mới.

SURROUNDINGS – Môi Trường Sinh Hoạt

The Great Waves – Những Làn Sóng Vĩ Đại

The Lower and the Higher Heaven-Worlds—Cõi Hạ Thiên Và Cõi Thượng Thiên

The Action of Thought – Hoạt Động Của Tư Tưởng

Thought-Forms. – Hình Tư Tưởng

The Sub-Planes – Những Cõi Phụ Của Cõi Thượng Giới

The Records of the Past – Những Lưu Trữ Của Quá Khứ

II. INHABITANTS. – NHỮNG CƯ DÂN

I. HUMAN - NHÂN LOẠI

The Embodied – Những Hiện Thân

In Sleep or Trance – Trong Giấc Ngủ Hoặc Xuất Thân

The Disembodied - Những Nhân Vật Không Còn Giữ Xác Thân

The Qualities Necessary for the Heaven-Life – Những Đức Tính Cần Cho Cuộc Sống Cõi Thiên Đàng

How a Man first gains the Heaven-Life – Làm Thế Nào Con Người Đạt Được Sự Sống Trên Cõi Thiên Đàng Lần Đầu Tiên.

Cánh Thứ Bảy; Cánh Thấp Nhất Của Cõi Thiên Đàng

Sixth Sub-Plane; the Second Heaven – Cánh Thứ Sáu; Vùng Thứ Nhì Của Cõi Thiên Đàng

Fifth Sub-Plane; The Third Heaven – Cánh Thứ Năm; Vùng Thứ Ba Của Cõi Thiên Đàng

Fourth Sub-Plane; The Fourth Heaven – Cánh Thứ Tư Vùng Thứ Tư Của Cõi Thiên Đàng

The Reality of the Heaven-Life – Thực tại Của Cuộc Sống Thiên Đàng

The Renunciation of Heaven – Sự Từ Bỏ Cuộc Sống Cõi Thiên Đàng

THE HIGHER HEAVEN-WORLD – CÕI THƯỢNG THIÊN

Vùng Thứ Năm Của Cõi Thiên Đàng

Cánh Thứ Hai; Vùng Thứ Sáu Của Cõi Thiên Đàng
First Sub-Plane : The Seventh Heaven – Cánh Thứ Nhất; Vùng Thứ Bảy Của Cõi Thiên Đàng
II. NON-HUMAN – NHỮNG LOÀI KHÔNG THUỘC HÀNG NGŨ NHÂN LOẠI
The Elemental Essence – Loài Tinh Hoa Chất
What it is? – Loài Tinh Hoa Chất Là Gì?
The Veiling of the Spirit – Sự Che Phủ Của Linh Hồn
The Elemental Kingdoms – Các Loài Linh Tinh
How the Essence Evolves – Cách Tiến Hóa Của Loài Tinh Hoa Chất
THE ANIMAL KINGDOM – LOÀI CẦM THÚ
THE DEVAS, OR ANGELS – NHỮNG VỊ THIÊN THẦN
Their Divisions – Những Đẳng Cấp Thiên Thần
III. ARTIFICIAL – NHỮNG LOÀI GIẢ TẠO
CONCLUSION – KẾT LUẬN

## PREFACE—TỰA

Few words are needed in sending this little book out into the world. It is the sixth of a series of Manuals designed to meet the public demand for a simple exposition of Theosophical teachings. Some have complained that our literature is at once too abstruse, too technical, and too expensive for the ordinary reader, and it is our hope, that the present series may succeed in supplying what is a very real want. Theosophy is not only for the learned; it is for all. Perhaps among those who in these little books catch their first glimpse of its teachings, there may be a few who will be led by them to penetrate more deeply into its philosophy, its science and its religion, facing its abstruser problems with the students zeal and -the neophyte's ardour. But these Manuals are not written only for the eager student, whom no initial difficulties can daunt; they are written for the busy men and women of the work-a-day world, and seek to make plain some of the great truths that render life easier to bear and death easier to face. Written by servants of the Masters who are the Elder Brothers of our race, they can have no other object than to serve our fellow-men.

Chỉ cần đôi lời khi gửi cuốn sách nhỏ này ra thế giới. Đây là cuốn thứ sáu trong bộ Sách Hướng Dẫn được thiết kế để đáp ứng nhu cầu của công chúng về một bài thuyết trình đơn giản về giáo lý Thông Thiên Học. Một số người phàn nàn rằng tài liệu của chúng tôi quá khó hiểu, quá chuyên ngành và quá đắt đối với người đọc bình thường, và chúng tôi hy vọng rằng bộ sách hiện tại có thể thành công trong việc cung cấp những gì là một nhu cầu rất thực tế. Thông Thiên Học không chỉ dành cho những người học thức; nó dành cho tất cả mọi người. Có lẽ trong số những người lần đầu tiên thoáng thấy giáo lý của nó trong những cuốn sách nhỏ này, có thể có một số người sẽ được chúng dẫn dắt để đi sâu hơn vào triết học, khoa học và tôn giáo của nó, đối mặt với những vấn đề khó hiểu hơn của nó với lòng nhiệt huyết của người sinh viên và nhiệt tình của người mới. Nhưng những cuốn Sách Hướng Dẫn này không chỉ được viết cho những học viên hăng hái, những người không ngại khó khăn ban đầu; chúng được viết cho những người đàn ông và phụ nữ bận rộn trong thế giới lao động, và tìm cách làm rõ một số sự thật vĩ đại giúp cuộc sống dễ chịu hơn và cái chết dễ đối mặt hơn. Được viết bởi những người phụng sự các Chân Sư, những Huynh Trưởng của nhân loại chúng ta, chúng không thể có mục đích nào khác ngoài việc phụng sự đồng loại của chúng ta.

## AUTHOR'S NOTE—CHÚ THÍCH CỦA TÁC GIẢ

Since further enquiry has shown that the word " Devachan" is etymologically inaccurate and misleading, the author would prefer to omit it altogether, and to issue this manual under the simpler and more descriptive title of "The Mental Plane." The publishers inform him, however, that this alteration of title would cause difficulties in

Qua tìm hiểu thêm, vì từ "Devachan" được xác định là không chính xác về mặt từ nguyên và có thể gây hiểu lầm, tác giả mong muốn bỏ hoàn toàn từ này và xuất bản sách này dưới một tựa đề đơn giản và mô tả rõ ràng hơn là "Cõi Trí". Tuy nhiên, nhà xuất bản thông báo với ông rằng sự thay đổi tựa đề này sẽ gây khó khăn về vấn đề bản quyền và tạo ra sự nhầm

the matter of copyright, and produce confusion in various ways, so he defers to their wishes.

lẫn theo nhiều cách, nên ông đã tuân theo ý muốn của họ.

## INTRODUCTION—GIỚI THIỆU

In the previous manual an attempt was made to describe to some extent the astral plane — the lower part of the vast unseen world in the midst of which we live and move unheeding. In this little book must be undertaken the still harder task of trying to give some idea of the stage next above that — the mental plane or the heaven-world, often spoken of in our Theosophical literature as that of Devachan or Sukhâvatí.

Trong tài liệu trước, đã có một nỗ lực nhằm mô tả một phần nào đó về cõi cảm dục — phần thấp hơn của thế giới vô hình rộng lớn bao quanh chúng ta mà chúng ta đang sống và chuyển động trong đó mà không chú ý đến. Trong cuốn sách nhỏ này, phải gánh lấy nhiệm vụ khó khăn hơn là cố gắng đưa ra một số ý tưởng về giai đoạn tiếp theo trên cõi ấy — cõi trí, hay cõi thiên đường, thường được nhắc đến trong văn học Thông Thiên Học của chúng ta như Devachan hoặc Sukhâvatí.

Although, in calling this plane the heaven-world, we distinctly intend to imply that it contains the reality which underlies all the best and most spiritual ideas of heaven which have been propounded in various religions, yet it must by no means be considered from that point of view only. It is a realm of nature. which is of exceeding importance to us — a vast and splendid world of vivid life in which we are living now as well as in the periods intervening between physical incarnations. It is only our lack of development, only the limitation imposed upon us by this robe of flesh, that prevents us from fully realizing that all the glory of the highest heaven is about us here and now [2], and that influences flowing from that world are ever playing upon us if we will only understand and receive them. Impossible as this may seem to the man of the world, it is the plainest of realities to the occultist; and to those who have not yet grasped this fundamental truth we can but repeat the advice given by the Buddhist teacher:— " Do not complain and cry and pray, but open your eyes and see. The light is all about you, if you would only cast the bandage

Dù rằng khi gọi cõi này là cõi thiên đường, chúng ta cố ý ám chỉ rằng nó chứa đựng hiện thực nền tảng cho tất cả những ý niệm tốt đẹp và tinh thần nhất về thiên đường mà các tôn giáo khác nhau đã đề xuất, nhưng không nên chỉ nhìn nhận nó từ quan điểm đó. Đây là một cõi tự nhiên có ý nghĩa cực kỳ quan trọng đối với chúng ta — một thế giới rộng lớn và rực rỡ của sự sống sống động, nơi chúng ta đang sống ngay cả trong giai đoạn xen kẽ giữa các lần nhập thể vật lý. Chính sự thiếu phát triển của chúng ta, chính giới hạn áp đặt lên chúng ta bởi lớp áo xác thịt này, mới là điều ngăn cản chúng ta nhận ra đầy đủ rằng mọi vinh quang của thiên đường cao nhất đang hiện diện xung quanh chúng ta, ngay tại đây và ngay lúc này [2], và rằng những ảnh hưởng tuôn chảy từ thế giới đó đang luôn tác động lên chúng ta nếu chúng ta chỉ biết thấu hiểu và đón nhận chúng. Dù điều này có thể có vẻ bất khả đối với người thường, nhưng lại là sự thật hiển nhiên nhất đối với nhà huyền bí; và với những ai chưa nắm bắt được chân lý nền tảng này, chúng ta chỉ có thể nhắc lại lời khuyên của Chân sư Phật giáo:— "Đừng than văn và khóc lóc cầu nguyện, mà hãy mở mắt ra và thấy.

from your eyes and look. It is so wonderful, so beautiful, so far beyond what any man has dreamt of or prayed for, and it is for ever and for ever." (The Soul of a People, page 163.)

Ánh sáng ở khắp xung quanh bạn, nếu bạn chỉ biết cởi bỏ tấm băng khỏi mắt mình và nhìn. Nó tuyệt vời đến mức không ai từng mơ ước hay cầu nguyện tới, và nó tồn tại mãi mãi, mãi mãi." (Linh Hồn của Một Dân Tộc, trang 163.)

It is absolutely necessary for the student of Theosophy to realize this great truth, that there exist in nature various planes or divisions, each with its own matter of an appropriate degree of density, which in each case interpenetrates the matter of the plane next below it. It should also be clearly understood that the use of the words "higher" and " lower " with reference to these planes does not refer in any way to their position (since they all occupy the same space), but only to the degree of rarity of the matter of which they are respectively composed, or (in other words) the extent to which their matter is subdivided - for all matter of which we know anything is essentially the same, and differs only in the extent of its subdivision and the rapidity of its vibration.

Điều cực kỳ cần thiết đối với người học Thông Thiên Học là nhận thức được chân lý vĩ đại này: rằng tồn tại trong tự nhiên các cõi giới hoặc phân chia khác nhau, mỗi cõi với vật chất của nó có mức độ đậm đặc phù hợp, trong mỗi trường hợp đều xuyên thấu vào vật chất của cõi liền kề phía dưới nó. Cũng cần hiểu rõ rằng việc sử dụng các từ "cao hơn" và "thấp hơn" để ám chỉ những cõi này không liên quan gì đến vị trí của chúng (vì chúng đều chiếm cùng một không gian), mà chỉ liên quan đến mức độ thanh nhẹ của vật chất mà từ đó chúng được tạo thành, hay (nói cách khác) mức độ phân chia của vật chất — vì tất cả vật chất mà chúng ta biết đều có bản chất giống nhau, và chỉ khác nhau về mức độ phân chia và tốc độ rung động của nó.

It follows, therefore, that to speak of a man as passing from one of these planes to another does not in the least signify any kind of movement in space, but simply a change of consciousness. For every man has within himself matter belonging to every one of these planes, a vehicle corresponding to each, in which he can function upon it when he learns how this may be done. So that to pass, from one plane to another is to change the focus of the consciousness from one of the vehicles to another, to use for the time the [3] astral or, the mental body instead of the physical. For naturally each of these bodies responds only to the vibrations of its own plane; and so while the man's consciousness is focused in his astral body, he will perceive the astral world only, just as while our consciousness is using only the physical

Do đó, việc nói về một người chuyển từ cõi này sang cõi khác không hề ngụ ý bất kỳ sự di chuyển nào trong không gian, mà chỉ đơn thuần là một sự thay đổi về tâm thức. Bởi mỗi người đều có trong bản thân mình vật chất thuộc về mỗi cõi này, một thể tương ứng với từng cõi, trong đó người ấy có thể hoạt động khi đã học cách làm điều này. Vì thế, để chuyển từ cõi này sang cõi khác là chuyển sự tập trung của tâm thức từ một thể sang một thể khác, sử dụng thể cảm dục hoặc thể trí thay vì thể xác. Tự nhiên, mỗi thể trong số này chỉ đáp ứng với những rung động của cõi riêng của nó; và vì vậy, khi tâm thức của người được tập trung vào thể cảm dục, y sẽ chỉ nhận thức được thế giới cảm dục, cũng như khi tâm thức của chúng ta chỉ sử dụng các giác quan vật lý, chúng ta chỉ nhận thức được thế giới vật lý này — dù rằng cả hai thế giới này (và nhiều thế giới

senses we perceive nothing but this physical-world —though both these worlds (and many others) are in existence and full activity all round us all the while. Indeed, all these planes together constitute in reality one mighty living whole, though as yet our feeble powers are capable of observing only a very small part of this at a time.

khác) đều đang tồn tại và hoạt động sống động xung quanh chúng ta suốt mọi lúc. Thực sự, tất cả các cõi này khi kết hợp lại tạo thành một chỉnh thể vĩ đại sống động, dù hiện tại năng lực yếu kém của chúng ta chỉ có thể quan sát được một phần rất nhỏ của nó tại mỗi thời điểm.

When considering this question of locality and interpenetration we must be on our guard against possible misconceptions. It should be understood that none of the three lower planes of the solar system is co-extensive with it except as regards a particular condition of the highest or atomic subdivision of each. Each physical globe has its physical plane (including its atmosphere), its astral plane, and its mental plane, all interpenetrating one another, and therefore occupying the same position in space, but all quite apart from and not communicating with the corresponding planes of any other globe. It is only when we rise to the lofty levels of the buddhic plane that we find a condition common to, at any rate, all the planets of our chain.

Khi xem xét vấn đề về vị trí và sự xuyên thấu, chúng ta phải cẩn trọng trước các hiểu lầm có thể xảy ra. Cần hiểu rằng không có cõi nào trong ba cõi thấp của hệ mặt trời là đồng diện với toàn bộ hệ này, ngoại trừ ở điều kiện cao nhất hoặc phân chia nguyên tử của mỗi cõi. Mỗi bầu vật lý đều có cõi vật lý của nó (bao gồm khí quyển), cõi cảm dục và cõi trí, tất cả đều xuyên thấu lẫn nhau, do đó chiếm cùng một vị trí trong không gian, nhưng tất cả lại hoàn toàn tách biệt và không giao tiếp với các cõi tương ứng của bất kỳ bầu nào khác. Chỉ khi chúng ta tiến lên các tầng cao của cõi Bồ đề, chúng ta mới tìm thấy một điều kiện chung cho ít nhất là tất cả các hành tinh trong dãy hành tinh của chúng ta.

Notwithstanding this, there is, as stated above, a condition of the atomic matter of each of these planes which is cosmic in its extent; so that the seven atomic sub-planes of our system, taken apart from the rest, may be said to constitute one cosmic plane - the lowest, sometimes called the cosmic-prakritic. The interplanetary ether, for example, which appears to extend through the whole of space - indeed must do so, at least to the farthest visible star, otherwise our physical eyes could not perceive that star - is composed of physical ultimate atoms in their normal and uncompressed [4] condition. But all the lower and more complex forms of ether exist only (so far as is at present known) in connection with the various heavenly bodies, aggregated

Mặc dù vậy, như đã nêu ở trên, có một điều kiện của vật chất nguyên tử của mỗi cõi trong số này có tính chất vũ trụ; vì vậy, bảy cõi phụ nguyên tử của hệ chúng ta, tách rời khỏi phần còn lại, có thể được coi là tạo thành một cõi vũ trụ — cõi thấp nhất, đôi khi được gọi là vũ trụ-prakritic. Chẳng hạn, dĩ thái liên hành tinh, thứ dường như kéo dài qua toàn bộ không gian — thực sự phải như vậy, ít nhất là đến ngôi sao xa nhất có thể thấy được, nếu không mắt thường của chúng ta sẽ không thể thấy được ngôi sao đó — được cấu tạo từ các nguyên tử tối hậu vật lý trong trạng thái bình thường và không nén. Nhưng tất cả các dạng thấp hơn và phức tạp hơn của dĩ thái chỉ tồn tại (cho đến nay đã được biết) trong mối liên hệ với các thiên thể khác nhau, tụ tập xung

round them just as their atmosphere is, though probably extending considerably further from their surface.

quanh chúng như khí quyển của chúng, dù có lẽ kéo dài ra xa khỏi bề mặt của chúng khá nhiều.

1Precisely the same is true of the astral and mental planes. The astral plane of our own earth interpenetrates it and its atmosphere, but also extends for some distance beyond the atmosphere. It may be remembered that this plane was called by the Greeks the sub-lunar world. The mental plane in its turn interpenetrates the astral, but also extends further into space than does the latter.

1 Chính xác điều tương tự cũng đúng với cõi cảm dục và cõi trí. Cõi cảm dục của chính trái đất chúng ta thâm nhập nó và bầu khí quyển của nó, nhưng cũng mở rộng ra một khoảng cách vượt quá khí quyển. Có thể nhớ rằng cõi này được người Hy Lạp gọi là thế giới dưới mặt trăng. Cõi trí, đến lượt nó, thâm nhập cõi cảm dục, nhưng cũng mở rộng xa hơn vào không gian so với cõi này.

Only the atomic matter of each of these planes, and even that only in an entirely free condition, is co-extensive with the interplanetary ether, and consequently a person can no more pass from planet to planet even of our own chain in his astral body or his mind-body, than he can in his physical body. In the causal body, when very highly developed, this achievement is possible, though even then by no means with the ease and rapidity with which it can be done upon the buddhic plane by those who have succeeded in raising their consciousness to that level.

Chỉ có vật chất nguyên tử của mỗi cõi này, và ngay cả như vậy chỉ trong tình trạng hoàn toàn tự do, là đồng nhất với dĩ thái liên hành tinh, và do đó, một người không thể di chuyển từ hành tinh này sang hành tinh khác ngay cả trong dãy hành tinh của chúng ta bằng thể cảm dục hoặc thể trí, cũng như họ không thể làm điều đó với thể xác của mình. Trong thể nhân quả, khi đã phát triển rất cao, thành tựu này là có thể, mặc dù ngay cả lúc đó cũng không hề dễ dàng và nhanh chóng như những gì có thể được thực hiện trên cõi bồ đề bởi những ai đã nâng tâm thức của mình lên mức đó.

A clear comprehension of these facts will prevent the confusion that has sometimes been made by students between the mental plane of our earth and those other globes of our chain which exist on the mental plane. It must be understood that the seven globes of our chain are real globes, occupying definite and separate positions in space, notwithstanding the fact that some of them are not up in the physical plane. Globes A, B, F, and G are separate from us and from one another just in the same way as are Mars and the earth; the only difference is that whereas the latter have physical, astral and mental planes of their own, globes B and F have

Một sự thấu hiểu rõ ràng về những sự kiện này sẽ ngăn ngừa sự nhầm lẫn mà đôi khi học giả mắc phải giữa cõi trí của trái đất chúng ta và những bầu hành tinh khác trong dãy của chúng ta tồn tại trên cõi trí. Cần phải hiểu rằng bảy bầu của dãy chúng ta là những bầu hành tinh thực sự, chiếm các vị trí xác định và riêng rẽ trong không gian, bất chấp việc một số bầu trong số chúng không hiện hữu trên cõi vật lý. Các bầu A, B, F và G tách biệt với chúng ta và với nhau theo cách giống như hỏa tinh và trái đất; điểm khác biệt duy nhất là, trong khi các hành tinh này có các cõi vật lý, cảm dục và trí của riêng mình, thì bầu B và F không có gì thấp hơn cõi cảm dục, và bầu A và G không có gì

nothing below the astral plane, and A [5] and G nothing below the mental. The astral plane dealt with in Manual V and the mental plane which we are about to consider are those of this earth only, and have nothing to do with these other planets at all.

thấp hơn cõi trí. Cõi cảm dục được đề cập trong Sổ Tay V và cõi trí mà chúng ta sắp thảo luận chỉ thuộc về trái đất này mà thôi, và hoàn toàn không liên quan gì đến những hành tinh khác.

The mental plane upon which the heaven-life takes place, is the third of the five great planes with which humanity is at present concerned, having below it the astral and the physical, and above it the buddhic and the nirvânic. It is the plane upon which man, unless at an exceedingly early stage of his progress, spends by far the greater part of his time during the process of evolution; for, except in the case of the entirely undeveloped, the proportion of the physical life to the celestial is rarely much greater than one in twenty, and in the case of fairly good people it would sometimes fall as low as one in thirty. It is, in fact, the true and permanent home of the reincarnating ego or soul of man, each descent into incarnation being merely a short though important episode in his career. It is therefore well worth our while to devote to its study such time and care as may be necessary to acquire as thorough a comprehension of it as is possible for us while encased in the physical body. [3]

Cõi trí, nơi diễn ra đời sống thiên đàng, là cõi thứ ba trong năm cõi lớn mà nhân loại hiện đang quan tâm, với cõi cảm dục và cõi trần phía dưới, và cõi bồ đề và cõi niết bàn phía trên. Đây là cõi mà con người, trừ khi đang ở giai đoạn rất sớm trong tiến trình tiến hóa, dành phần lớn thời gian trong quá trình tiến hóa của mình; bởi lẽ, ngoại trừ những người hoàn toàn chưa phát triển, tỷ lệ giữa đời sống vật chất và đời sống thiên đàng hiếm khi vượt quá một phần hai mươi, và đối với những người tốt lành, đôi khi có thể xuống thấp đến mức một phần ba mươi. Thực tế, đây là ngôi nhà thực sự và vĩnh cửu của chân ngã hay linh hồn của con người, và mỗi lần hạ sinh vào cõi trần chỉ là một giai đoạn ngắn nhưng quan trọng trong hành trình của nó. Vì vậy, việc dành thời gian và công sức cần thiết để nghiên cứu cõi này thật đáng để có được sự thấu hiểu sâu sắc nhất có thể khi ta còn trong thể xác.

Unfortunately there are practically insuperable difficulties in the way of any attempt to put the facts of this third plane of nature into language — and not unnaturally, for we often find words insufficient to express our ideas and feelings even on this lowest plane. Readers of The Astral Plane will remember what was there stated as to the impossibility of conveying any adequate conception of the marvels of that region to those whose experience had not as yet transcended the physical world; one can but say that every observation there made to that effect applies with tenfold force to the effort

Thật không may, có những khó khăn gần như không thể vượt qua khi cố gắng diễn đạt các sự kiện của cõi thiên nhiên thứ ba này bằng ngôn ngữ — và điều này cũng không có gì lạ, vì chúng ta thường thấy từ ngữ không đủ để diễn tả ý tưởng và cảm xúc của mình ngay cả trên cõi thấp nhất này. Các độc giả của "Cõi Cảm Dục" hẳn sẽ nhớ đến những gì đã được đề cập ở đó về sự bất khả trong việc truyền đạt một khái niệm đầy đủ về những điều kỳ diệu của khu vực đó cho những ai chưa có kinh nghiệm vượt quá thế giới vật chất; chỉ có thể nói rằng mọi nhận xét được đưa ra ở đó cũng áp dụng gấp mười lần cho nỗ lực hiện tại trong phần

which is before us in this sequel to that treatise. Not only is the matter which we must endeavour to describe much further removed than is astral [6] matter from that to which we are accustomed, but the consciousness of that plane is so immensely wider than anything we can imagine down here, and its very conditions so entirely different, that when called upon to translate it all into mere ordinary words the explorer feels himself utterly at a loss, and can only trust that the intuition of his readers will supplement the inevitable imperfections of his description.

tiếp theo của chuyên luận đó. Không chỉ là vấn đề mà chúng ta cố gắng mô tả còn cách biệt hơn nhiều so với chất liệu cảm dục mà chúng ta đã quen thuộc, mà tâm thức của cõi đó cũng mở rộng vô cùng so với bất cứ điều gì chúng ta có thể tưởng tượng ở đây, và ngay cả các điều kiện của nó cũng hoàn toàn khác biệt, khiến cho khi phải chuyển dịch tất cả vào các từ ngữ thông thường, người khám phá cảm thấy mình hoàn toàn lạc lối, và chỉ có thể hy vọng rằng trực giác của độc giả sẽ bổ sung cho những thiếu sót không thể tránh khỏi trong mô tả của mình.

To take one only out of many possible examples of our difficulties, it would seem as though on this mental plane space and time were non-existent, for events which down here take place in succession and at widely-separated places, appear there to be occurring simultaneously and at the same point. That at least is the effect produced on the consciousness of the ego, though there are circumstances which favour the supposition that absolute simultaneity is the attribute of a still higher plane, and that the sensation of it in the heaven-world is simply the result of a succession so rapid that the infinitesimally minute spaces of time are indistinguishable, just as in the well-known optical experiment of whirling round a stick the end of which is red-hot, the eye receives the impression of a continuous ring of fire if the stick be whirled more than ten times a second; not because a continuous ring really exists, but because the average human eye is incapable of distinguishing as separate any similar impressions which follow one another at intervals of less than the tenth part of a second.

Chỉ lấy một trong nhiều ví dụ có thể về những khó khăn của chúng ta, dường như trên cõi trí này không gian và thời gian không tồn tại, bởi các sự kiện vốn diễn ra liên tiếp và ở những nơi cách xa nhau ở đây, lại dường như xảy ra đồng thời và tại cùng một điểm trên cõi đó. Ít nhất đó là hiệu ứng được tạo ra trên tâm thức của chân ngã, mặc dù có những hoàn cảnh gợi ý rằng tính đồng thời tuyệt đối là thuộc tính của một cõi cao hơn nữa, và cảm giác đó trong thế giới thiên đàng chỉ là kết quả của một sự liên tiếp nhanh chóng đến mức những khoảng thời gian nhỏ nhất là không thể phân biệt được, giống như trong thí nghiệm quang học quen thuộc khi quay một cây gậy có đầu nung đỏ, mắt nhận thấy ấn tượng về một vòng lửa liên tục nếu cây gậy được quay hơn mười lần một giây; không phải vì một vòng lửa thực sự tồn tại, mà vì mắt người trung bình không thể phân biệt được các ấn tượng tương tự khi chúng tiếp nối nhau trong khoảng cách ít hơn một phần mười giây.

However that may be, the reader will readily comprehend that in the endeavour to describe a condition of existence so totally unlike that

Dù thế nào đi nữa, người đọc sẽ dễ dàng hiểu rằng trong nỗ lực miêu tả một điều kiện tồn tại hoàn toàn khác với đời sống vật chất như điều

of physical life as is the one which we have to consider, it will be impossible to avoid saying many things that will be partly unintelligible and may even seem wholly incredible to those who have not personally experienced that higher life. That this should be so is, as I [7] have said, inevitable, so readers who find themselves unable to accept the report of our investigators must simply wait for a more satisfactory account of the heaven-world until they are able to examine it for themselves: I can only repeat the assurance previously given in The Astral Plane that all reasonable precautions have been taken to ensure accuracy. In this case as in that, we may say that " no fact, old or new, has been admitted to this treatise unless it has been confirmed by the testimony of at least two independent trained investigators among ourselves, and has also been passed as correct by older students whose knowledge on these points is necessarily much greater than ours. It is hoped, therefore, that this account, though it cannot be considered as complete, may yet be found reliable as far as it goes."

chúng ta đang phải xem xét, sẽ không thể tránh được việc nói ra nhiều điều sẽ phần nào không thể hiểu được và thậm chí có thể hoàn toàn khó tin đối với những ai chưa từng trải nghiệm đời sống cao hơn đó. Như tôi đã nói, điều này là không thể tránh khỏi, vì vậy những độc giả không thể chấp nhận báo cáo của các nhà nghiên cứu của chúng tôi chỉ cần chờ đợi một bản miêu tả thỏa đáng hơn về thế giới thiên đàng cho đến khi họ có thể tự mình khảo sát nó: tôi chỉ có thể nhắc lại lời cam kết đã đưa ra trong "Cõi Cảm Dục" rằng mọi biện pháp phòng ngừa hợp lý đã được thực hiện để đảm bảo độ chính xác. Trong trường hợp này cũng như trường hợp đó, chúng ta có thể nói rằng "không có sự kiện nào, cũ hay mới, được đưa vào chuyên luận này trừ khi nó đã được xác nhận bởi lời chứng của ít nhất hai nhà nghiên cứu được huấn luyện độc lập trong nhóm chúng tôi, và cũng đã được các học giả kỳ cựu có kiến thức về những điểm này lớn hơn chúng tôi rất nhiều xác nhận là chính xác. Do đó, hy vọng rằng, dù bản miêu tả này không thể được coi là hoàn chỉnh, nó vẫn có thể được xem là đáng tin cậy trong phạm vi của nó.

The general arrangement of the previous manual will as far as possible be followed in this one also, so that those who wish to do so will be able to compare the two planes stage by stage. The heading " Scenery " would, however, be inappropriate to the mental plane, as will be seen later; we will therefore substitute for it the title which follows.

Cách sắp xếp tổng quát của quyển sách trước, nếu có thể sẽ tiếp tục áp dụng đối với quyển sách này, để cho độc giả có thể so sánh từng phần của hai cõi. Tuy nhiên đầu đề của phần "Quang Cảnh" (Scenery) của quyển sách trước không thích hợp cho cõi thượng giới, như sẽ được trình bày trong nội dung của phần sau; cho nên chúng tôi sẽ thay thế bằng đầu đề khác như sau.

## GENERAL CHARACTERISTICS - NHỮNG ĐẶC TÍNH TỔNG QUÁT

Perhaps the least unsatisfactory method of approaching this exceedingly difficult subject will be to plunge in medias res and make the attempt (foredoomed to failure though it be) to depict what a pupil or trained student sees

Có lẽ phương pháp ít thoả đáng nhất để tiếp cận chủ đề vô cùng khó khăn này là lao thẳng vào vấn đề và thử (dù đã biết trước là sẽ thất bại) miêu tả những gì mà một học trò hoặc một sinh viên được huấn luyện nhìn thấy khi thế

when first the heaven-world opens before him. I use the word pupil advisedly, for unless a man stand in that relation to one of the Masters of Wisdom, there is but little likelihood of his being able to pass in full consciousness into that glorious land off bliss, and return to earth with clear remembrance of that which he has seen there. Thence no accommodating "spirit" ever comes to utter cheap platitudes through the mouth of the professional medium; thither no ordinary clairvoyant ever rises, though sometimes the best and purest have entered it when in deepest trance they slipped from the control of their mesmerizers — yet even then they have rarely brought back more than a faint recollection of an intense but indescribable bliss, generally deeply coloured by their personal religious convictions.

giới thiên đàng lần đầu tiên mở ra trước mắt y. Tôi dùng từ "học trò" một cách có chủ đích, bởi nếu một người không đứng ở vị thế đó đối với một trong những Chân sư Minh Triết, thì rất ít khả năng y có thể bước vào thế giới vinh quang đầy phúc lạc đó với ý thức trọn vẹn, và trở lại trần gian với ký ức rõ ràng về những gì y đã thấy ở đó. Từ đó, không một "linh hồn" nào sẵn lòng trở về để thốt ra những lời sáo rỗng rẻ tiền qua miệng của các nhà ngoại cảm chuyên nghiệp; cũng không có nhà thông nhãn nào thông thường có thể bước vào cõi đó, dù đôi khi những người trong sạch nhất có thể đã bước vào đó khi trong trạng thái nhập định sâu, họ thoát khỏi sự kiểm soát của các nhà thôi miên — tuy nhiên, ngay cả khi đó, họ hiếm khi mang về được nhiều hơn một ký ức mờ nhạt về một phúc lạc mãnh liệt nhưng không thể diễn tả, thường bị ảnh hưởng sâu sắc bởi niềm tin tôn giáo cá nhân của họ.

When once the departed soul, withdrawing into himself after what we call death, has reached that plane, neither the yearning thoughts of his sorrowing friends nor the allurements of the spiritualistic circle can ever draw him back into communion with the physical earth until all the spiritual forces which he has set in motion in his recent life have worked themselves out to the full, and he once more stands ready to take upon himself new robes of flesh. Nor, even if he could so return, would his account of his experiences give any true idea of the plane, for, as will presently [9] be seen, it is only those who can enter it in full waking consciousness who are able to move about freely and drink in all the wondrous glory and beauty which the heaven-world has to show. But all this will be more fully explained later, when we come to deal with the inhabitants of this celestial realm.

Khi một linh hồn đã qua đời, tự rút lui vào bên trong chính mình sau điều chúng ta gọi là cái chết, và đạt đến cõi đó, thì dù những suy nghĩ khao khát của bạn bè đau buồn hay sự lôi cuốn của buổi cầu hồn cũng không thể kéo y trở lại giao tiếp với trái đất vật chất, cho đến khi mọi lực lượng tinh thần mà y đã kích hoạt trong đời sống gần đây của mình đã hoạt động đến hết mức có thể, và y một lần nữa sẵn sàng khoác lên mình tấm áo xác thịt mới. Ngay cả nếu y có thể trở về, thì lời tường thuật của y về những trải nghiệm sẽ không thể cung cấp một ý niệm đúng đắn về cõi này, vì, như sẽ sớm thấy, chỉ những ai có thể bước vào đó với ý thức tỉnh táo hoàn toàn mới có thể tự do di chuyển và thưởng ngoạn tất cả vẻ đẹp huy hoàng và kỳ diệu mà thế giới thiên đàng có để hiển lộ. Nhưng tất cả điều này sẽ được giải thích rõ hơn khi chúng ta đến phần đề cập đến các cư dân của cảnh giới thiên đàng này.

## A Beautiful Description.- Một Cảnh Trí Lộng Lẫy

In an early letter from an eminent occultist the following beautiful passage was given as a quotation from memory. I have never been able to discover whence it was taken, though what seems to be another version of it, considerably expanded, appears in Beal's Catena of Buddhist Scriptures, page 378.

Trong một lá thư buổi ban đầu của một nhà huyền bí danh tiếng, đoạn văn tuyệt đẹp sau đây được trích dẫn từ ký ức. Tôi chưa bao giờ tìm ra nguồn gốc chính xác của nó, dù một phiên bản khác của đoạn này, được mở rộng đáng kể, xuất hiện trong "Catena of Buddhist Scriptures" của Beal, trang 378.

"Our Lord buddha says: Many thousand myriads of systems of worlds beyond this is a region of bliss called Sukhâvatî. This region is encircled within seven rows of railings, seven rows of vast curtains, seven rows of waving trees. This holy abode of the Arhats is governed by the Tathâgatas and is possessed by the Bodhisattvas. It has seven precious lakes, in the midst of which flow crystalline waters having seven and yet one distinctive properties and qualities. This, O Sâriputra, is the Devachan. Its divine udambara flower casts a root in the shadow of every earth, and blossoms for all those who reach it. Those born in this blessed region - who have crossed the golden bridge and reached the seven golden mountains - they are truly felicitous; there is no more grief or sorrow in that cycle for them."

"Đức Phật của chúng ta nói: Hàng ngàn vạn hệ thống thế giới vượt xa thế giới này có một cõi cực lạc được gọi là Sukhâvatî (Tây Phương Cực Lạc). Cõi này được bao quanh bởi bảy hàng rào, bảy hàng rèm lớn, bảy hàng cây rì rào. Nơi thánh thiêng của các vị A-la-hán này do các Như Lai cai quản và do các Bồ-tát sở hữu. Cõi này có bảy hồ quý báu, trong đó chảy những dòng nước trong suốt, mang bảy và đồng thời một phẩm tính và đặc tính khác nhau. Đây, này Xá Lợi Phất, là cõi Devachan. Đoá hoa Ưu Đàm của nó đâm rễ dưới bóng mỗi trái đất, và nở cho tất cả những ai đạt đến nó. Những người sinh ra trong vùng đất phúc lạc này — những người đã vượt qua cây cầu vàng và đến được bảy ngọn núi vàng — họ thực sự hạnh phúc; không còn đau buồn hay phiền não nào nữa trong vòng tuần hoàn ấy đối với họ."

Veiled though they be under the gorgeous imagery of the Orient, we may easily trace in this passage some of the leading characteristics which have appeared most prominently in the accounts of our own modern investigators. The "seven golden mountains" can be but the seven subdivisions of the mental plane, separated from [10] one another by barriers impalpable, yet real and effective there as "seven rows of railings, seven rows of vast curtains, seven rows of waving trees" might be here: the seven kinds of crystalline water, having each its distinctive properties and qualities, represent the different powers and conditions of mind

Dù được che giấu dưới hình tượng tuyệt đẹp của Phương Đông, chúng ta vẫn có thể dễ dàng nhận ra một vài đặc điểm chính, những đặc tính nổi bật trong các báo cáo của các nhà nghiên cứu hiện đại. "Bảy ngọn núi vàng" chỉ có thể là bảy cảnh của cõi trí, được ngăn cách với nhau bởi những rào chắn không thể chạm vào, nhưng là thực và hiệu quả; như "bảy hàng rào, bảy lớp màn lớn, bảy hàng cây rì rào" tại cõi trần này. Bảy loại nước trong suốt như pha lê, mỗi loại mang đặc tính và phẩm chất riêng biệt, tượng trưng cho các quyền năng và điều kiện tư tưởng khác nhau tương ứng của chúng, trong khi đặc tính chung của tất cả là bảo đảm cho những ai cư ngụ ở đó cảm nhận được

belonging to them respectively, while the one quality which they all have in common is that of ensuring to those residing upon them the utmost intensity of bliss which they are capable of experiencing. Its flower indeed "casts a root in the shadow of every earth," for from every world man enters the corresponding heaven, and happiness such as no tongue may tell is the blossom which burgeons forth for all who so live as to fit themselves to attain it. For they have " crossed the golden bridge" over the stream which divides this realm from the world of desire; for them the struggle between the higher and the lower is over, and for them, therefore, is "no more grief or sorrow in that cycle," until once more the man puts himself forth into, incarnation, and the celestial world is again left for a time behind.

cường độ phúc lạc tối thượng mà họ có thể trải nghiệm.

Thực vậy, loài hoa của cõi này "rễ mọc trong bóng tối của mỗi trái đất," bởi từ mọi thế giới, con người đều bước vào cõi trời tương ứng, và hạnh phúc mà không ngôn từ nào diễn đạt được là đoá hoa nở rộ cho tất cả những ai sống sao cho xứng đáng đạt đến nó. Họ đã "bước qua cầu vàng" bắc qua dòng suối ngăn cách cảnh giới này với thế giới của dục vọng; đối với họ, cuộc đấu tranh giữa lý tưởng cao cả và những điều thấp hèn đã kết thúc, và vì thế, "không còn đau khổ hay phiền muộn trong chu kỳ đó," cho đến khi con người một lần nữa nhập thể, và tạm thời rời bỏ cõi thiên đàng này.

## The Bliss of the Heaven-World—Sự Chí Phúc Nơi Cõi Thiên Đàng

This intensity of bliss is the first great idea which must form a background to all our conceptions of the heaven-life. It is not only that we are dealing with a world in which, by its very constitution, evil and sorrow are impossible; it is not only a world in which every creature is happy; the facts of the case go far beyond all that. It is a world in which every being must, from the very fact of his presence there, be enjoying the highest spiritual bliss of which he is capable — a world whose power of response to his aspirations is limited only by his capacity to aspire.[11]

Cường độ phúc lạc này là ý niệm lớn đầu tiên phải tạo nên nền tảng cho mọi nhận thức của chúng ta về đời sống thiên đàng. Đây không chỉ là một thế giới trong đó, do bản chất của nó, sự ác và đau khổ là không thể có; không chỉ là một thế giới mà mỗi sinh linh đều hạnh phúc; sự thật còn vượt xa hơn tất cả điều đó. Đây là một thế giới trong đó mỗi thực thể, chỉ cần hiện diện ở đó, đều đang trải nghiệm niềm phúc lạc tinh thần cao nhất mà y có khả năng cảm nhận — một thế giới mà khả năng đáp ứng các khát vọng của y chỉ bị giới hạn bởi khả năng khát vọng của chính y.

Here for the first time we begin to grasp something of the true nature of the great Source of Life; here for the first time we catch a far-away glimpse of what the Logos must be, and of what He means us to be. And when the stupendous reality of it all bursts upon our astonished vision, we cannot but feel that,

Tại đây, lần đầu tiên chúng ta bắt đầu nắm bắt một phần bản chất thật sự của Nguồn Sự Sống Vĩ Đại; lần đầu tiên chúng ta thoáng thấy từ xa điều mà Thượng đế phải là, và Ngài muốn chúng ta trở thành. Và khi hiện thực kỳ diệu của tất cả điều này bùng nổ trong tầm nhìn ngạc nhiên của chúng ta, chúng ta không thể

with this knowledge of the truth, life can never again look to us as it did before. We cannot but marvel at the hopeless inadequacy of all the worldly man's ideas of happiness; indeed, we cannot avoid seeing that most of them are absurdly inverted and impossible of realization, and that for the most part he has actually turned his back upon the very goal which he is seeking. But here at last is truth and beauty, far transcending all that every poet dreamed; and in the light of its surpassing glory all other joy seems dim and faint, unreal and unsatisfying.

không cảm thấy rằng, với sự hiểu biết về chân lý này, cuộc sống sẽ không bao giờ hiện ra với chúng ta như trước nữa. Chúng ta không thể không ngạc nhiên trước sự bất lực vô vọng của mọi ý niệm về hạnh phúc của người đời; thật vậy, chúng ta không thể không nhận thấy rằng hầu hết trong số chúng là những ảo tưởng ngược đời và không thể đạt được, và phần lớn, họ thực sự đã quay lưng lại với chính mục tiêu mà họ đang tìm kiếm. Nhưng ở đây cuối cùng là chân lý và vẻ đẹp, vượt xa tất cả những gì mọi nhà thơ đã từng mơ thấy; và dưới ánh sáng của vinh quang vượt trội này, mọi niềm vui khác dường như mờ nhạt và yếu ớt, không thực và không thể thỏa mãn.

Some detail of all this we must endeavour to make clear later on; the point to be emphasized for the moment is that this radiant sense, not only of the welcome absence of all evil and discord, but of the insistent, overwhelming presence of universal joy, is the first and most striking sensation experienced by him who enters upon the heaven-world. And it never leaves him so long as he remains there; whatever work he may be doing, whatever still higher possibilities of spiritual exaltation may arise before him as he learns more of the capabilities of this new world in which he finds himself, the strange indescribable feeling of inexpressible delight in mere existence in such at realm underlies all else — this enjoyment of the abounding joy of others is ever present with him. Nothing on earth is like it, nothing can image it; if one could suppose the bounding life of childhood carried up into our spiritual experience and then intensified many thousand-fold, perhaps some faint shadow of an idea of it might be suggested; [12] yet even such a simile falls miserably short of that which lies beyond all words — the tremendous spiritual vitality of this celestial world.

Một số chi tiết về tất cả điều này chúng ta sẽ cố gắng làm sáng tỏ thêm sau; điểm cần nhấn mạnh lúc này là cảm giác rực rỡ này, không chỉ về sự vắng mặt đáng mừng của mọi điều ác và bất hòa, mà còn là sự hiện diện áp đảo, ngập tràn của niềm vui phổ quát, là cảm giác đầu tiên và nổi bật nhất mà người bước vào cõi thiên đàng trải nghiệm. Và cảm giác đó không bao giờ rời xa y chừng nào y còn ở đó; dù y có đang làm bất cứ công việc gì, dù có khả năng thăng hoa tinh thần nào cao hơn đang mở ra trước mắt y khi y dần hiểu rõ hơn những tiềm năng của thế giới mới mà y đang hiện diện, thì cảm giác kỳ lạ và không thể diễn tả về niềm vui sướng chỉ đơn thuần từ sự tồn tại trong một cõi như vậy vẫn bao trùm tất cả — và sự phúc lạc từ niềm vui phong phú của người khác luôn hiện diện với y. Không gì trên trái đất có thể sánh được với điều này, không gì có thể mô phỏng nó; nếu có thể tưởng tượng niềm sống động của tuổi thơ được nâng lên trong trải nghiệm tinh thần của chúng ta và sau đó tăng cường hàng ngàn lần, có lẽ một hình bóng mờ nhạt của nó có thể được gợi ý; nhưng ngay cả phép so sánh này cũng hoàn toàn không thể diễn tả được điều gì nằm vượt ngoài mọi lời lẽ — đó là sức sống tinh thần mãnh liệt của thế giới thiên đàng này.

One way in which this intense vitality manifests itself is the extreme rapidity of vibration of all particles and atoms of this mental matter. As a theoretical proposition we are all aware that even here on the physical plane no particle of matter, though forming part of the densest of solid bodies, is ever for a moment at rest; nevertheless when by the opening of astral vision this becomes for us no longer a mere theory of the scientists, but an actual and ever-present fact, we realize the universality of life in a manner and to an extent that was quite impossible before; our mental horizon widens out, and we begin even already to have glimpses of possibilities in nature which to those who cannot yet see must appear the wildest of dreams.

Một cách mà sức sống mãnh liệt này thể hiện là sự dao động cực nhanh của tất cả các hạt và nguyên tử của chất trí tuệ này. Về mặt lý thuyết, chúng ta đều biết rằng ngay cả ở cõi vật lý này, không hạt vật chất nào, dù là thành phần của những vật thể đặc nhất, bao giờ ngừng chuyển động; tuy nhiên, khi tầm nhìn cảm dục được mở ra, điều này không còn chỉ là một lý thuyết của các nhà khoa học nữa, mà trở thành một sự thật hiện hữu và liên tục, chúng ta nhận thức về tính phổ quát của sự sống theo một cách và ở một mức độ mà trước đó không thể tưởng tượng được; chân trời tư tưởng của chúng ta mở rộng, và chúng ta bắt đầu thoáng thấy những khả năng trong thiên nhiên mà đối với những người chưa thể thấy chúng có vẻ là những giấc mơ hoang đường nhất.

If this be the effect of acquiring the mere astral vision, and applying it to dense physical matter, try to imagine the result produced on the mind of the observer when, having left this physical plane behind and thoroughly studied the far more vivid life and infinitely more rapid vibrations of the astral, he finds a new and transcendent sense opening within him, which unfolds to his enraptured gaze yet another and a higher world, whose vibrations are as much quicker than those of our physical plane as vibrations of light are than those of sound - a world where the omnipresent life which pulsates ceaselessly around and within him is of a different order altogether, is as it were raised to an enormously higher power.

Nếu đó là tác động của việc có được tầm nhìn cảm dục và áp dụng nó vào vật chất vật lý đậm đặc, hãy thử tưởng tượng tác động lên tâm trí của người quan sát khi, sau khi đã rời bỏ cõi vật lý này và nghiên cứu cặn kẽ sức sống sinh động hơn nhiều và các dao động nhanh hơn vô tận của cõi cảm dục, một ý thức mới và siêu việt mở ra bên trong y, và trải rộng trước ánh nhìn say mê của y một thế giới khác, cao cả hơn, nơi các dao động nhanh hơn những dao động của cõi vật lý chúng ta như ánh sáng so với âm thanh — một thế giới mà sự sống hiện diện khắp nơi, nhịp đập không ngừng xung quanh và bên trong y thuộc một cấp độ hoàn toàn khác, được nâng lên một sức mạnh lớn lao vô cùng.

## A New Method of Cognition—Một Phương Pháp Nhận Thức Mới.

The very sense itself, by which he is enabled to cognize all this, is not the least of the marvels of this celestial [13] world; no longer does he hear and see and feel by separate and limited organs, as he does down here, nor has he even

Chính cảm giác mà nhờ đó y có thể nhận thức tất cả những điều này cũng không phải là điều kỳ diệu nhỏ nhất của thế giới thiên thể này; y không còn nghe, thấy, và cảm nhận qua các cơ quan riêng lẻ và giới hạn như y vẫn làm ở đây,

the immensely extended capacity of sight and hearing which he possessed on the astral plane; instead of these he feels within him a strange new power which is not any of them, and yet includes them all and much more — a power which enables him the moment any person or thing comes before him not only to see it and feel it and hear it, but to know all about it instantly inside and out — its causes, its effects, and its possibilities, so far at least as that plane and all below it are concerned. He finds that for him to think is to realize; there is never any doubt, hesitation, or delay about this direct action of the higher sense. If he thinks of a place, he is there; if of a friend, that friend is before him. No longer can misunderstandings arise, no longer can he be deceived or misled by any outward appearances, for every thought and feeling of his friend lies open as a book before him on that plane.

cũng không có năng lực thị giác và thính giác mở rộng đến mức lớn lao mà y đã sở hữu trên cõi cảm dục; thay vào đó, y cảm nhận trong mình một quyền năng mới lạ không phải bất kỳ giác quan nào trong số đó, nhưng lại bao gồm tất cả chúng và còn nhiều hơn thế nữa — một quyền năng giúp y ngay khi bất kỳ người hay vật nào xuất hiện trước mặt y, không chỉ thấy, cảm nhận và nghe được, mà còn biết mọi điều về nó tức khắc, từ trong ra ngoài — nguyên nhân, kết quả, và những khả năng của nó, ít nhất là trong phạm vi cõi giới đó và tất cả các cõi thấp hơn. Y nhận thấy rằng với y, việc nghĩ là nhận thức; không bao giờ có sự nghi ngờ, do dự hay chậm trễ nào về hành động trực tiếp của giác quan cao cả này. Nếu y nghĩ về một nơi, y đã ở đó; nếu nghĩ về một người bạn, người bạn đó hiện ra trước mặt y. Không còn sự hiểu lầm nào có thể xảy ra, không ai có thể lừa dối hay làm y hiểu sai bởi bất kỳ vẻ bề ngoài nào, vì mọi tư tưởng và cảm xúc của người bạn của y đều hiện ra như một quyển sách mở trước mặt y trên cõi giới đó.

And if he is fortunate enough to have among his friends another whose higher sense is opened, their intercourse is perfect beyond all earthly conception. For them distance and separation do not exist; their feelings are no longer hidden or at best but half expressed by clumsy words; question and answer are unnecessary, for the thought-pictures are read as they are formed, and the interchange of ideas is rapid as is their flashing into existence in the mind.

Và nếu y may mắn có một người bạn khác có giác quan cao cả được mở ra, thì giao tiếp giữa họ sẽ hoàn hảo vượt xa mọi khái niệm trần gian. Đối với họ, không có khoảng cách hay sự chia cắt; cảm xúc của họ không còn bị che giấu hay chỉ thể hiện một cách vụng về qua những lời nói nửa vời; không cần phải có câu hỏi hay trả lời, vì những bức tranh tư tưởng được đọc ngay khi chúng hình thành, và sự trao đổi ý tưởng nhanh chóng như cách chúng lóe lên trong tâm trí.

All knowledge is theirs for the searching — all, that is, which does not transcend even this lofty plane; the past of the world is as open to them as the present; the indelible records of the memory of nature are ever at their disposal, and history, whether ancient or modern, unfolds itself before their eyes at their will. No longer are they at the mercy of

Tất cả tri thức đều là của họ nếu họ tìm kiếm — tất cả những gì không vượt quá cõi giới cao cả này; quá khứ của thế giới hiện ra trước họ rõ ràng như hiện tại; những ký ức bất biến của thiên nhiên luôn sẵn sàng cho họ, và lịch sử, dù cổ đại hay hiện đại, đều mở ra trước mắt họ theo ý muốn. Họ không còn phụ thuộc vào sử gia, người có thể thiếu thông tin và ít nhiều

the historian, who may be ill-informed, and must be more or less partial; they can [page14] study for themselves any incident in which they are interested, with the absolute certainty of seeing " the truth", the whole truth, and nothing but the truth." If they are able to stand upon the higher levels of the plane, the long line of their past lives unrolls itself before them like a scroll; they see the kârmic causes which have made them what they are; they see what karma still lies in front to be worked out before " the long sad count is closed," and thus they realize with unerring certainty their exact place in evolution.

mang tính thiên vị; họ có thể tự mình nghiên cứu bất kỳ sự kiện nào họ quan tâm, với sự chắc chắn tuyệt đối là thấy được "sự thật," toàn bộ sự thật và chỉ sự thật. Nếu họ có thể đứng trên những mức cao hơn của cõi giới này, dòng chảy của các kiếp sống quá khứ của họ trải dài trước họ như một cuộn giấy; họ thấy những nguyên nhân nghiệp quả đã tạo nên họ như hiện tại; họ thấy những nghiệp quả nào vẫn còn ở phía trước để được hóa giải trước khi "bản tính toán dài và buồn kết thúc", và nhờ vậy, họ nhận thức một cách chính xác và không sai lệch về vị trí chính xác của họ trong quá trình tiến hóa.

If it be asked whether they can see the future clearly as the past, the answer must be in the negative, for that faculty belongs to a still higher plane, and though in this mental plane prevision is to a great extent possible to them, yet it is not perfect, because wherever in the web of destiny the hand of the developed man comes in, his powerful will may introduce new threads, and change the pattern of the life to come. The course of the ordinary undeveloped man, who has practically no will of his own worth speaking of, may often be foreseen clearly enough, but when the ego boldly takes his future into his own hands, exact prevision becomes impossible.

Nếu có người hỏi liệu họ có thể thấy rõ tương lai như quá khứ hay không, câu trả lời phải là không, vì khả năng đó thuộc về một cõi cao hơn nữa, và mặc dù trên cõi trí này, khả năng tiên tri ở một mức độ lớn là khả dĩ đối với họ, nhưng nó không hoàn hảo, bởi vì bất cứ khi nào bàn tay của con người đã phát triển can thiệp vào mạng lưới định mệnh, ý chí mạnh mẽ của y có thể tạo ra những sợi chỉ mới và thay đổi mô hình của cuộc sống tương lai. Đối với người bình thường chưa phát triển, người hầu như không có ý chí riêng đáng kể, thường có thể thấy trước khá rõ ràng, nhưng khi chân ngã mạnh mẽ nắm lấy tương lai của mình trong tay, thì tiên tri chính xác trở nên bất khả thi.

## SURROUNDINGS – Môi Trường Sinh Hoạt

The first impressions, then, of the pupil who enters this mental plane in full consciousness will probably be those of intense bliss, indescribable vitality, enormously increased power, and the perfect confidence which flows from these; and when he makes use of his new sense to examine his surroundings, what does he see ? He finds himself in the midst of what seems to him a whole universe

Những ấn tượng đầu tiên của người đệ tử khi bước vào cõi trí với đầy đủ ý thức có lẽ sẽ là niềm phúc lạc mãnh liệt, sinh lực không thể diễn tả, năng lực gia tăng to lớn, và sự tự tin hoàn hảo chảy tràn từ những điều này; và khi y sử dụng giác quan mới để khảo sát xung quanh, y thấy gì? Y nhận thấy mình đang ở giữa một vũ trụ dường như luôn thay đổi với ánh sáng, màu sắc và âm thanh, mà ngay cả

of ever-changing light and colour and sound, such as it has never entered into his loftiest dreams to imagine. Verily it is true that down here " eye hath not seen, nor ear hath heard, neither [15] hath it entered into the heart of man to conceive" the glories of the heaven-world : and the man who has once experienced them in full consciousness will regard the world with widely different eyes for ever after. Yet this experience is so utterly unlike anything we know on the physical plane that in trying to put it into words one is troubled by a curious sense of helplessness — of absolute incapacity, not only to do it justice, for of that one resigns all hope from the very outset, but even to give any idea at all of it to those who have not themselves seen it.

trong những giấc mơ cao nhất của y cũng chưa từng mường tượng. Thực sự là đúng rằng ở đây "mắt chưa hề thấy, tai chưa hề nghe, cũng chưa từng vào lòng người" [15] để hình dung được những vinh quang của cõi thiên đàng: và người đã một lần trải nghiệm những điều đó với đầy đủ ý thức sẽ nhìn thế giới bằng đôi mắt hoàn toàn khác mãi mãi về sau. Tuy nhiên, trải nghiệm này hoàn toàn khác biệt với bất cứ điều gì chúng ta biết trên cõi vật lý đến mức khi cố gắng diễn đạt nó bằng lời, người ta cảm thấy một sự bất lực kỳ lạ — một sự bất khả, không chỉ để mô tả nó đúng mức, vì điều đó ngay từ đầu đã không thể hy vọng, mà thậm chí để truyền đạt bất kỳ khái niệm nào về nó cho những người chưa từng thấy.

Let a man imagine himself, with the feelings of intense bliss and enormously increased power already described, floating in a sea of living light, surrounded by every conceivable variety of loveliness in colour and form — the whole changing with every wave of thought that he sends out from his mind, and being indeed, as he presently discovers, only the expression of his thought in the matter of the plane and in its elemental essence. For that matter is of the very same order as that of which the mind-body is itself composed, and therefore when that vibration of the particles of the mind-body which we call a thought occurs, it immediately extends itself to this surrounding mental matter, and sets up corresponding vibrations in it, while in the elemental essence it images itself with absolute exactitude. Concrete thought naturally takes .the shape of its objects, while abstract ideas usually represent themselves by all kinds of perfect and most beautiful, geometrical forms; though in this connection it should be remembered that many thoughts which are little more than the merest abstractions to us down here become concrete

Hãy để một người tưởng tượng rằng mình, với cảm giác phúc lạc mãnh liệt và năng lực gia tăng to lớn đã mô tả trước đó, đang trôi nổi trong biển ánh sáng sống động, được bao quanh bởi mọi vẻ đẹp có thể hình dung về màu sắc và hình dạng — tất cả đều thay đổi với mỗi làn sóng tư tưởng mà y phát ra từ tâm trí, và thực ra, như y sẽ sớm khám phá, chỉ là biểu hiện của tư tưởng của y trong chất liệu của cõi này và trong bản chất hành khí của nó. Vì chất liệu đó thuộc cùng một cấp độ với chất liệu tạo nên thể trí, và do đó khi dao động của các hạt trong thể trí, mà ta gọi là tư tưởng, xảy ra, nó lập tức lan tỏa vào chất liệu trí tuệ xung quanh và tạo nên những dao động tương ứng, trong khi trong hành khí, nó biểu hiện chính xác như nguyên mẫu của nó. Tư tưởng cụ thể tự nhiên sẽ hình thành theo hình dạng của các đối tượng của nó, trong khi các ý niệm trừu tượng thường biểu hiện bằng mọi dạng hình học hoàn hảo và đẹp nhất; mặc dù trong ngữ cảnh này, nên nhớ rằng nhiều tư tưởng chỉ là những trừu tượng đối với chúng ta ở đây, lại trở thành những sự kiện cụ thể trên cõi cao siêu này.

facts on this loftier plane.

It will thus be seen that in this higher world anyone who wishes to devote himself for a time to quiet thought, and to abstract himself from his surroundings, may actually live in a world of his own without possibility of interruption, and [16] with the additional advantage of seeing all his ideas (and their consequences, fully worked out) passing in a sort of panorama before his eyes. If, however, he wishes instead to observe the plane upon which he finds himself, it will be necessary for him very carefully to suspend his thought for the time, so that its creations may not influence the readily impressible matter around him, and thus alter the entire conditions so far as he is concerned.

Như vậy có thể thấy rằng trong thế giới cao cả này, bất kỳ ai muốn dành thời gian cho tư duy tĩnh lặng và tách mình ra khỏi xung quanh đều có thể thực sự sống trong một thế giới riêng của mình mà không bị gián đoạn, với thêm lợi thế là y có thể thấy tất cả các ý tưởng của mình (cùng những hệ quả của chúng, được phát triển đầy đủ) như một bức tranh toàn cảnh trôi qua trước mắt. Tuy nhiên, nếu y muốn quan sát cõi giới mà mình đang hiện diện, thì cần thiết y phải rất cẩn thận ngưng lại các tư tưởng của mình trong thời gian đó, để những sáng tạo của y không ảnh hưởng đến chất liệu nhạy cảm xung quanh và do đó không làm thay đổi toàn bộ điều kiện mà y đang khảo sát.

This holding of the mind in suspense must not be confounded with the blankness of mind towards the attainment of which so many of the Hatha Yoga practices are directed: in the latter case the mind is dulled down into absolute passivity in order that it may not by any thought of its own offer resistance to the entry of any external influence that may happen to approach it — a condition closely approximating to mediumship; while in the former the mind is as keenly alert and positive as it can be, holding its thought in suspense for the moment merely to prevent the intrusion of a personal equation into the observation which it wishes to make.

Việc giữ tâm trí ở trạng thái đình chỉ này không nên nhầm lẫn với sự trống rỗng của tâm trí mà nhiều phương pháp của Hatha Yoga hướng tới; trong trường hợp sau, tâm trí bị làm mờ nhạt để đạt đến trạng thái hoàn toàn thụ động, nhằm ngăn nó dùng bất kỳ tư tưởng nào của chính mình để chống lại sự xâm nhập của bất kỳ ảnh hưởng bên ngoài nào có thể tiếp cận — một trạng thái rất gần với sự trung giới; trong khi ở trường hợp đầu, tâm trí vẫn duy trì sự tỉnh táo và tích cực cao nhất có thể, giữ tư tưởng của nó ở trạng thái đình chỉ chỉ để ngăn chặn sự ảnh hưởng của yếu tố cá nhân vào quá trình quan sát mà nó muốn thực hiện.

When the visitor to the mental plane succeeds in putting himself in this position he finds that although he is no longer himself a centre of radiation of all that marvellous wealth of light and colour, form and sound, which I have so vainly endeavoured to picture, it has not therefore ceased to exist; on the contrary, its harmonies and its coruscations are but grander and fuller than ever. Casting about for

Khi người du khách tới cõi trí thành công trong việc đặt mình vào trạng thái này, y nhận thấy rằng dù y không còn là trung tâm phát xạ của sự phong phú kỳ diệu về ánh sáng và màu sắc, hình dạng và âm thanh mà tôi đã cố gắng miêu tả một cách vô ích, điều đó không có nghĩa là những vẻ đẹp ấy đã biến mất; ngược lại, các hòa âm và sự lấp lánh của nó trở nên vĩ đại và trọn vẹn hơn bao giờ hết. Khi cố tìm một

an explanation of this phenomenon, he begins to realize that all this magnificence is not a mere idle or fortuitous display — a kind of devachanic aurora borealis; he finds that it all has a meaning — a meaning which he himself can understand ; and presently he grasps the fact that what he is watching with such ecstasy of delight is simply the glorious colour-language of the Devas — the expression of the thought or the [17] conversation of beings far higher than himself in the scale of evolution. By experiment and practice he discovers that he also can use this new and beautiful mode of expression, and by this very discovery he enters into possession of another great tract of his heritage in this celestial realm —the power to hold converse with, and to learn from, its loftier non-human inhabitants, with whom we shall deal more fully when we come to treat of that part of our subject.

lời giải thích cho hiện tượng này, y bắt đầu nhận ra rằng tất cả sự lộng lẫy ấy không phải chỉ là một màn trình diễn ngẫu nhiên hay vô nghĩa — không phải kiểu bắc cực quang trên cõi thiên giới; y khám phá ra rằng tất cả đều có ý nghĩa — một ý nghĩa mà chính y có thể hiểu được; và chẳng bao lâu sau, y nắm bắt được sự thật rằng điều mà y đang chiêm ngưỡng trong niềm vui sướng tột độ ấy chính là ngôn ngữ màu sắc huy hoàng của các Thiên Thần — biểu hiện của tư tưởng hay [17] sự giao tiếp của những hữu thể tiến hóa cao hơn y rất nhiều trên nấc thang tiến hóa. Qua thực nghiệm và rèn luyện, y phát hiện rằng y cũng có thể sử dụng phương thức biểu đạt mới mẻ và đẹp đẽ này, và qua chính sự khám phá ấy, y tiến đến sở hữu thêm một phần lớn khác của di sản mình trong cõi thiên thể này — khả năng giao tiếp và học hỏi từ những cư dân cao cả không phải là con người ở cõi này, mà chúng ta sẽ bàn đến chi tiết hơn khi đề cập đến phần đó của chủ đề.

By this time it will have become apparent why it was impossible to devote a section of this paper to the scenery of the mental plane, as was done in the case of the astral; for in point of fact the mental world has no scenery except such as each individual chooses to make for himself by his thought — unless indeed we take into account the fact that the vast numbers of entities who are continually passing before him are themselves objects in many cases of the most transcendent beauty. Yet so difficult is it to express in words the conditions of this higher life that it would be a still better statement of the facts to say that all possible scenery exists there — that there is nothing conceivable of loveliness in earth or sky or sea which is not there with a fulness and intensity beyond all power of imagination; but that out of all this splendour-of living reality each man sees only that which he has within himself the power to see — that

Đến lúc này, hẳn đã rõ vì sao không thể dành một phần của tài liệu này để mô tả cảnh trí của cõi trí như đã làm với cõi cảm dục; bởi thực tế, thế giới trí tuệ không có cảnh trí ngoại trừ những gì mỗi cá nhân chọn tạo ra cho mình bằng tư tưởng — trừ phi chúng ta xem xét đến sự thật rằng vô số thực thể liên tục xuất hiện trước y nhiều khi chính là những đối tượng có vẻ đẹp siêu việt nhất. Tuy nhiên, thật khó diễn đạt bằng lời các điều kiện của đời sống cao cả này đến mức có thể nói rằng tất cả mọi cảnh trí khả dĩ đều hiện diện ở đó — không có gì tưởng tượng được về vẻ đẹp của đất, trời, hay biển cả mà không hiện hữu ở đó với sự viên mãn và cường độ vượt qua mọi khả năng tưởng tượng; nhưng trong tất cả sự huy hoàng của thực tại sống động này, mỗi người chỉ thấy những gì mà trong chính y có khả năng để thấy — những gì mà sự phát triển của y trong cuộc sống trần thế và cuộc sống cảm dục cho phép y đáp ứng.

to which his development during the earth-life and the astral-life enables him to respond.

## The Great Waves – Những Làn Sóng Vĩ Đại

If the visitor wishes to carry his analysis of the plane still further, and discover what it would be when entirely undisturbed by the thought or conversation of any of its inhabitants, he can do so by forming round himself a huge shell through which none of these influences can penetrate, and [18] then (of course holding his own mind perfectly still as before) examining the conditions which exist inside his shell.

Nếu người du khách muốn tiếp tục phân tích sâu hơn về cõi này và khám phá điều gì sẽ xảy ra khi không bị quấy nhiễu bởi tư tưởng hay cuộc đối thoại của bất kỳ cư dân nào, y có thể thực hiện điều đó bằng cách tạo quanh mình một vỏ bọc lớn mà không ảnh hưởng nào có thể xuyên qua, và [18] sau đó (tất nhiên giữ cho tâm trí mình hoàn toàn tĩnh lặng như trước) khảo sát các điều kiện tồn tại bên trong vỏ bọc của mình.

If he performs this experiment with sufficient care, he will find that the sea of light has become — not still, for its particles continue their intense and rapid vibrations, but — as it were homogeneous; that those wonderful coruscations of colour and constant changes of form are no longer taking place, but that he is now able to perceive another and entirely different series of regular pulsations which the other more artificial phenomena had previously obscured. These are evidently universal, and no shell which human power can make will check them or turn them aside. They cause no change of colour, no assumption of form, but flow with resistless regularity through all the matter of the plane, outwards and in again, like the exhalations and inhalations of some great breath beyond our ken.

Nếu y thực hiện thí nghiệm này với sự cẩn trọng đủ lớn, y sẽ nhận thấy rằng biển ánh sáng đã trở nên — không phải là tĩnh lặng, vì các hạt của nó vẫn tiếp tục dao động mạnh mẽ và nhanh chóng, nhưng — đồng nhất hơn; những ánh sáng rực rỡ và những biến đổi không ngừng của màu sắc đã không còn diễn ra, và giờ đây y có thể nhận thấy một chuỗi xung động hoàn toàn khác biệt và đều đặn mà trước đó các hiện tượng nhân tạo khác đã che khuất. Những xung động này rõ ràng là phổ quát, và không có vỏ bọc nào mà sức mạnh con người tạo ra có thể chặn hoặc ngăn chúng. Chúng không tạo ra sự thay đổi màu sắc, không tạo hình dạng, nhưng lại chảy với sự đều đặn không thể cưỡng lại qua mọi chất liệu của cõi giới, đi ra rồi lại vào, như hơi thở của một sinh mệnh vĩ đại vượt ngoài tầm hiểu biết của chúng ta.

There are several sets of these, clearly distinguishable from one another by volume, by period of vibration, and by the tone of the harmony which they bring, and grander than them all sweeps one great wave which seems the very heartbeat of the system — a wave which, welling up from unknown centres on

Có nhiều nhóm xung động này, rõ ràng là có thể phân biệt với nhau theo thể tích, chu kỳ dao động, và âm điệu hài hòa mà chúng mang lại, và vượt trội hơn tất cả, là một làn sóng lớn bao trùm dường như là nhịp tim của toàn hệ thống — một làn sóng, từ những trung tâm bí ẩn ở các cõi cao hơn nữa, tràn đầy sự sống qua

far higher planes, pours out its life through all our world, and then draws back in its tremendous tide to That from which it came. In one long undulating curve it comes, and the sound of it is like the murmur of the sea ; and yet in it and through it all the while there echoes a mighty ringing chant of triumph — the very music of the spheres. The man who once has heard that glorious song of nature never quite loses it again; even here on this dreary physical plane of illusion he hears it always as a kind of undertone, keeping ever before his mind the strength and light and splendour of the real life above.

toàn bộ thế giới của chúng ta, rồi lại cuốn ngược lại với dòng triều mạnh mẽ về Nguồn mà nó đến. Trong một đường cong gợn sóng dài, nó xuất hiện, và âm thanh của nó như tiếng thì thầm của biển cả; và trong đó, qua tất cả mọi lúc, vang lên bài ca hùng tráng của chiến thắng — âm nhạc của các thiên cầu. Người nào đã từng nghe bài ca vinh quang của thiên nhiên ấy sẽ không bao giờ thực sự mất nó; ngay cả ở đây, trên cõi trần mờ mịt đầy ảo tưởng này, y vẫn nghe thấy nó như một âm nền, giữ trong tâm trí y luôn hiện diện sức mạnh, ánh sáng, và sự huy hoàng của cuộc sống chân thực bên trên.

If the visitor be pure in heart and mind, and has reached a certain degree of spiritual development, it is possible for [19] him to identify his consciousness with the sweep of that wondrous wave — to merge his spirit in it, as it were, and let it bear him upward to its source. It is possible, I say; but it is not wise — unless, indeed, his Master stands beside him to draw him back at the right moment from its mighty embrace; for otherwise its irresistible force will carry him away onward and upward into still higher planes, whose far greater glories his ego is as yet unable to sustain; he will lose consciousness, and with no certainty as to when and where and how he will regain it. It is true that the ultimate object of man's evolution is the attainment of unity, but he must reach that final goal in full and perfect consciousness as a victorious king entering triumphantly upon his heritage, not drift into absorption in a state of blank unconsciousness but little removed from annihilation.

Nếu người du khách có tâm và trí thanh khiết, và đã đạt đến một mức độ phát triển tinh thần nhất định, y có thể [19] đồng nhất tâm thức của mình với dòng chảy của làn sóng kỳ diệu đó — như hòa tan linh hồn mình vào trong nó, và để nó nâng y lên đến nguồn cội của nó. Điều này có thể, tôi nói; nhưng không phải là điều khôn ngoan — trừ phi, thật sự, Chân sư của y đứng bên cạnh để kéo y lại vào đúng thời điểm từ vòng tay hùng vĩ của nó; nếu không, lực không thể cưỡng lại của làn sóng sẽ cuốn y đi xa hơn và cao hơn vào những cõi cao siêu hơn nữa, nơi mà vinh quang lớn lao hơn nhiều mà chân ngã của y chưa thể chịu đựng; y sẽ mất đi ý thức, và không chắc chắn khi nào, ở đâu và bằng cách nào y sẽ khôi phục lại nó. Đúng là mục tiêu cuối cùng của sự tiến hóa của con người là đạt được sự hợp nhất, nhưng y phải đạt đến đích cuối cùng đó với đầy đủ ý thức và sự hoàn thiện, như một vị vua chiến thắng bước vào di sản của mình một cách hiển hách, chứ không phải trôi dạt vào sự hòa tan trong một trạng thái vô thức trống rỗng, chỉ cách biệt một chút so với sự hủy diệt.

## The Lower and the Higher Heaven-Worlds—Cõi Hạ Thiên Và Cõi Thượng Thiên

All that we have hitherto attempted to

Tất cả những gì chúng ta đã cố gắng mô tả cho

indicate in this description may be taken as applying to the lowest subdivision of the mental plane; for this realm of nature, exactly like the astral, or the physical, has its seven subdivisions. Of these the four lower are called in the books the rûpa or form planes, and these constitute the Lower Heaven-World, in which the average man spends his long life of bliss between one incarnation and the next. The other three are spoken of as arûpa or formless, and they constitute the Higher Heaven-World, where functions the reincarnating ego — the true home of the soul of man. These Sanskrit names have been given because on the rûpa planes every thought takes to itself a certain definite form, while on the arûpa subdivisions it expresses itself in an entirely different manner, as will presently be explained. The distinction between these two great divisions of the plane — [20] the rûpa and the arûpa —is very marked; indeed, it even extends so far as to necessitate the use of different vehicles of consciousness.

đến nay có thể xem là áp dụng cho cảnh thấp nhất của cõi trí; bởi cõi thiên nhiên này, giống như cõi cảm dục hay cõi vật lý, cũng có bảy phân cảnh. Trong đó, bốn phân cảnh thấp được gọi trong các sách là cõi rûpa hay cõi sắc tướng, và chúng tạo thành Cõi Hạ Thiên, nơi mà người bình thường trải qua cuộc sống dài của phúc lạc giữa hai lần nhập thể. Ba phân cảnh còn lại được gọi là arûpa hay vô hình tướng, và chúng tạo thành Cõi Thượng Thiên, nơi hoạt động của chân ngã tái sinh — ngôi nhà thực sự của linh hồn con người. Các tên tiếng Phạn này được dùng vì trên các cõi rûpa, mọi tư tưởng đều mang một hình tướng nhất định, trong khi trên các phân cảnh arûpa, tư tưởng biểu hiện theo một cách hoàn toàn khác, sẽ được giải thích sau đây. Sự phân biệt giữa hai đại phân cảnh của cõi này — rûpa và arûpa — là rất rõ rệt; thực tế, nó còn mở rộng đến mức cần phải sử dụng các thể của tâm thức khác nhau.

The vehicle appropriate to the lower heaven-world is the mind-body, while that of the higher heaven-world is the causal body — the vehicle of the reincarnating ego, in which he passes from life to life throughout the whole evolutionary period. Another enormous distinction is that on those four lower subdivisions some degree of illusion is still possible — not indeed for the entity who stands upon them in full consciousness during life, but for the undeveloped person who passes there after the change which men call death. The higher thoughts and aspirations which he has poured forth during earth-life then cluster round him, and make a sort of shell about him — a kind of subjective world of his own ; and in that he lives his heaven-life, perceiving but very faintly or not at all the real glories of the plane which lie outside, and, indeed, usually supposing that

Dẫn thể phù hợp với Cõi Hạ Thiên là thể trí, trong khi thể của Cõi Thượng Thiên là thể nhân quả — thể của chân ngã tái sinh, trong đó y chuyển từ đời sống này sang đời sống khác trong suốt giai đoạn tiến hóa. Một điểm khác biệt lớn nữa là trên bốn phân cảnh thấp, một mức độ ảo tưởng vẫn còn có thể tồn tại — không phải đối với thực thể đứng ở đó với tâm thức đầy đủ trong cuộc sống, mà cho những người chưa phát triển đi đến đó sau sự thay đổi mà con người gọi là cái chết. Những tư tưởng và khát vọng cao đẹp mà y đã phát ra trong cuộc đời trần thế sẽ tụ lại quanh y và tạo thành một loại vỏ bao bọc y — một thế giới chủ quan riêng của y; và trong đó y sống cuộc đời thiên đàng của mình, chỉ cảm nhận được rất mờ nhạt hoặc không cảm nhận được chút nào những vinh quang thực sự của cõi giới bên ngoài, và thường nghĩ rằng những gì y thấy chính là tất cả những gì có thể thấy.

what he sees is all there is to see.

Yet we should be wrong in thinking of that thought-cloud as a limitation. Its function is to enable the man to respond to certain vibrations — not to shut him off from the others. The truth is, that these thoughts which surround the man are the powers by which he draws upon the wealth of the heaven-world. This mental plane itself is a reflection of the Divine Mind — a storehouse of infinite extent from which the person enjoying heaven is able to draw just according to the power of his own thoughts and aspirations generated during the physical and astral life.

Tuy nhiên, chúng ta sẽ sai lầm nếu xem đám mây tư tưởng đó như một giới hạn. Chức năng của nó là giúp con người đáp ứng với các rung động nhất định — chứ không phải để ngăn cách y khỏi các rung động khác. Sự thật là những tư tưởng bao quanh người đó chính là các quyền năng giúp y tiếp cận sự phong phú của cõi thiên đàng. Chính cõi trí này là sự phản chiếu của Trí Thiêng Liêng — một kho tàng vô tận mà người hưởng thụ cõi thiên đàng có thể khai thác tùy theo sức mạnh của tư tưởng và khát vọng mà y đã tạo ra trong đời sống vật chất và cảm dục.

But in the higher heaven-world this limitation no longer exists ; it is true that even there many egos are only slightly and dreamily conscious of their surroundings, but in so far as they see, they see truly, for thought no longer assumes the same limited forms which it took upon itself lower down. [21]

Nhưng trong cõi trời cao hơn, giới hạn này không còn tồn tại; thực tế là ngay cả ở đó, nhiều chân ngã chỉ ý thức mơ hồ về môi trường xung quanh mình, nhưng trong phạm vi mà họ thấy, họ thấy thật sự, vì tư tưởng không còn mang những hình thức hạn chế như nó đã có ở cảnh giới thấp hơn.

## The Action of Thought – Hoạt Động Của Tư Tưởng

The exact condition of mind of the human inhabitants of these various sub-planes will naturally be much more fully dealt with under its own appropriate heading; but a comprehension of the manner in which thought acts in the lower and higher levels respectively, is so necessary to an accurate understanding of these great divisions that it will perhaps be worth while to recount in detail some of the experiments made by our explorers in the endeavour to throw light upon this subject.

Tình trạng tâm thức chính xác của những cư dân nhân loại trên các phân cảnh khác nhau sẽ được trình bày đầy đủ hơn dưới phần mục thích hợp của nó; nhưng việc thấu hiểu cách thức tư tưởng hoạt động ở các cấp độ thấp và cao lần lượt là rất cần thiết để có được sự hiểu biết chính xác về những phân chia lớn này, và do đó, có lẽ đáng để trình bày chi tiết một vài thí nghiệm mà các nhà khám phá của chúng tôi đã thực hiện nhằm làm sáng tỏ chủ đề này.

At an early period of the investigation it became evident that on the mental as on the astral plane there was present an elemental

Trong giai đoạn đầu của cuộc điều tra, rõ ràng rằng trên cõi trí cũng như trên cõi cảm dục, có một tinh chất hành khí hiện diện, hoàn toàn

essence quite distinct from the mere matter of the plane, and that it was, if possible, even more instantaneously sensitive to the action of thought here than it had been in that lower world. But here in the heaven-world all was thought-substance, and therefore not only the elemental essence, but the very matter of the plane was directly affected by the action of the mind; and hence it became necessary to make an attempt to discriminate between these two effects.

khác biệt với chỉ vật chất của cõi này, và tinh hoa này, nếu có thể, còn nhạy cảm ngay lập tức với tác động của tư tưởng ở đây hơn là ở cõi thấp kia. Nhưng tại cõi trời, tất cả đều là chất tư tưởng, và do đó không chỉ tinh hoa hành khí mà chính cả vật chất của cõi này cũng bị ảnh hưởng trực tiếp bởi tác động của tâm trí; vì vậy cần thiết phải cố gắng phân biệt giữa hai hiệu ứng này.

After various less conclusive experiments a method was adopted which gave a fairly clear idea of the different results produced, one investigator remaining on the lowest subdivision to send out the thought-forms, while others rose to the next higher level, so as to be able to observe what took place from above, and thus avoid many possibilities of confusion. Under these circumstances the experiment was tried of sending an affectionate and helpful thought to an absent friend in a far-distant country.

Sau nhiều thí nghiệm kém kết luận hơn, một phương pháp được áp dụng để đưa ra ý tưởng khá rõ ràng về các kết quả khác nhau được tạo ra, một nhà nghiên cứu vẫn ở lại phân cảnh thấp nhất để phát ra các hình tư tưởng, trong khi những người khác lên cảnh giới cao hơn tiếp theo, để có thể quan sát những gì diễn ra từ trên cao và do đó tránh được nhiều khả năng gây nhầm lẫn. Trong điều kiện này, thí nghiệm đã được thực hiện bằng cách gửi một tư tưởng yêu thương và giúp đỡ đến một người bạn đang ở một đất nước xa xôi.

The result was very remarkable: a sort of vibrating shell, formed in the matter of the plane, issued in all directions [22] round the operator, corresponding exactly to the circle which spreads out in still water from the spot where a stone has been thrown into it, except that this was a sphere of vibration extending itself in many dimensions instead of merely over a flat surface. These vibrations, like those on the physical plane, though very much more gradually, lost in intensity as they passed further away from their source, till at last at an enormous distance they seemed to be exhausted, or at least became so faint as to be imperceptible.

Kết quả thật đáng chú ý: một loại vỏ rung động, hình thành từ chất liệu của cõi này, tỏa ra mọi hướng xung quanh người phát tư tưởng, giống hệt như vòng tròn lan tỏa trên mặt nước yên tĩnh từ điểm mà một viên đá được ném xuống, ngoại trừ đây là một quả cầu rung động mở rộng theo nhiều chiều thay vì chỉ trên một bề mặt phẳng. Những rung động này, giống như trên cõi vật lý, mặc dù yếu đi chậm hơn nhiều, nhưng mất dần cường độ khi chúng lan xa khỏi nguồn gốc, đến khi cuối cùng, ở một khoảng cách rất lớn, chúng dường như cạn kiệt hoặc ít nhất trở nên mờ nhạt đến mức không thể cảm nhận được.

Thus every one on the mental plane is a centre of radiant thought, and yet all the rays thrown out cross in all directions without interfering

Vì vậy, mọi người trên cõi trí đều là một trung tâm của tư tưởng tỏa sáng, và tất cả các tia sáng phát ra giao nhau theo mọi hướng mà

with one another in the slightest degree, just as rays of light do down here. This expanding sphere of vibrations was many coloured and opalescent, but its colours also grew gradually fainter and fainter as it spread away.

không hề cản trở lẫn nhau dù chỉ một chút, giống như các tia sáng trên cõi vật lý. Quả cầu rung động đang mở rộng này có nhiều màu sắc và óng ánh, nhưng các màu sắc của nó cũng nhạt dần khi nó lan xa hơn.

The effect on the elemental essence of the plane was, however, entirely different. In this the thought immediately called into existence a distinct form resembling the human, of one colour only, though exhibiting many shades of that colour. This form flashed instantaneously across the ocean to the friend to whom the good wish had been directed, and there took to itself elemental essence of the astral plane, and thus became an ordinary artificial elemental of that plane, waiting, as explained in Manual No. V, for an opportunity to pour out upon him its store of helpful influence. In taking on that astral form the mental elemental lost much of its brilliancy, though its glowing rose-colour was still plainly visible inside the shell of lower matter which it had assumed, showing that just as the original thought ensouled the elemental essence of its own plane, so that same thought, plus its form as a mental elemental, acted as soul to the astral elemental— thus following closely the method in which the ultimate [23] spirit itself takes on sheath after sheath in its descent through the various planes and sub-planes of matter.

Tuy nhiên, tác động lên tinh hoa hành khí của cõi này lại hoàn toàn khác biệt. Trong trường hợp này, tư tưởng ngay lập tức tạo ra một hình thức rõ rệt mang dáng dấp con người, chỉ có một màu duy nhất, nhưng thể hiện nhiều sắc thái của màu đó. Hình thức này lập tức bay xuyên qua đại dương đến người bạn mà lời chúc tốt lành đã được hướng đến, và ở đó tiếp nhận tinh hoa hành khí của cõi cảm dục, do đó trở thành một tinh linh nhân tạo bình thường của cõi này, và như đã giải thích trong Sổ Tay số V, chờ đợi cơ hội để truyền tải ảnh hưởng hỗ trợ lên người đó. Khi mang hình dạng cảm dục, tinh linh trí tuệ mất đi nhiều độ sáng, nhưng sắc hồng rực rỡ của nó vẫn còn thấy rõ bên trong lớp vỏ vật chất thấp hơn mà nó đã khoác lên, cho thấy rằng tư tưởng ban đầu đã truyền sức sống cho tinh hoa hành khí của cõi trí, thì chính tư tưởng đó, cùng với hình dạng của nó như một tinh linh trí tuệ, đã hoạt động như linh hồn cho tinh linh cảm dục — mô phỏng chặt chẽ phương thức mà linh hồn tối thượng tự khoác lên vỏ bọc lần lượt khi hạ xuống qua các cõi và các phân cảnh của vật chất.

Further experiments along similar lines revealed the fact that the colour of the projected elemental varied with the character of the thought. As above stated, the thought of strong affection produced a creature of glowing rose-colour; an intense wish of healing, projected towards a sick friend, called into existence a most lovely silvery-white elemental; while an earnest mental effort to steady and strengthen the mind of a depressed and despairing person resulted in

Các thí nghiệm tiếp theo theo hướng tương tự đã tiết lộ rằng màu sắc của hành khí được phóng ra thay đổi tùy theo tính chất của tư tưởng. Như đã nêu trên, suy nghĩ về tình thương mạnh mẽ tạo ra một sinh linh có màu hồng sáng rực rỡ; một mong muốn mãnh liệt về chữa lành, hướng về một người bạn ốm yếu, đã gọi vào sự hiện hữu một hành khí màu trắng bạc rất đẹp; trong khi một nỗ lực tinh thần nghiêm túc nhằm làm vững và củng cố tâm trí của một người đang chán nản và tuyệt

the production of a beautiful flashing golden-yellow messenger.

vọng tạo ra một sứ giả màu vàng ánh kim rực rỡ.

In all these cases it will be perceived that, besides the effect of radiating colours and vibrations produced in the matter of the plane, a definite force in the shape of an elemental was sent forth towards the person to whom the thought was directed; and this invariably happened, with one notable exception. One of the operators, while on the lower division of the plane, directed a thought of intense love and devotion towards the Adept who is his spiritual teacher, and it was at once noticed by the observers above that the result was in some sense a reversal of what had happened in the previous cases.

Trong tất cả các trường hợp này, có thể nhận thấy rằng, ngoài tác động của các màu sắc tỏa sáng và rung động tạo ra trong chất liệu của cõi, một mãnh lực rõ rệt dưới dạng một tinh linh đã được gửi đến người mà tư tưởng hướng đến; điều này luôn xảy ra, trừ một trường hợp đáng chú ý. Một trong những người phát tư tưởng, khi đang ở phân cảnh thấp của cõi trí, đã hướng một tư tưởng tràn đầy tình thương và sự sùng tín đến Chân sư, người là huấn sư tinh thần của y, và các quan sát viên bên trên ngay lập tức nhận thấy rằng kết quả trong trường hợp này có phần ngược lại so với những trường hợp trước.

It should be premised that a pupil of any one of the great Adepts is always connected with his Master by a constant current of thought and influence, which expresses itself on the mental plane as a great ray or stream of dazzling light of all colours — violet and gold and blue; and it might perhaps have been expected that the pupil's earnest, loving thought would send a special vibration along this line. Instead of this, however, the result was a sudden intensification of the colours of this bar of light, and a very distinct flow of spiritual influence, towards the pupil; so that it is evident that when a student turns his thought to his Master, what he [24] really does is to vivify his connection with that Master, and thus to open a way for an additional outpouring of strength and help to himself from higher planes. It would seem that the Adept is, as it were, so highly charged with the influences which sustain and strengthen, that any thought which brings into increased activity a channel of communication with him sends no current towards him, as it ordinarily would, but simply gives a wider opening through which the great ocean of his

Cần lưu ý rằng, một đệ tử của bất kỳ vị Chân sư vĩ đại nào luôn được kết nối với Chân sư của mình bằng một dòng chảy tư tưởng và ảnh hưởng liên tục, biểu hiện trên cõi trí như một tia hoặc dòng sáng chói lòa với các màu sắc — tím, vàng và xanh dương; có lẽ người ta sẽ mong đợi rằng tư tưởng yêu thương mãnh liệt của đệ tử sẽ tạo ra một rung động đặc biệt dọc theo dòng sáng này. Tuy nhiên, thay vì như vậy, kết quả là một sự tăng cường đột ngột màu sắc của dải ánh sáng này và một dòng chảy rõ rệt của ảnh hưởng tinh thần hướng đến đệ tử; do đó, rõ ràng rằng khi một người sinh viên hướng tư tưởng của mình về phía Chân sư, điều y thực sự làm là làm sinh động mối kết nối của mình với Chân sư đó, từ đó mở ra một con đường để dòng sức mạnh và sự giúp đỡ từ các cõi cao hơn tuôn chảy thêm về phía y. Có vẻ như Chân sư, như thể, được sạc đầy những ảnh hưởng mang lại sự nâng đỡ và sức mạnh, đến mức bất kỳ tư tưởng nào khơi dậy sự hoạt động gia tăng của kênh giao tiếp với Ngài đều không tạo ra dòng chảy hướng về Ngài, như thông thường, mà đơn giản là mở rộng con đường để đại dương yêu thương vĩ đại của Ngài tuôn trào.

love finds vent.

On the arûpa levels the difference in the effect of thought is very marked, especially as regards the elemental essence. The disturbance set up in the mere matter of the plane is similar, though greatly intensified in this much more refined form of matter; but in the essence no form at all is now created, and the method of action is entirely changed. In all the experiments on lower planes it was found that the elemental hovered about the person thought of, and awaited a favourable opportunity of expending his energy either upon his mind-body, his astral, or even his physical body; here the result is a kind of lightning-flash of the essence from the causal body of the thinker direct to the causal body of the object of his thought; so that while the thought on those lower divisions is always directed to the mere personality, here we influence the reincarnating ego, the real man himself, and if our message has any reference to the personality it will reach it only from above, through the instrumentality of his causal vehicle.

Ở các cảnh giới arûpa, sự khác biệt trong hiệu ứng của tư tưởng rất rõ rệt, đặc biệt là liên quan đến tinh hoa hành khí. Sự xáo động tạo ra trong chất liệu của cõi này tương tự, dù được tăng cường đáng kể trong dạng vật chất tinh tế hơn rất nhiều này; nhưng trong tinh hoa, không còn hình thức nào được tạo ra, và phương thức hành động hoàn toàn thay đổi. Trong tất cả các thí nghiệm trên các cõi thấp hơn, tinh linh thường lượn quanh người được nghĩ đến và chờ đợi một cơ hội thuận lợi để giải phóng năng lượng lên thể trí, thể cảm dục, hoặc thậm chí thể xác của người đó; ở đây, kết quả là một loại tia chớp của tinh hoa từ thể nhân quả của người suy nghĩ trực tiếp đến thể nhân quả của đối tượng tư tưởng của y. Vì vậy, trong khi tư tưởng ở các phân cảnh thấp hơn luôn hướng đến phàm ngã, thì tại đây chúng ta ảnh hưởng đến chân ngã tái sinh, bản ngã thực sự của người đó, và nếu thông điệp của chúng ta có bất kỳ liên quan nào đến phàm ngã, nó sẽ chỉ đến được từ trên cao, thông qua sự trung gian của thể nhân quả của y.

## Thought-Forms. – Hình Tư Tưởng

Naturally the thoughts to be seen on this plane are not all definitely directed at some other person; many are simply thrown off to float vaguely about, and the diversity of form and colour shown among these is practically infinite, [25] so that the study of them is a science in itself, and a very fascinating one. Anything like a detailed description even of the main classes among them would occupy far more space than we have to spare; but an idea of the principles upon which such classes might be formed may be gained from the following extract from a most illuminative paper on the subject written by Mrs. Besant in

Tự nhiên, những tư tưởng được thấy trên cõi này không phải tất cả đều được hướng trực tiếp đến một người khác; nhiều tư tưởng đơn giản chỉ được phát ra để trôi nổi mơ hồ xung quanh, và sự đa dạng về hình dạng và màu sắc của chúng hầu như vô tận, vì vậy việc nghiên cứu chúng bản thân là một môn khoa học, và cũng là một môn khoa học rất thú vị. Bất kỳ sự mô tả chi tiết nào, thậm chí về các nhóm chính trong số chúng, cũng sẽ chiếm nhiều không gian hơn những gì chúng ta có. Tuy nhiên, một ý tưởng về các nguyên tắc mà theo đó các nhóm này có thể được hình thành có thể thấy qua đoạn trích sau từ một bài viết rất sáng tỏ

Lucifer (the earlier form of The Theosophical Review) for September 1896. She there enunciates the three great principles underlying the production of the thought-forms which are thrown off by the action of the mind — that (a) the quality of a thought determines its colour, (b) the nature of a thought determines its form, (c) the definiteness of a thought determines the clearness of its outline. Giving instances of the way in which the colour is affected, she continues:

về chủ đề này do bà Besant viết trong tạp chí *Lucifer* (dạng ban đầu của *The Theosophical Review*) vào tháng Chín năm 1896. Ở đó, bà nêu ra ba nguyên tắc lớn làm cơ sở cho sự hình thành các hình tư tưởng được phát ra bởi hoạt động của tâm trí: (a) phẩm chất của tư tưởng quyết định màu sắc của nó, (b) bản chất của tư tưởng quyết định hình dạng của nó, (c) mức độ rõ ràng của tư tưởng quyết định độ sắc nét của đường viền. Đưa ra các ví dụ về cách màu sắc bị ảnh hưởng, bà tiếp tục:

" If the astral and mental bodies are vibrating under the influence of devotion, the aura will be suffused with blue, more or less intense, beautiful and pure according to the depth, elevation, and purity of the feeling. In a church such thought-forms may be seen rising, for the most part not very definitely outlined, but rolling masses of blue clouds. Too often the colour is dulled by the intermixture of selfish feelings, when the blue is mixed with browns and thus loses its pure brilliancy. But the devotional thought of an unselfish heart is very lovely in colour, like the deep blue of a summer sky. Through such clouds of blue will often shine out golden stars of great brilliancy, starting upwards like a shower of sparks.

"Nếu thể cảm dục và thể trí đang rung động dưới ảnh hưởng của sự sùng tín, hào quang sẽ được bao phủ bởi màu xanh lam, đậm nhạt, đẹp đẽ và thuần khiết khác nhau tùy theo độ sâu, sự cao thượng và sự trong sáng của cảm xúc. Trong một nhà thờ, các hình tư tưởng như vậy có thể được thấy bay lên, phần lớn không có viền rõ ràng, mà là những khối mây màu xanh lam cuộn tròn. Quá thường xuyên, màu sắc này bị xỉn đi do sự xen lẫn của những cảm xúc ích kỷ, khi màu xanh lam bị trộn với sắc nâu và do đó mất đi độ sáng tinh khiết của nó. Nhưng tư tưởng sùng tín của một trái tim vô ngã thì có màu sắc rất đẹp, như sắc xanh lam sâu thẳm của bầu trời mùa hè. Xuyên qua những đám mây xanh lam này, thường xuất hiện những ngôi sao vàng sáng rực, bùng lên như một cơn mưa lửa."

"Anger gives rise to red, of all shades from brick-red to brilliant scarlet; brutal anger will show as flashes of lurid dull red from dark brown clouds, while the anger of noble indignation is a vivid scarlet, by no means unbeautiful to look at, though it gives an unpleasant thrill.

"Sự giận dữ tạo ra màu đỏ, với tất cả các sắc thái từ đỏ gạch đến đỏ tươi rực rỡ; cơn giận dữ tàn bạo sẽ xuất hiện như những tia chớp đỏ đục, rực sáng từ các đám mây nâu sẫm, trong khi cơn giận dữ của sự phẫn nộ cao quý là một màu đỏ tươi rực, không hề thiếu vẻ đẹp, mặc dù nó mang lại một cảm giác khó chịu.

"Affection sends out clouds of rosy hue, varying from [page26] dull crimson, where the love is animal in its nature rose-red mingled with brown when selfish, or with dull

"Tình cảm phát ra các đám mây màu hồng, dao động từ đỏ thẫm mờ đục, khi tình yêu mang tính chất bản năng, đến màu hồng pha nâu khi ích kỷ, hoặc pha màu xanh lá đục khi

green when jealous, to the most exquisite shades of delicate rose like the early flushes of the dawning, as the love becomes purified from all selfish elements, and flows out in wider, and wider circles of generous impersonal tenderness and compassion to all who are in need.

ghen tuông, đến những sắc hồng tinh tế nhất, như ánh sáng đầu tiên của buổi bình minh, khi tình yêu được thanh lọc khỏi mọi yếu tố ích kỷ và lan tỏa trong những vòng tròn ngày càng rộng của sự dịu dàng và lòng từ bi vô ngã đối vi tất cả những ai cần đến.

"" Intellect produces yellow thought-forms, the pure reason directed to spiritual ends giving rise to a very delicate, beautiful yellow, while used for-more selfish ends or mingled with ambition it yields deeper shades of orange, clear and intense." (Lucifer, Volume xix. page 71.)

"Trí tuệ tạo ra các hình tư tưởng màu vàng, lý trí thuần khiết hướng đến các mục tiêu tinh thần tạo nên một màu vàng rất tinh tế và đẹp đẽ, trong khi nếu sử dụng cho các mục đích ích kỷ hoặc pha trộn với tham vọng, nó sẽ có sắc cam sâu hơn, rõ ràng và mãnh liệt." (*Lucifer*, Tập xix, trang 71).

It must of course be borne in mind that astral as well as mental thought-forms are described in the above quotation, some of the feelings mentioned needing matter of the lower plane as well as of the higher before they can find expression. Some examples are then given of the beautiful flower-like and shell-like forms sometimes taken by our nobler thoughts; and especial reference is made to the not infrequent case in which the thought, taking human form, is liable to be confounded with an apparition:

Tất nhiên, cần phải ghi nhớ rằng các hình tư tưởng cảm dục cũng như trí tuệ được mô tả trong đoạn trích trên, một số cảm xúc được đề cập cần có chất của cõi thấp cũng như cõi cao trước khi chúng có thể biểu hiện. Một số ví dụ sau đó được đưa ra về các hình dạng đẹp giống như hoa và vỏ sò mà đôi khi ý nghĩ cao cả của chúng ta có thể tạo ra; và đặc biệt đề cập đến trường hợp không ít khi hình tư tưởng, khi mang hình dạng con người, có thể dễ bị nhầm lẫn với một sự hiện hình, và đặc biệt đề cập đến trường hợp không ít khi hình tư tưởng, khi mang hình dạng con người, có thể dễ bị nhầm lẫn với một sự hiện hình.

"A thought-form may assume the shape of its projector; if a person wills strongly to be present at a particular place, to visit a particular person, and be seen, such a thought-form may take his own shape, and a clairvoyant present at the desired spot would see what he would probably mistake for his friend in the astral body. Such a thought-form might convey a message, if that formed part of its content, setting up in the astral body of the person reached vibrations like its own, and these being passed on by that astral body to the brain, where they would be translated into

"Một hình tư tưởng có thể mang hình dạng của người tạo ra nó; nếu một người có ý chí mạnh mẽ muốn có mặt tại một nơi cụ thể, gặp một người cụ thể, và được nhìn thấy, thì một hình tư tưởng như vậy có thể mang hình dạng của chính người đó, và một người có thông nhãn tại địa điểm mong muốn đó sẽ nhìn thấy hình ảnh mà có thể họ nhầm lẫn là bạn mình trong thể cảm dục. Một hình tư tưởng như vậy có thể truyền đạt một thông điệp, nếu đó là một phần nội dung của nó, gây ra trong thể cảm dục của người nhận các rung động tương tự với chính nó, và những rung động này sẽ được thể cảm

a thought or a sentence. Such a thought-form, again, might convey to its projector, by the magnetic relation between them, vibrations impressed on itself." (page 73.) [27]

dục đó truyền đến não bộ, nơi chúng sẽ được dịch thành một ý nghĩ hoặc một câu nói. Một lần nữa, hình tư tưởng như vậy có thể truyền đạt lại cho người tạo ra nó, thông qua mối liên hệ từ tính giữa họ, những rung động in dấu trên nó." (trang 73.) [27]

The whole of the article from which these extracts are taken should be very carefully studied by those who wish to grasp this very complex branch of our subject, for, with the aid of the beautifully-executed coloured illustrations which accompany it, it enables, those who cannot yet see for themselves to approach much more nearly to a realization of what thought-forms actually are than anything previously written.

Toàn bộ bài viết mà các trích đoạn này được lấy ra nên được nghiên cứu một cách cẩn thận bởi những ai muốn nắm bắt phần rất phức tạp của chủ đề này, bởi vì, với sự hỗ trợ của các minh họa màu sắc tuyệt đẹp đi kèm, nó giúp cho những người chưa thể tự mình thấy được có thể đến gần hơn với sự nhận thức về hình tư tưởng là gì so với bất kỳ điều gì đã được viết trước đây.

## The Sub-Planes – Những Cõi Phụ Của Cõi Trí

| | |
|---|---|
| If it be asked what is the real difference between the matter of the various sub-planes of the mental plane, it is not easy to answer in other than very general terms, for the unfortunate scribe bankrupts himself of adjectives in an unsuccessful endeavour to describe the lowest plane, and then has nothing left to say about the others. What, indeed, can be said, except that ever as we ascend the material becomes finer, the harmonies fuller, the light more living and transparent? There are more overtones in the sound, more delicate intershades in the colours as we rise, more and more new colours appear — hues entirely unknown to the physical sight; and it has been poetically yet truly said that the light of the lower plane is darkness on the one above it. | Nếu có ai hỏi đâu là sự khác biệt thực sự giữa chất liệu của các phân cảnh khác nhau trong cõi trí, thì không dễ để trả lời ngoài những thuật ngữ rất tổng quát, bởi người ghi chép thường không còn từ ngữ nào để mô tả sau nỗ lực không thành công khi cố gắng mô tả cõi thấp nhất, và sau đó không còn gì để nói về các cõi khác. Thực sự có thể nói gì ngoài việc, càng lên cao, chất liệu càng trở nên tinh tế hơn, các hòa âm đầy đặn hơn, ánh sáng càng sống động và trong suốt hơn? Có thêm nhiều âm bội trong âm thanh, nhiều sắc thái màu sắc tinh tế hơn khi chúng ta tiến lên cao hơn, ngày càng xuất hiện những màu mới — những sắc độ hoàn toàn không thể nhìn thấy được bằng mắt vật lý; và đã có câu nói đầy chất thơ nhưng cũng rất chính xác rằng ánh sáng của cõi thấp hơn là bóng tối đối với cõi trên nó. |
| Perhaps this idea is simpler if we start in thought from .the top instead of the bottom, and try to realize that on that highest sub-plane we shall find its appropriate matter | Có lẽ ý tưởng này sẽ dễ hiểu hơn nếu ta bắt đầu suy tưởng từ đỉnh thay vì từ đáy, và cố gắng nhận thức rằng trên phân cảnh cao nhất đó, ta sẽ tìm thấy chất liệu phù hợp của nó được linh |

| | |
|---|---|
| ensouled and vivified by an energy which still flows down like light from above — from a plane which lies away beyond the mental altogether. Then if we descend to the second subdivision we shall find that the matter of our first sub-plane has become the energy of this — or, to put the thing more accurately, that the original energy, plus the garment of matter of the first sub-plane with which it has endued itself, is still the energy ensouling the matter of this [28 ] second sub-plane. In the same way, in the third division we shall find that the original energy has twice veiled itself in the matter of these first and second sub-planes through which it has passed; so that by the time we get to our seventh sub-division we shall have our original energy six times enclosed or veiled, and therefore by so much the weaker and less active. This process is exactly analogous to the veiling of Âtma, the primordial Spirit, in its descent as monadic essence in order to energize the matter of the planes of the cosmos, and as it is one which frequently takes place in nature, it will save the student much trouble if he will try to familiarize himself with the idea (see Mrs. Besant's <> Ancient Wisdom, page 54, and footnote). | hồn hóa và làm sống động bởi một năng lượng vẫn tuôn xuống như ánh sáng từ bên trên — từ một cõi hoàn toàn vượt ngoài cõi trí. Rồi khi ta hạ xuống phân cảnh thứ hai, ta sẽ thấy rằng chất liệu của phân cảnh đầu tiên đã trở thành năng lượng của phân cảnh này — hoặc, để diễn đạt chính xác hơn, rằng năng lượng nguyên thủy, cộng thêm lớp vật chất của phân cảnh đầu tiên mà nó đã khoác lên mình, vẫn là năng lượng làm sống động chất liệu của phân cảnh thứ hai này. Tương tự, ở phân cảnh thứ ba, ta sẽ thấy rằng năng lượng nguyên thủy đã tự che phủ hai lần bằng chất liệu của hai phân cảnh đầu tiên mà nó đã đi qua; do đó, khi chúng ta đến phân cảnh thứ bảy, năng lượng nguyên thủy của chúng ta đã được bao bọc hoặc che phủ sáu lần, và do đó yếu hơn và kém hoạt động hơn rất nhiều. Quá trình này hoàn toàn tương tự như sự che phủ của Âtma, Tinh thần nguyên thủy, trong sự giáng xuống như tinh hoa chân thần để làm sinh động chất liệu của các cõi trong vũ trụ, và vì đây là một quá trình thường xuyên xảy ra trong tự nhiên, điều này sẽ giúp người học bớt khó khăn nếu y làm quen với ý tưởng này (xem *Minh Triết Cổ Đại* của bà Besant, trang 54 và chú thích). |

## The Records of the Past – Những Lưu Trữ Của Quá Khứ

In speaking of the general characteristics of the plane we must not omit to mention the ever-present background formed by the records of the past — the memory of nature, the only really reliable history of the world. While what we have on this plane is not yet the absolute record itself, but merely a reflection of something higher still, it is at any rate clear, accurate, and continuous, differing therein from the disconnected and spasmodic manifestation which is all that represents it in the astral world. It is, therefore, only when a clairvoyant possesses the vision of this mental

Khi nói về các đặc điểm chung của cõi này, chúng ta không thể bỏ qua nền tảng luôn hiện diện là những ký ức của quá khứ — ký ức của thiên nhiên, lịch sử duy nhất thực sự đáng tin cậy của thế giới. Mặc dù những gì chúng ta có trên cõi này vẫn chưa phải là bản ghi tuyệt đối, mà chỉ là một phản ánh của thứ gì đó cao hơn nữa, nhưng nó vẫn rõ ràng, chính xác và liên tục, khác với những biểu hiện rời rạc và gián đoạn mà chúng ta có được ở cõi cảm dục. Vì vậy, chỉ khi một nhà thông nhãn có được tầm nhìn của cõi trí thì những hình ảnh về quá khứ của y mới có thể đáng tin cậy; và ngay cả khi

plane that his pictures of the past can be relied upon; and even then, unless he has the power of passing in full consciousness from that plane to the physical, we have to allow for the possibility of errors in bringing back the recollection of what he has seen.

đó, trừ phi y có khả năng chuyển từ cõi trí xuống cõi vật lý với ý thức trọn vẹn, chúng ta vẫn phải dự phòng cho khả năng xảy ra sai sót trong việc hồi tưởng lại những gì y đã thấy.

But the student who has succeeded in developing the powers latent within himself so far as to enable him to use the sense belonging to this mental plane while he is still in [29] the physical body, has before him a field of historical research of most entrancing interest. Not only can he review at his leisure all history with which we are acquainted, correcting as he examines it the many errors and misconceptions which have crept into the accounts handed down to us; he can also range at will over the whole story of the world from its very beginning, watching the slow development of intellect in man, the descent of the Lords of the Flame, and the growth of the mighty civilizations which they founded.

Nhưng người sinh viên đã phát triển các năng lực tiềm ẩn trong chính mình đến mức có thể sử dụng giác quan thuộc về cõi trí trong khi vẫn còn ở trong thể xác, thì trước mặt y là một lĩnh vực nghiên cứu lịch sử đầy mê hoặc. Không chỉ có thể xem xét lại một cách nhàn nhã toàn bộ lịch sử mà chúng ta đã biết, và sửa chữa các sai lầm và sự hiểu lầm đã len lỏi vào những câu chuyện được truyền lại cho chúng ta khi y xem xét nó; y cũng có thể tự do khám phá toàn bộ câu chuyện của thế giới từ thuở ban đầu, quan sát sự phát triển chậm chạp của trí tuệ ở con người, sự giáng xuống của các Chúa tể của Ngọn lửa, và sự phát triển của các nền văn minh vĩ đại mà các Ngài đã thiết lập.

Nor is his study confined to the progress of humanity alone; he has before him, as in a museum, all the strange animal and vegetable forms which occupied the stage in days when the world was young; he can follow all the wonderful geological changes which have taken place, and watch the course of the great cataclysms which have altered the whole face of the earth again and again.

Việc nghiên cứu của y không chỉ giới hạn trong sự tiến bộ của nhân loại; trước mặt y, như trong một viện bảo tàng, là tất cả các hình dạng động thực vật kỳ lạ đã xuất hiện từ thời khi thế giới còn non trẻ; y có thể theo dõi mọi biến đổi địa chất kỳ diệu đã diễn ra, và quan sát tiến trình của những thảm họa lớn đã thay đổi toàn bộ bề mặt trái đất hết lần này đến lần khác.

Many and varied are the possibilities opened up by access to these records — so many and so varied indeed that even if this were the only advantage of the mental plane, it would still transcend in interest all the lower worlds. But when to this we add the remarkable increase in the opportunities for the acquisition of knowledge given by its new and wider faculty — the privilege of direct untrammelled intercourse not only with the great Deva

Những khả năng mà việc tiếp cận những ghi chép này mở ra thật phong phú và đa dạng — đến mức ngay cả khi đây là lợi ích duy nhất của cõi trí, nó vẫn vượt xa mọi cõi thấp hơn về mức độ hấp dẫn. Nhưng khi chúng ta bổ sung thêm vào điều này sự gia tăng đáng kể về cơ hội để thu nhận tri thức nhờ vào năng lực mới và rộng lớn hơn của cõi này — đặc quyền được giao tiếp trực tiếp, không bị giới hạn không chỉ với đại giới của các thiên thần Deva, mà còn

kingdom, but with the very Masters of Wisdom themselves — the rest and relief from the weary strain of physical life that is brought by the enjoyment of its deep unchanging bliss, and above all, the enormously enhanced capability of the developed student for the service of his fellow-men — then we shall begin to have some faint conception of what a pupil gains when he wins the right to enter at will and in perfect consciousness upon his heritage in this bright realm of the heaven-world. [30]

với chính các Chân sư Minh Triết — sự nghỉ ngơi và xoa dịu khỏi những căng thẳng mệt mỏi của đời sống vật lý mà phúc lạc sâu sắc, bất biến của cõi này mang lại, và trên hết, khả năng phục vụ đồng loại được tăng cường rất lớn của người sinh viên phát triển — thì chúng ta sẽ bắt đầu có một ý niệm mờ nhạt về những gì mà một sinh viên có được khi y giành được quyền bước vào cõi trời sáng ngời này một cách tự do và với ý thức hoàn toàn.

## II. INHABITANTS. – NHỮNG CƯ DÂN

In our endeavour to describe the inhabitants of the mental plane it will perhaps be well for us to divide them into the same three great classes chosen in the manual on the astral plane — the human, the non-human, and the artificial — though the sub-divisions will naturally be less numerous in this case than in that, since the products of man's evil passions, which bulked so largely there, can find no place here.

Trong nỗ lực của chúng ta nhằm mô tả những cư dân của cõi trí, có lẽ sẽ tốt nếu chúng ta chia họ thành ba nhóm lớn giống như trong sách hướng dẫn về cõi cảm dục — nhóm con người, nhóm không phải con người, và nhóm nhân tạo — dù các phân nhóm tất nhiên sẽ ít hơn trong trường hợp này so với trường hợp trước, vì các sản phẩm từ những đam mê ác độc của con người, vốn chiếm phần lớn ở đó, không thể tìm thấy chỗ ở đây.

### I. HUMAN - NHÂN LOẠI

Exactly as was the case when dealing with the lower world, it will be desirable to subdivide the human inhabitants of the mental plane into two classes — those who are still attached to a physical body, and those who are not — the living and the dead, as they are commonly but most erroneously called. Very little experience of these higher planes is needed to alter fundamentally the student's conception, of the change which takes place at death; he realizes immediately on the opening of his consciousness even in the astral, and still more in this mental world, that the fulness of true life is something which can never be known down here, and that when we leave

Hoàn toàn giống như khi đề cập đến các thế giới thấp hơn, sẽ thích hợp nếu phân chia những cư dân con người của cõi trí thành hai nhóm — những người vẫn còn gắn bó với thể xác, và những người không còn — những người sống và những người chết, như họ thường được gọi, nhưng là cách gọi hết sức sai lầm. Rất ít kinh nghiệm về các cõi cao hơn là cần thiết để thay đổi cơ bản khái niệm của học viên về sự thay đổi xảy ra khi chết; y nhận ra ngay lập tức khi tâm thức của mình mở ra, ngay cả trên cõi cảm dục, và càng rõ ràng hơn nữa trên cõi trí này, rằng sự viên mãn của cuộc sống chân thật là điều không bao giờ có thể biết đến ở nơi đây, và khi chúng ta rời khỏi

| | |
|---|---|
| this physical earth we are passing into that true life, not out of it. We have not at present in the English language any convenient and at the same time accurate words to express these conditions; perhaps to call them respectively embodied and disembodied will be, on the whole, the least misleading of [31] the various possible phrases. Let us therefore proceed to consider those inhabitants of the mental plane who come under the head of | quả đất vật lý này, chúng ta đang bước vào cuộc sống chân thật đó, chứ không phải ra khỏi nó. Hiện tại, trong ngôn ngữ Anh không có từ ngữ nào vừa thuận tiện vừa chính xác để diễn đạt các trạng thái này; có lẽ gọi chúng lần lượt là người còn thân xác và người không còn thân xác sẽ là cách ít gây hiểu nhầm nhất trong số [31] các cụm từ có thể. Vì vậy, chúng ta hãy tiếp tục xem xét các cư dân của cõi trí thuộc phân loại |

## The Embodied – Những Hiện Thân

Those human beings who, while still attached to a physical body, are found moving in full consciousness and activity upon this plane, are invariably either Adepts or their initiated pupils, for until a student has been taught by his Master how to use his mental body he will be unable to move with freedom upon even its lower levels. To function consciously during physical life upon the higher levels denotes still greater advancement, for it means the unification of the man, so that down here he is no longer a mere personality, more or less influenced by the individuality above, but is himself that individuality — trammelled and confined by a body, certainly, but nevertheless having within him the power and knowledge of a highly developed ego.

Những con người vẫn còn gắn bó với thể xác mà được tìm thấy hoạt động với đầy đủ tâm thức và ý thức trên cõi này, chắc chắn là các Chân sư hoặc các đệ tử được điểm đạo của các Ngài, vì cho đến khi một học viên được Chân sư dạy cách sử dụng thể trí của mình, y sẽ không thể tự do hoạt động ngay cả trên các cấp thấp của cõi này. Việc hoạt động có ý thức trong cuộc sống vật lý trên các cấp cao hơn biểu thị một mức tiến hóa lớn hơn nữa, vì điều đó có nghĩa là sự hợp nhất của người ấy, sao cho ở cõi trần này y không còn chỉ là một phàm ngã đơn thuần, bị ảnh hưởng bởi chân ngã ở trên, mà chính y đã trở thành chân ngã đó — bị gò bó và giới hạn bởi một thân xác, dĩ nhiên, nhưng vẫn mang trong mình sức mạnh và tri thức của một chân ngã tiến hóa cao.

Very magnificent objects are these Adepts and initiates to the vision which has learnt to see them — splendid globes of light and colour, driving away all evil influence wherever they go, acting upon all who come near them as the sunshine acts upon the flowers, and shedding around them a feeling of restfulness and happiness of which even those who do not see them are often conscious. It is in this celestial world that much of their most important work is done — more especially upon its higher levels, where the individuality can be

Các Chân sư và điểm đạo đồ này là những thực thể huy hoàng dưới ánh nhìn đã học được cách thấy các Ngài — những quả cầu rực rỡ ánh sáng và sắc màu, xua tan mọi ảnh hưởng xấu nơi các Ngài đi qua, tác động đến tất cả những ai đến gần như ánh mặt trời tác động lên những bông hoa, và lan tỏa xung quanh họ cảm giác yên bình và hạnh phúc mà ngay cả những người không thấy họ cũng thường cảm nhận được. Chính trong thế giới thiên giới này, nhiều công việc quan trọng nhất của các Ngài được thực hiện — đặc biệt là trên các cấp cao

acted upon directly. It is from this plane that they shower the grandest spiritual influences upon the world of thought; from it also they impel great and beneficent movements of all kinds. Here much of the spiritual force poured out by the glorious self-sacrifice of [32] the Nirmânâkayas is distributed; here also direct teaching is given to those pupils who are sufficiently advanced to receive it in this way, since it can be imparted far more readily and completely here than on the astral plane. In addition to all these activities they have a great field of work in connection with those whom we call the dead, but this will be more fitly explained under a later heading.

hơn của cõi này, nơi có thể tác động trực tiếp lên chân ngã. Chính từ cõi này, các Ngài ban rải những ảnh hưởng tinh thần vĩ đại nhất lên thế giới tư tưởng; từ đây, các Ngài cũng thúc đẩy các phong trào cao cả và nhân từ đủ loại. Tại đây, nhiều mãnh lực tinh thần tuôn trào từ sự hi sinh vinh quang của [32] các Nirmânâkayas được phân phối; cũng tại đây, giáo lý trực tiếp được truyền đạt cho những đệ tử đủ tiến bộ để tiếp nhận theo cách này, vì nó có thể được truyền đạt dễ dàng và đầy đủ hơn ở đây so với trên cõi cảm dục. Ngoài tất cả các hoạt động này, các Ngài còn có một lĩnh vực công việc lớn liên quan đến những người mà chúng ta gọi là người chết, nhưng điều này sẽ được giải thích rõ ràng hơn trong một tiêu đề sau.

It is a pleasure to find that a class of inhabitants which obtruded itself painfully on our notice on the astral plane is almost entirely absent here. In a world whose characteristics are unselfishness and spirituality the black magician and his pupils can obviously find no place, since selfishness is of the essence of all the proceedings of the darker schools, and their study of occult forces is entirely for personal ends. Not but that in many of them the intellect is very highly developed, and consequently the matter of the mind-body extremely active and sensitive along certain lines; but in every case those lines are connected with personal desire of some sort, and they can therefore find expression only through that lower part of the mind-body which has become almost inextricably entangled with astral matter. As a necessary consequence of this limitation it follows that their activities are practically confined to the astral and physical planes. A man, the trend of whose whole life is evil and selfish, may indeed have periods of purely abstract thought during which he may utilize the mind-body if he has learnt how to do so,

Thật đáng vui mừng khi nhận thấy rằng một nhóm cư dân gây nhiều phiền toái cho chúng ta trên cõi cảm dục gần như hoàn toàn vắng bóng tại đây. Trong một thế giới có đặc tính là tinh thần và vô ngã, nhà huyền thuật hắc ám và các đệ tử của y rõ ràng không thể tìm thấy chỗ đứng, vì ích kỷ là bản chất của mọi hoạt động của các trường phái tối tăm, và việc nghiên cứu các lực huyền bí của họ hoàn toàn vì mục đích cá nhân. Không phải là không có những người trong số họ có trí tuệ phát triển cao, và vì thế, vật chất của thể trí hoạt động cực kỳ mạnh mẽ và nhạy cảm theo một số đường lối nhất định; nhưng trong mọi trường hợp, những đường lối này đều gắn liền với các loại ham muốn cá nhân nào đó, do đó chúng chỉ có thể thể hiện qua phần thấp của thể trí đã gần như bị đan chặt không thể tách rời với vật chất cảm dục. Như một hệ quả tất yếu của sự giới hạn này, hoạt động của họ thực tế bị giới hạn trong các cõi cảm dục và vật lý. Một người mà khuynh hướng của toàn bộ cuộc sống là xấu xa và ích kỷ, có thể thỉnh thoảng có những giai đoạn tư tưởng trừu tượng thuần túy, trong đó y có thể sử dụng thể trí nếu y biết cách làm, nhưng ngay khi yếu tố cá nhân xuất

but the moment that the personal element comes in, and the effort to produce some evil result is made, the thought is no longer abstract, and the man finds himself working in connection with the familiar astral matter once more. One might almost say that a black magician could function on the mental plane only while he forgot that he was a black magician.

hiện, và nỗ lực tạo ra một kết quả xấu nào đó được thực hiện, tư tưởng đó không còn là trừu tượng, và y thấy mình đang làm việc với vật chất cảm dục quen thuộc một lần nữa. Có thể nói gần như rằng một nhà huyền thuật hắc ám chỉ có thể hoạt động trên cõi trí khi y quên rằng y là một nhà huyền thuật hắc ám.

But even while he forgot it he could be visible on the [33] mental plane only to men functioning consciously on that plane — never by any possibility to those who are enjoying the heavenly rest in this region after death, since each of them is so entirely secluded within the world of his own thought that nothing outside of that can affect him, and he is consequently absolutely safe. Thus is justified the grand old description of the heaven-world as the place "where the wicked cease from troubling, and the weary are at rest."

Nhưng ngay cả khi y quên điều đó, y cũng chỉ có thể hiện diện trên [33] cõi trí đối với những người hoạt động có ý thức trên cõi này — không bao giờ có khả năng với những người đang hưởng sự an nghỉ thiên đường trong khu vực này sau khi chết, vì mỗi người trong số họ hoàn toàn bị cô lập trong thế giới tư tưởng của chính mình đến mức không có gì bên ngoài có thể ảnh hưởng đến họ, và vì thế họ hoàn toàn an toàn. Điều này minh chứng cho mô tả vĩ đại cổ xưa về thế giới thiên đường như là nơi "nơi những kẻ ác không còn gây rối, và những kẻ mệt mỏi được an nghỉ.

## In Sleep or Trance – Trong Giấc Ngủ Hoặc Xuất Thân

In thinking of the embodied inhabitants of the mental plane, the question naturally suggests itself whether either ordinary people during sleep, or psychically developed persons in a trance condition, can ever penetrate to this plane. In both cases the answer must be that the occurrence is possible, though extremely rare. Purity of life and purpose would be an absolute pre-requisite, and even when the plane was reached there would be nothing that could be called real consciousness, but simply a capacity for receiving certain impressions.

Khi suy nghĩ về các cư dân còn gắn bó với thể xác của cõi trí, câu hỏi tự nhiên nảy sinh liệu những người bình thường trong giấc ngủ hoặc những người phát triển năng lực tâm linh trong trạng thái xuất thần có thể bao giờ thâm nhập vào cõi này không. Trong cả hai trường hợp, câu trả lời là điều này có thể xảy ra, dù rất hiếm. Sự thanh khiết trong đời sống và mục đích sẽ là một điều kiện tiên quyết tuyệt đối, và ngay cả khi đã đạt tới cõi đó, vẫn sẽ không có gì có thể được gọi là tâm thức thực sự, mà chỉ đơn giản là khả năng tiếp nhận một số ấn tượng nhất định.

As exemplifying the possibility of entering the mental plane during sleep, an incident may be mentioned which occurred in connection

Như một minh họa cho khả năng bước vào cõi trí trong giấc ngủ, có thể nhắc đến một sự việc đã xảy ra trong các thí nghiệm do Hội London

with the experiments made by the London Lodge of the Theosophical Society on dream consciousness, an account of some of which was given in my little book on Dreams. It may be remembered by those who have read that treatise that a thought-picture of a lovely tropical landscape was presented to the minds of various classes of sleepers, with a view of testing the extent to which it was afterwards recollected on awaking. One case which was not referred to in the account previously published, as it had no special connection with the phenomena of dreams, will serve as a useful illustration here. [34]

của Hội Thông Thiên Học thực hiện về tâm thức trong mơ, mà một số chi tiết đã được ghi lại trong quyển sách nhỏ của tôi về Giấc Mơ. Những ai đã đọc tài liệu đó có thể nhớ rằng một bức tranh tư tưởng về một cảnh quan nhiệt đới tuyệt đẹp đã được truyền vào tâm trí của các nhóm người ngủ khác nhau, nhằm kiểm tra mức độ mà họ có thể nhớ lại nó sau khi tỉnh giấc. Một trường hợp không được đề cập trong bản báo cáo trước đây, vì không liên quan trực tiếp đến hiện tượng của giấc mơ, sẽ là một minh họa hữu ích ở đây. [34]

It was that of a person of pure mind and considerable though untrained psychic capacity ; and the effect of the presentation of the thought-picture to her mind was of a somewhat startling character. So intense was the feeling of reverent joy, so lofty and so spiritual were the thoughts evoked by the contemplation of this glorious scene, that the consciousness of the sleeper passed entirely into the mind-body — or, to put the same idea into other words, rose on to the mental plane. It must not, however, be supposed from this that she became cognizant of her surroundings upon that plane or of its real conditions; she was simply in the state of the ordinary person who has reached that level after death, floating in the sea of light and colour indeed, but nevertheless entirely absorbed in her own thought, and conscious of nothing beyond it — resting in ecstatic contemplation of the landscape and of all that it had suggested to her — yet contemplating it, be it understood, with the keener insight, the more perfect appreciation, and the enhanced vigour of thought peculiar to the mental plane, and enjoying all the while the intensity of bliss which has so often been spoken of before. The sleeper remained in that condition for several hours, though apparently entirely

Đó là trường hợp của một người có tâm trí thuần khiết và có năng lực tâm linh đáng kể dù chưa qua đào tạo; và tác động của việc truyền bức tranh tư tưởng này vào tâm trí của cô ấy có một tính chất khá gây ngạc nhiên. Cảm giác vui mừng kính cẩn mãnh liệt, những tư tưởng cao cả và tinh thần được khơi gợi bởi sự chiêm ngưỡng cảnh tượng vinh quang này đến mức tâm thức của người ngủ hoàn toàn đi vào thể trí của cô ấy — hay, nói theo cách khác, đã vươn lên cõi trí. Tuy nhiên, không nên cho rằng cô ấy đã nhận thức được môi trường xung quanh hay các điều kiện thực sự trên cõi đó; cô ấy chỉ đơn giản ở trong trạng thái của một người bình thường đã đạt tới cấp độ này sau khi chết, trôi nổi trong biển ánh sáng và sắc màu, nhưng hoàn toàn bị cuốn vào tư tưởng của mình, và không nhận thức được gì ngoài nó — đắm chìm trong sự chiêm ngưỡng ngây ngất của cảnh quan và tất cả những gì nó gợi lên trong cô ấy — nhưng dĩ nhiên là chiêm ngưỡng với sự thấu hiểu sắc bén hơn, sự cảm thụ hoàn hảo hơn và sức mạnh tư tưởng gia tăng đặc trưng của cõi trí, và đồng thời hưởng trọn niềm hạnh phúc mãnh liệt đã được nhắc đến nhiều lần trước đây. Người ngủ duy trì trạng thái đó trong vài giờ, dù dường như hoàn toàn không nhận biết thời gian trôi qua, và cuối cùng tỉnh dậy với một cảm giác an bình

unconscious of the passage of time, and at last awoke with a sense of deep peace and inward joy for which, since she had brought back no recollection of what had happened, she was quite unable to account. There is no doubt, however, that such an experience as this, whether remembered in the physical body or not, would act as a distinct impulse to the spiritual evolution of the ego concerned.

sâu sắc và niềm vui bên trong mà, vì cô ấy không mang lại chút hồi ức nào về những gì đã xảy ra, cô không thể lý giải được. Tuy nhiên, không còn nghi ngờ gì nữa, rằng một trải nghiệm như thế này, dù có được nhớ lại trong thể xác hay không, sẽ là một xung lực rõ rệt đối với sự tiến hóa tinh thần của chân ngã liên quan.

Though in the absence of a sufficient number of experiments one hesitates to speak too positively, it seems almost, certain that such a result as this just described would be possible only in the case of a person having already some amount of psychic development: and the same condition [35] is even more definitely necessary in order that a mesmerized subject should touch the mental plane in trance. So decidedly is this the case, that probably not one in a thousand among ordinary clairvoyants ever reaches it at all; but on the rare occasions when it is so attained the clairvoyant, as before remarked, must be not only of exceptional development, but of perfect purity of life and purpose; and even when all these unusual characteristics are present there still remains the difficulty which an untrained psychic always finds in translating a vision accurately from the higher plane to the lower. All these considerations, of course, only emphasize what has been so often insisted upon before — the necessity of the careful training of all psychics under a qualified instructor before it is possible to attach much weight to their reports of what they see.

Mặc dù thiếu các thí nghiệm đủ số lượng, việc nói quá khẳng định có thể còn phải do dự, nhưng gần như chắc chắn rằng kết quả như đã mô tả chỉ có thể xảy ra với những người đã có phần nào sự phát triển tâm linh; và điều kiện tương tự [35] lại càng cần thiết hơn để một người bị thôi miên có thể tiếp xúc với cõi trí trong trạng thái xuất thần. Điều này là hiển nhiên đến mức có lẽ không một người thông nhãn bình thường nào trong một nghìn người từng đạt tới cõi này; nhưng vào những lúc hiếm hoi khi điều đó xảy ra, người thông nhãn, như đã nói trước đó, phải không chỉ có sự phát triển đặc biệt mà còn phải sống một cuộc đời và mục đích hoàn toàn thanh khiết; và ngay cả khi tất cả những đặc điểm bất thường này đều hiện diện, vẫn còn khó khăn mà một người tâm linh chưa được đào tạo luôn gặp phải khi truyền tải chính xác một tầm nhìn từ cõi cao xuống cõi thấp hơn. Tất cả những cân nhắc này, dĩ nhiên, chỉ nhấn mạnh thêm điều đã được khẳng định rất nhiều lần trước đây — sự cần thiết phải đào tạo cẩn thận tất cả những người tâm linh dưới sự hướng dẫn của một người thầy đủ phẩm chất trước khi có thể đặt nhiều trọng lượng vào những gì họ nhìn thấy.

## The Disembodied - Những Nhân Vật Không Còn Giữ Xác Thân

Before considering in detail the condition of the disembodied entities on the various subdivisions of the mental plane, we must

Trước khi xem xét chi tiết tình trạng của các thực thể không còn thân xác trên các phân cảnh khác nhau của cõi trí, chúng ta cần phải

have very clearly in our minds the broad distinction between the rûpa and arûpa levels, of which mention has already been made. On the former the man lives entirely in the world of his own thoughts, still fully identifying himself with his personality in the life which he has recently quitted; on the latter he is simply the reincarnating ego or soul, who (if he has developed sufficient consciousness on that level to know anything clearly at all) understands, at least to some extent, the evolution upon which he is engaged, and the work that he has to do.

nắm rõ trong tâm trí sự phân biệt lớn giữa các cảnh giới rûpa và arûpa, như đã được đề cập trước đó. Ở các phân cảnh rûpa, con người sống hoàn toàn trong thế giới của chính những tư tưởng của mình, vẫn hoàn toàn đồng nhất bản thân với phàm ngã mà y vừa rời bỏ trong đời sống trước; còn trên các phân cảnh arûpa, y đơn thuần là chân ngã tái sinh hoặc linh hồn, người (nếu đã phát triển đủ ý thức ở cấp độ đó để nhận biết điều gì đó rõ ràng) hiểu được, ít nhất đến một mức độ nào đó, về sự tiến hóa mà y đang tham gia và công việc mà y phải thực hiện.

It should be remembered that every man passes through both these stages between death and birth, though the undeveloped majority have so little consciousness in either of [36] them as yet that they might more truly be said to dream through them. Nevertheless, whether consciously or unconsciously, every human being must touch the higher levels of the mental plane before reincarnation can take place; and as his evolution proceeds this touch becomes more and more definite and real to him. Not only is he more conscious there as he progresses, but the period he passes in that world of reality becomes longer; for the fact is that his consciousness is slowly but steadily rising through the different planes of the system.

Cần nhớ rằng mọi người đều đi qua cả hai giai đoạn này giữa cái chết và sự tái sinh, mặc dù phần đông những người chưa phát triển có rất ít ý thức ở cả hai giai đoạn đến mức có thể nói họ chỉ mơ mộng qua chúng. Tuy nhiên, dù có ý thức hay không, mỗi con người đều phải chạm đến các cấp độ cao hơn của cõi trí trước khi sự tái sinh có thể diễn ra; và khi tiến trình tiến hóa của y tiếp diễn, sự chạm đến này càng trở nên rõ ràng và thực tế hơn đối với y. Không những y có ý thức hơn ở đó khi tiến hóa, mà thời gian y trải qua trong thế giới thực tại này cũng ngày càng dài hơn; thực tế là tâm thức của y đang dần dần và đều đặn vươn lên qua các cõi giới khác nhau trong hệ thống.

Primitive man, for example, has comparatively little consciousness on any plane but the physical during life, and the lower astral after death; and indeed the same may be said of the quite undeveloped man even in our own day. A person a little more advanced begins to have a short period of heaven-life (on the lower levels, of course), but still spends by far the greater part of his time, between incarnations, on the astral plane. As he progresses the astral life grows shorter and the heaven-life longer, until when

Chẳng hạn, người nguyên thủy có rất ít ý thức trên bất kỳ cõi nào khác ngoài cõi trần trong đời sống, và cõi cảm dục thấp sau khi chết; thực tế, điều này cũng có thể nói về những người hoàn toàn chưa phát triển ngay cả trong thời đại chúng ta. Một người tiến bộ hơn một chút bắt đầu có một khoảng thời gian ngắn sống trong cõi thiên đàng (dĩ nhiên là ở các cấp độ thấp hơn), nhưng vẫn dành phần lớn thời gian giữa các lần nhập thể trên cõi cảm dục. Khi y tiến hóa, đời sống trên cõi cảm dục ngắn lại và đời sống thiên đàng kéo dài hơn, cho đến

he becomes an intellectual and spiritually-minded person he passes through the astral plane with hardly any delay at all, and enjoys a long and happy sojourn on the more refined of the lower mental levels. By this time, however, the consciousness in the true ego on its higher level is awakened to a very considerable extent, and thus his conscious life on the mental plane divides itself into two parts — the later and shorter portion being spent on the higher sub-planes in the causal body.

khi y trở thành người có trí thức và tinh thần, y gần như không có sự trì hoãn nào khi đi qua cõi cảm dục và tận hưởng một thời gian dài và hạnh phúc trên các phân cảnh thấp hơn nhưng tinh tế hơn của cõi trí. Tuy nhiên, đến thời điểm này, ý thức trong chân ngã thực sự ở cấp độ cao hơn đã thức tỉnh ở một mức độ đáng kể, do đó đời sống ý thức của y trên cõi trí chia thành hai phần — phần sau và ngắn hơn được trải qua trên các phân cảnh cao hơn trong thể nhân quả.

The process previously described then repeats itself, the life on the lower levels gradually shortening, while the higher life becomes steadily longer and fuller, till at last the time comes when the consciousness is unified — when the higher and lower selves are indissolubly united, and the man is no longer capable of wrapping himself up in his own [37] cloud of thought, and mistaking the little that he can see through that for the whole of the great heaven-world around him — when he realizes the true possibilities of his life, and so for the first time truly begins to live. But by the time that he attains these heights he will already have entered upon the Path, and taken his future progress definitely into his own hands.

Tiến trình mà chúng ta vừa diễn tả, sẽ được lặp lại: giai đoạn sống ở các cảnh thấp thu ngắn dần, và giai đoạn sống ở các cảnh cao trở nên lâu dài và đầy đủ hơn, cho đến ngày tâm thức được hợp nhất. Khi phần cao và phần thấp của cái ngã hợp nhất, không thể phân chia, con người không còn có thể tự bao phủ trong đám mây tư tưởng của riêng họ, và họ có thể thấy xuyên qua nó toàn thể cõi thiên đàng rộng lớn chung quanh. Họ sẽ nhận thấy còn có những mục đích thật sự trong kiếp sống của họ, và đây là lần đầu tiên, họ bắt đầu sống thực sự. Thực ra, vào lúc đạt tới những trình độ cao này, họ đã đặt chân trên đường đạo, và nắm vững những bước tiến bộ tương lai.

## The Qualities Necessary for the Heaven-Life – Những Đức Tính Cần Cho Cuộc Sống Cõi Thiên Đàng

The greater reality of the heaven-life as compared with that on earth shines forth clearly when we consider, what conditions are requisite for the attainment of this higher state of existence. For the very qualities which a man must develop during life, if he is to have any existence in the heaven-world after death, are just those which all the best and noblest of our race have agreed in considering as really

Sự thực tại cao hơn của đời sống thiên đàng so với cuộc sống trên trần gian trở nên rõ ràng khi chúng ta xem xét các điều kiện cần thiết để đạt được trạng thái tồn tại cao hơn này. Những phẩm chất mà một người phải phát triển trong cuộc sống, nếu y muốn có một sự tồn tại nào đó trong cõi thiên đàng sau khi chết, chính là những phẩm chất mà tất cả những người tốt đẹp và cao quý nhất của nhân loại đều xem là

and permanently desirable. In order that an aspiration or a thought-force should result in existence on that plane, its dominant characteristic must be unselfishness.

thực sự đáng giá và bền vững. Để một khát vọng hay một lực tư tưởng có thể đưa đến sự tồn tại trên cõi đó, đặc tính nổi bật của nó phải là vô vị lợi.

Affection for family or friends takes many a man into the heaven-life, and so also does religious devotion; yet it would be a mistake to suppose that all affection or all devotion must therefore necessarily find its post-mortem expression there, for of each of these qualities there are obviously two varieties, the selfish and the unselfish — though it might perhaps reasonably be argued that it is only the latter kind in each case which is really worthy of the name.

Tình cảm đối với gia đình hay bạn bè đưa nhiều người vào đời sống thiên đàng, cũng như sự sùng tín tôn giáo; tuy nhiên, sẽ là một sai lầm nếu cho rằng tất cả tình cảm hay mọi sự sùng tín đều nhất thiết phải tìm thấy biểu hiện sau khi chết ở cõi đó, vì mỗi trong số những phẩm chất này rõ ràng có hai loại: vị kỷ và vô vị kỷ — mặc dù có lẽ cũng hợp lý khi cho rằng chỉ loại sau mới xứng đáng được gọi là tình cảm hay sùng tín thực sự.

There is the love which pours itself out upon its object, seeking for nothing in return — never even thinking of itself, but only of what it can do for the loved one; and such a feeling as this generates a spiritual force which cannot work [38] itself out except upon the mental plane. But there is also another emotion which is sometimes called love — an exacting, selfish kind of passion which desires mainly to be loved — which is thinking all the time of what it receives rather than of what it gives, and is quite likely to degenerate into the horrible vice of jealousy upon (or even without) the smallest provocation. Such affection as this has in it no seed of the mental development; the forces which it sets in motion will never rise above the astral plane.

Có tình yêu tuôn trào hết mình cho đối tượng của nó, không tìm kiếm gì đáp lại — thậm chí không hề nghĩ đến bản thân, mà chỉ nghĩ đến những gì mình có thể làm cho người mình yêu; và cảm xúc như thế này tạo ra một lực tinh thần mà chỉ có thể hoạt động trên cõi trí. Nhưng cũng có một cảm xúc khác đôi khi được gọi là tình yêu — một loại đam mê ích kỷ, đòi hỏi được yêu, luôn nghĩ đến những gì nó nhận được hơn là những gì nó trao đi, và dễ dàng suy đồi thành thói xấu ghen tuông chỉ với những kích thích nhỏ nhất (hoặc thậm chí không cần lý do). Tình cảm như thế này không chứa đựng mầm mống của sự phát triển trí tuệ; các lực mà nó tạo ra sẽ không bao giờ vượt lên trên cõi cảm dục.

The same is true of the feeling of a certain very large class of religious devotees, whose one thought is, not the glory of their deity, but how they may save their own miserable souls — a position which forcibly suggests that they, have not yet developed anything that really deserves the name of a soul at all.

Điều tương tự cũng đúng với tình cảm của một số lượng rất lớn những tín đồ tôn giáo, những người chỉ nghĩ đến việc cứu rỗi linh hồn của mình thay vì vinh quang của Thượng đế của họ — một vị thế gợi ý mạnh mẽ rằng họ chưa thực sự phát triển được điều gì xứng đáng với tên gọi "linh hồn" thật sự.

On the other hand there is the real religious

Ngược lại, có sự sùng tín tôn giáo chân chính,

devotion, which thinks never of self, but only of love and gratitude towards the deity or leader, and is filled with ardent desire to do something for him or in his name; and such a feeling often leads to a prolonged heaven-life of a comparatively exalted type.

không bao giờ nghĩ đến bản thân, mà chỉ là tình yêu và lòng biết ơn đối với đấng thần linh hay người lãnh đạo, tràn đầy khao khát nhiệt thành để làm điều gì đó cho Ngài hoặc nhân danh Ngài; và cảm xúc như thế này thường dẫn đến một đời sống thiên đàng kéo dài, thuộc loại tương đối cao thượng.

This would of course be the case whoever the deity or leader might be, and followers of Buddha, Krishna, Ormuzd, Allah, and Christ would all equally attain their need of celestial bliss — its length and quality depending upon the intensity and purity of the feeling, and not in the least upon its object, though this latter consideration would undoubtedly affect the possibility of receiving instruction during that higher life.

Dĩ nhiên, điều này sẽ xảy ra bất kể đấng thần linh hay người lãnh đạo là ai, và những người theo Đức Phật, Krishna, Ormuzd, Allah, và Đức Christ đều có thể đạt đến trạng thái phúc lạc thiên đàng — độ dài và phẩm chất của nó phụ thuộc vào cường độ và sự trong sáng của cảm xúc, chứ không phụ thuộc chút nào vào đối tượng của nó, mặc dù yếu tố sau chắc chắn sẽ ảnh hưởng đến khả năng nhận được sự chỉ dạy trong đời sống cao hơn đó.

Most human devotion, however, like most human love, is neither wholly pure nor wholly selfish. That love must be low indeed into which no unselfish thought or impulse has entered; and on the other hand an affection which is [39] usually and chiefly quite pure and noble may yet sometimes be clouded by a spasm of jealous feeling or a passing thought of self. In both these cases, as in all, the law of eternal justice discriminates unerringly; and just as the momentary flash of nobler feeling in the less developed heart will surely receive its need in the heaven-world, even though there be naught else in the life to raise the soul above the astral plane, so the baser thought which erstwhile dimmed the holy radiance of a real love will work out its force in the astral world, interfering not at all with the magnificent celestial life which flows infallibly from years of deep affection here below.

Tuy nhiên, hầu hết sự sùng tín của con người, cũng như phần lớn tình yêu của con người, không hoàn toàn thuần khiết cũng không hoàn toàn ích kỷ. Tình yêu phải thấp kém lắm mới không chứa đựng chút ý nghĩ hay xung động vô vị kỷ nào; ngược lại, một tình cảm thường xuyên và chủ yếu là hoàn toàn trong sạch và cao thượng cũng có thể đôi lúc bị che mờ bởi một cơn cảm xúc ghen tuông hoặc một ý nghĩ thoáng qua về bản thân. Trong cả hai trường hợp này, cũng như trong mọi trường hợp, luật công lý vĩnh cửu phân biệt một cách không thể sai lầm; và giống như tia sáng cao thượng thoáng qua trong trái tim kém phát triển chắc chắn sẽ nhận được phần của nó trong cõi thiên đàng, ngay cả khi trong đời sống không có gì khác để nâng linh hồn vượt lên trên cõi cảm dục, thì ý nghĩ thấp kém từng làm lu mờ ánh sáng thiêng liêng của tình yêu chân chính sẽ vận hành lực của nó trong cõi cảm dục, không ảnh hưởng gì đến đời sống thiên đàng rực rỡ phát sinh một cách tất yếu từ những năm tháng của tình cảm sâu đậm ở thế gian này.

## How a Man first gains the Heaven-Life – Làm Thế Nào Con Người Đạt Được Sự Sống Trên Cõi Thiên Đàng Lần Đầu Tiên.

It will be seen, therefore, that in the earlier stages of their evolution many of the backward egos never consciously attain the heaven-world at all, whilst a still larger number obtain only a comparatively slight touch of some of its lower planes. Every soul must of course withdraw into its true self upon the higher levels before reincarnation ; but it does not at all follow that in that condition it will experience anything that we should call consciousness. This subject will be dealt with more fully when we come to treat of the arûpa planes; it seems better to begin with the lowest of the rûpa levels, and work steadily upwards, so we may for the moment leave on one side that portion of humanity whose conscious existence after death is practically confined to the astral plane, and proceed to consider the case of an entity who has just risen out of that position — who for the first time has a slight and fleeting consciousness in the lowest subdivision of the heaven-world.

Vì thế, sẽ thấy rằng trong các giai đoạn sớm của sự tiến hóa của mình, nhiều chân ngã lạc hậu không bao giờ đạt được một cách có ý thức đến thế giới thiên đường, trong khi một số lượng lớn hơn chỉ chạm đến một phần nhỏ của các cõi thấp hơn của thế giới này. Mỗi linh hồn dĩ nhiên đều phải quay về chân ngã chân thật của mình trên các cấp cao hơn trước khi tái sinh; nhưng điều đó không nhất thiết có nghĩa là trong trạng thái đó, y sẽ trải nghiệm bất cứ điều gì mà chúng ta gọi là tâm thức. Vấn đề này sẽ được đề cập chi tiết hơn khi chúng ta bàn về các cõi arûpa; có vẻ tốt hơn nếu bắt đầu từ các cấp thấp nhất của các cõi rûpa và tiến lên một cách ổn định, vì thế, tạm thời chúng ta sẽ để sang một bên phần nhân loại có sự tồn tại có ý thức sau khi chết hầu như chỉ giới hạn trong cõi cảm dục, và tiếp tục xem xét trường hợp của một thực thể vừa mới thoát ra khỏi vị trí đó — người lần đầu tiên có một chút tâm thức ngắn ngủi ở phân khu thấp nhất của thế giới thiên đường.

There are evidently various methods by which this [40] important step in the early development of the soul may be brought about, but it will be sufficient for our present purpose if we take as an illustration of one of them a somewhat pathetic little story from real life which came under the observation of our students when they were investigating this question. In this case the agent of the great evolutionary forces was a poor seamstress, living in one of the dreariest and most squalid of our terrible London slums — a fetid court in the East End into which light and air could scarcely struggle.

Rõ ràng là có nhiều phương pháp khác nhau để bước quan trọng này trong sự phát triển ban đầu của linh hồn có thể xảy ra, nhưng sẽ đủ cho mục đích hiện tại của chúng ta nếu lấy làm minh họa một trong số đó bằng một câu chuyện nhỏ khá cảm động từ đời thực, một sự kiện được các học viên của chúng ta quan sát khi họ điều tra vấn đề này. Trong trường hợp này, tác nhân của các lực tiến hóa lớn lao là một cô thợ may nghèo, sống trong một trong những khu ổ chuột tồi tàn và khốn khổ nhất ở London — một con hẻm ẩm mốc ở khu Đông Thành, nơi ánh sáng và không khí khó có thể len vào.

Naturally she was not highly educated, for her

Dĩ nhiên cô ấy không có trình độ học vấn cao,

life had been one long round of the hardest work under the least favourable of conditions; but nevertheless she was a good-hearted, benevolent creature, overflowing with love and kindness towards all with whom she came into contact. Her rooms were as poor, perhaps, as any in the court, but at least they were cleaner and neater than the others. She had no money to give when sickness brought need even more dire than usual to some of her neighbours, yet on such an occasion she was always at hand as often as she could snatch a few moments from her work, offering with ready sympathy such service as was within her power.

vì cuộc sống của cô đã là một chuỗi dài lao động cực nhọc trong điều kiện khó khăn nhất; nhưng cô ấy vẫn là một sinh linh nhân hậu, đầy tình yêu thương và lòng tốt đối với tất cả những ai tiếp xúc với cô. Phòng của cô có thể nghèo nàn như bất kỳ phòng nào trong hẻm, nhưng ít nhất nó sạch sẽ và ngăn nắp hơn những phòng khác. Khi bệnh tật mang lại nhu cầu còn cấp thiết hơn bình thường cho một số hàng xóm của cô, cô không có tiền để giúp đỡ, nhưng mỗi khi có thể tranh thủ vài phút từ công việc, cô luôn ở bên với sự cảm thông sẵn sàng, cung cấp bất cứ sự trợ giúp nào mà cô có thể.

Indeed, she was quite a providence to the rough, ignorant factory girls about her, and they gradually came to look upon her as a kind of angel of help and mercy, always at hand in time, of trouble or illness. Often, after toiling all day with scarcely a moment's intermission, she sat up half the night, taking her turn at nursing some of the many sufferers who are always to be found in surroundings so fatal to health and happiness as those of a London slum; and in many cases the gratitude and affection which her unremitting kindness aroused in them were absolutely the only higher feelings that they had during the whole of their rough and sordid lives, [41]

Thực tế, cô ấy là một vị cứu tinh đối với những cô công nhân nhà máy thô kệch, ít học xung quanh, và dần dần họ coi cô ấy như một thiên thần cứu giúp và lòng thương xót, luôn sẵn sàng trong những lúc gặp khó khăn hay bệnh tật. Thường sau một ngày làm việc vất vả hầu như không có phút nghỉ ngơi, cô thức suốt nửa đêm để đến lượt chăm sóc những người bệnh khốn khổ thường xuyên có mặt trong những điều kiện sinh sống nguy hiểm cho sức khỏe và hạnh phúc như ở một khu ổ chuột London; và trong nhiều trường hợp, lòng biết ơn và tình cảm mà lòng nhân hậu không mệt mỏi của cô đã gợi lên trong họ thực sự là những cảm xúc cao cả duy nhất mà họ từng có trong suốt cuộc sống thô lậu và tồi tàn của mình. [41]

The conditions of existence in that court being such as they were, there is little wonder that some of her patients died, and then it became clear that she had done for them much more than she knew; she had given them not only a little kindly assistance in their temporal trouble, but a very important impulse on the course of spiritual evolution. For these were undeveloped souls — entities of a very backward class — who had never yet in any of their births set in motion the spiritual forces

Với các điều kiện sống trong hẻm đó, không có gì ngạc nhiên khi một số bệnh nhân của cô qua đời, và lúc này, điều rõ ràng là cô đã làm được nhiều hơn cho họ so với những gì cô biết; cô không chỉ mang đến cho họ một chút trợ giúp nhân từ trong cơn khốn khó tạm thời, mà còn là một xung lực quan trọng trên con đường tiến hóa tinh thần. Vì đây là những linh hồn chưa phát triển — các thực thể thuộc lớp rất lạc hậu — những người chưa bao giờ trong bất kỳ kiếp sống nào của họ kích hoạt các lực

which alone could give them conscious existence on the mental plane; but now for the first time not only had an ideal towards which they could strive been put before them, but also really unselfish love had been evoked in them by her action, and the very fact of having so strong a feeling as this had raised them and given them more individuality, and so after their stay in the astral plane was ended they gained their first experience of the lowest subdivision of the heaven-world. A short experience, probably, and of by no means an advanced type, but still of far greater importance than appears at first sight; for when once the great spiritual energy of unselfishness has been awakened, the very working-out of its results in the heaven-world gives it the tendency to repeat itself, and small in amount though this first outpouring may be, it yet builds into the soul a faint tinge of a quality which will certainly express itself again in the next life.

tinh thần vốn là điều duy nhất có thể cho họ sự tồn tại có ý thức trên cõi trí; nhưng giờ đây lần đầu tiên không chỉ có một lý tưởng để họ có thể hướng tới được đặt ra trước mặt họ, mà tình yêu thực sự vô vị lợi cũng đã được khơi dậy trong họ qua hành động của cô, và chính sự việc có một cảm xúc mạnh mẽ như vậy đã nâng họ lên và cho họ thêm cá tính, và vì thế, sau khi kết thúc thời gian của họ trên cõi cảm dục, họ có được trải nghiệm đầu tiên của mình ở phân khu thấp nhất của thế giới thiên đường. Có thể là một trải nghiệm ngắn ngủi, và không hẳn là thuộc loại cao, nhưng vẫn có tầm quan trọng lớn hơn so với cái nhìn ban đầu; vì một khi năng lượng tinh thần vĩ đại của tính vô vị lợi đã được đánh thức, chính sự thể hiện của nó trong thế giới thiên đường sẽ tạo cho nó xu hướng lặp lại, và dù lượng tình thương đầu tiên này có nhỏ bé đến đâu, nó vẫn xây dựng vào linh hồn một sắc thái mờ nhạt của phẩm chất sẽ chắc chắn tự biểu hiện lại trong kiếp sống sau.

So the gentle benevolence of a poor seamstress has given to several less developed souls their introduction to a conscious spiritual life which incarnation after incarnation will grow steadily stronger, and react more and more upon the earth-lives of the future. This little incident perhaps suggests an explanation of the fact that in the various religions so much importance is attached to the personal element in charity — the direct association between donor and recipient. [42]

Vì vậy, lòng nhân từ dịu dàng của một cô thợ may nghèo đã trao cho nhiều linh hồn kém phát triển hơn sự giới thiệu vào cuộc sống tinh thần có ý thức mà từ kiếp sống này sang kiếp khác sẽ ngày càng mạnh mẽ hơn, và ảnh hưởng ngày càng nhiều đến các kiếp sống trần thế trong tương lai. Sự kiện nhỏ này có lẽ gợi ra một sự giải thích về thực tế rằng trong các tôn giáo khác nhau, yếu tố cá nhân trong lòng từ thiện — mối liên hệ trực tiếp giữa người cho và người nhận — lại được coi trọng đến như vậy. [42]

## Cánh Thứ Bảy; Cánh Thấp Nhất Của Cõi Thiên Đàng

This lowest subdivision of the heaven-world, to which the action of our poor seamstress raised the objects of her kindly care, has for its principal characteristic that of affection for family or friends — unselfish, of course, but

Phân khu thấp nhất của thế giới thiên đường, nơi mà hành động của cô thợ may nghèo đã đưa những đối tượng mà cô chăm sóc đầy lòng nhân ái của mình lên, có đặc điểm chính là tình thương đối với gia đình hoặc bạn bè — tất

usually somewhat narrow. Here, however, we must guard ourselves against the possibility of misconception. When it is said that family affection takes a man to the seventh celestial sub-plane, and religious devotion to the sixth, people sometimes very naturally imagine that a person having both these characteristics strongly developed in him would divide his period in the heaven-world between these two subdivisions, first spending a long period of happiness in the midst of his family, and then passing upward to the next level, there to exhaust the spiritual forces engendered by his devotional aspirations.

nhiên là vô vị lợi, nhưng thường có phần hạn hẹp. Tuy nhiên, ở đây, chúng ta phải tự bảo vệ mình khỏi khả năng hiểu lầm. Khi nói rằng tình thương gia đình đưa một người lên cõi phụ thứ bảy của thiên giới, và lòng sùng kính tôn giáo đưa họ lên cõi phụ thứ sáu, đôi khi người ta rất tự nhiên hình dung rằng một người có cả hai phẩm chất này phát triển mạnh mẽ sẽ chia thời gian của mình trong thế giới thiên đường giữa hai phân khu này, đầu tiên trải qua một thời gian dài hạnh phúc giữa gia đình, rồi sau đó tiến lên cấp độ kế tiếp, ở đó để tiêu tan các mãnh lực tinh thần do khát vọng sùng kính của mình tạo ra.

This, however, is not what happens, for in such a case as we have supposed the man would awaken to consciousness in the sixth subdivision, where he would find himself engaged, together with those whom he had loved so much in the highest form of devotion which he was able to realize. And when we think of it this is reasonable enough, for the man who is capable of religious devotion as well as mere family affection is naturally likely to be endowed with a higher and broader development of the latter virtue than one whose mind is susceptible to influence in one direction only. The same rule holds good all the way up; the higher plane may always include the qualities of the lower as well as those peculiar to itself, and when it does so its inhabitants almost invariably have these qualities in fuller measure than the souls on a lower plane.

Tuy nhiên, điều này không phải là điều xảy ra, vì trong một trường hợp như chúng ta đã giả định, người đó sẽ thức tỉnh với tâm thức ở cõi phụ thứ sáu, nơi y sẽ thấy mình gắn bó cùng những người mà y đã yêu quý đến mức cao nhất của lòng sùng kính mà y có thể đạt tới. Và khi chúng ta suy xét kỹ, điều này đủ hợp lý, vì người có khả năng sùng kính tôn giáo cũng như chỉ có tình thương gia đình đơn thuần tự nhiên sẽ có sự phát triển cao hơn và rộng hơn của đức hạnh sau này so với người mà tâm trí chỉ chịu ảnh hưởng theo một chiều hướng duy nhất. Quy luật này có giá trị trên toàn bộ các cấp; cõi cao hơn có thể bao hàm các phẩm chất của cõi thấp cũng như những phẩm chất riêng biệt của chính nó, và khi điều đó xảy ra, cư dân của nó hầu như luôn có những phẩm chất này ở mức độ tràn đầy hơn so với các linh hồn ở cõi thấp hơn.

When it is said that family affection is the characteristic [43] of the seventh sub-plane, it must not therefore be supposed for a moment that love is confined to this plane, but rather that the man who will find himself here after death is one in whose character this affection was the highest quality— the only one, in fact, which entitled him to the heaven-

Vì vậy, khi nói rằng tình thương gia đình là đặc điểm của cõi phụ thứ bảy, không nên cho rằng tình thương bị giới hạn trong cõi này, mà đúng hơn là người sẽ thấy mình ở đây sau khi chết là người mà trong tính cách của y, tình thương này là phẩm chất cao nhất — thực tế, là phẩm chất duy nhất giúp y xứng đáng được hưởng cuộc sống thiên đường. Nhưng tình thương ở

life at all. But love of a far nobler and grander type than anything to be seen on this level may of course be found upon the higher sub-planes.

một cấp độ cao quý và lớn lao hơn bất cứ điều gì có thể thấy ở cấp độ này tất nhiên có thể được tìm thấy ở các cõi phụ cao hơn.

One of the first entities encountered by the investigators upon this sub-plane forms a very fair typical example of its inhabitants. The man during life had been a small grocer — not a person of intellectual development or of any particular religious feeling, but simply the ordinary honest and respectable small tradesman. No doubt he had gone to church regularly every Sunday, because it was the customary and proper thing to do; but religion had been to him a sort of dim cloud which he did not really understand, which had no connection with the business of everyday life, and was never taken into account in deciding its problems. He had therefore none of the depth of devotion which might have lifted him to the next sub-plane; but he had for his wife and family a warm affection in which there was a large element of unselfishness. They were constantly in his mind, and it was for them far more than for himself that he worked from morning to night in his tiny little shop ; and so when, after a period of existence on the astral plane, he had at last shaken himself free from the disintegrating desire-body, he found himself in this lowest subdivision of the heaven-world with all his loved ones gathered round him.

Một trong những thực thể đầu tiên mà các nhà điều tra gặp trên cõi phụ này là một ví dụ điển hình khá công bằng về các cư dân của nó. Người đàn ông này khi còn sống là một người bán tạp hóa nhỏ — không phải là người có phát triển trí thức hay có bất kỳ cảm xúc tôn giáo đặc biệt nào, mà chỉ đơn thuần là một người buôn bán nhỏ lương thiện và đáng kính. Chắc chắn rằng y đã đi nhà thờ đều đặn mỗi Chủ nhật, vì đó là việc thông thường và hợp lẽ phải; nhưng tôn giáo đối với y chỉ là một dạng đám mây mờ mà y không thực sự hiểu, không có mối liên hệ gì với công việc đời sống hàng ngày và không bao giờ được xem xét trong việc giải quyết các vấn đề của nó. Do đó, y không có chiều sâu sùng kính có thể đã nâng y lên cõi phụ kế tiếp; nhưng y có một tình thương nồng ấm đối với vợ và gia đình, trong đó có một yếu tố lớn của sự vô vị lợi. Họ luôn ở trong tâm trí của y, và chính vì họ hơn là vì bản thân mà y làm việc từ sáng đến tối trong cửa hàng nhỏ bé của mình; vì thế, sau khi trải qua một thời gian tồn tại trên cõi cảm dục và cuối cùng thoát khỏi thể dục vọng tan rã, y thấy mình ở phân khu thấp nhất của thế giới thiên đường, với tất cả những người thân yêu vây quanh.

He was no more an intellectual or highly spiritual man than he had been on earth, for death brings .with it no sudden development of that kind; the surroundings in which he found himself with his family were not of a very refined [44] type, for they represented only his own highest ideals of non-physical enjoyment during life ; but nevertheless he was as intensely happy as he was capable of being, and since he was all the time thinking

Y không phải là một người có trí thức hay tinh thần cao thượng hơn khi còn trên trái đất, vì cái chết không mang lại sự phát triển đột ngột theo hướng đó; môi trường mà y thấy mình cùng với gia đình không phải là loại tinh tế cao, vì chúng chỉ đại diện cho những lý tưởng cao nhất của y về sự tận hưởng phi vật lý trong đời sống; nhưng dẫu vậy, y hạnh phúc mãnh liệt đến mức khả năng của y cho phép, và vì y luôn nghĩ về gia đình nhiều hơn về bản thân, y chắc

of his family rather than of himself he was undoubtedly developing unselfish characteristics, which would be built into his soul as permanent qualities, and so would reappear in all his future lives on earth.

chắn đang phát triển các đặc tính vô vị lợi, sẽ được xây dựng vào linh hồn của y như những phẩm chất vĩnh viễn và sẽ xuất hiện trở lại trong mọi kiếp sống tương lai trên trái đất.

Another typical case was that of a man who had died while his only daughter was still young; here in the heaven-world he had her always with him and always at her best, and he was continually occupying himself in weaving all sorts of beautiful pictures of her future. Yet another was that of a young girl who was always absorbed in contemplating the manifold perfections of her father, and planning little surprises and fresh pleasures for him. Another was a Greek woman who was spending a marvellously happy time with her three children — one of them a beautiful boy, whom she delighted in imagining as the victor in the Olympic games.

Một trường hợp điển hình khác là một người đàn ông đã qua đời khi con gái duy nhất của y vẫn còn nhỏ; ở thế giới thiên đường này, y luôn có cô bé ở bên mình trong trạng thái tốt nhất của cô, và y liên tục bận rộn với việc vẽ nên đủ loại hình ảnh tươi đẹp về tương lai của cô. Một trường hợp khác là một cô gái trẻ luôn đắm mình trong việc chiêm ngưỡng những phẩm chất đa dạng của cha cô và lập kế hoạch cho những điều bất ngờ nhỏ và niềm vui mới dành cho ông. Một trường hợp khác nữa là một phụ nữ Hy Lạp, người đã trải qua thời gian hạnh phúc tuyệt vời với ba đứa con — một trong số đó là một cậu bé đẹp trai, mà cô thích thú hình dung là người chiến thắng trong các kỳ thi Olympic.

A striking characteristic of this sub-plane for the last few centuries has been the very large number of Romans, Carthaginians, and Englishmen to be found there — this being due to the fact that among men of these nations the principal unselfish activity found its outlet through family affection, while comparatively few Hindus and Buddhists are here, since in their case real religious feeling usually enters more immediately into their daily lives, and consequently takes them to a higher level.

Một đặc điểm nổi bật của cõi phụ này trong vài thế kỷ qua là sự hiện diện của số lượng rất lớn người La Mã, Carthage, và người Anh — điều này là do ở những người thuộc các quốc gia này, hoạt động vô vị lợi chính được thể hiện thông qua tình thương gia đình, trong khi so sánh thì số lượng người Ấn Độ giáo và Phật tử ở đây ít hơn, vì đối với họ, cảm giác tôn giáo chân thật thường đi vào cuộc sống hàng ngày một cách trực tiếp hơn, và do đó đưa họ lên một cấp độ cao hơn.

There was, of course, an almost infinite variety among the cases observed, their different degrees of advancement being distinguishable by varying degrees of luminosity, while differences of colour indicated respectively the qualities which the persons in question had developed. Some were lovers who had died in the full strength of

Tất nhiên, trong các trường hợp được quan sát, có một sự đa dạng gần như vô hạn, với các cấp độ phát triển khác nhau được phân biệt bởi các mức độ sáng chói khác nhau, trong khi các khác biệt về màu sắc chỉ ra các phẩm tính mà các cá nhân đó đã phát triển. Một số người là những người yêu đã chết trong sức mạnh tràn đầy của tình cảm, và như vậy luôn luôn bị chi

their affection, [45] and so were always occupied with the one person they loved to the entire exclusion of all others; others there were who had been almost savages, one example being a Malay, a very undeveloped man (at the stage which we should technically describe as that of a low third-class pitri) who obtained a slight experience of the heaven-life in connection with a daughter whom he had loved.

phối bởi một người duy nhất mà họ yêu thương, hoàn toàn loại trừ tất cả những người khác; cũng có những người gần như là những người hoang dã, một ví dụ là một người Mã Lai, một người còn rất kém phát triển (ở giai đoạn mà chúng ta sẽ mô tả một cách kỹ thuật là loại pitri hạng ba thấp) người đã đạt được một chút kinh nghiệm về đời sống thiên đàng trong sự kết nối với con gái mà ông đã yêu thương.

In all these cases it was the touch of unselfish affection which gave them their heaven; indeed, apart from that, there was nothing in the activity of their personal lives which could have expressed itself on that plane. In most instances observed on this level the images of the loved ones are very far from perfect, and consequently the true egos or souls of the friends who are loved can express themselves but poorly through them ; though even at the worst that expression is much fuller and more satisfying than it ever was in physical life. In earth-life we see our friends so partially; we know only those parts of them which are congenial to us, and the other sides of their characters are practically non-existent for us. Our communion with them and our knowledge of them down here mean very much to us, and are often to us among the greatest things in life; yet in reality this communion and this knowledge must always be exceedingly defective, for even in the very rare cases where we can think that we know a man thoroughly and all through, body and soul, it is still only the part of him which is in manifestation on these lower planes while in incarnation that we can know, and there is far more behind in the real ego which we cannot reach at all. Indeed, if it were possible for us, with the direct and perfect vision of the mental plane, to see for the first time the whole of our friend when we met him after death, the probability is that he would be quite

Trong tất cả những trường hợp này, chính sự tiếp xúc của tình cảm vị tha đã đem lại cho họ thiên đàng của mình; thực vậy, ngoài điều đó ra, không có điều gì trong hoạt động của cuộc sống cá nhân của họ có thể biểu hiện trên cõi đó. Trong hầu hết các trường hợp được quan sát trên cấp độ này, hình ảnh của những người yêu thương rất xa mới được hoàn hảo, do đó chân ngã hay linh hồn đích thực của những người bạn được yêu thương chỉ có thể biểu hiện một cách yếu ớt qua những hình ảnh đó; mặc dù ngay cả ở mức thấp nhất, sự biểu hiện đó cũng phong phú và thỏa mãn hơn nhiều so với lúc ở đời sống vật lý. Trong đời sống trần gian, chúng ta thấy bạn bè của mình một cách rất phiến diện; chúng ta chỉ biết đến những phần của họ phù hợp với chúng ta, còn những mặt khác trong tính cách của họ gần như không tồn tại đối với chúng ta. Sự giao tiếp và sự hiểu biết về họ ở đây có ý nghĩa rất lớn đối với chúng ta và thường là một trong những điều quan trọng nhất trong đời sống; tuy nhiên, thực tế thì sự giao tiếp và sự hiểu biết này luôn luôn phải rất thiếu sót, vì ngay cả trong những trường hợp cực kỳ hiếm hoi mà chúng ta nghĩ rằng mình biết một người thấu đáo từ trong ra ngoài, cả thân thể lẫn linh hồn, thì chúng ta vẫn chỉ biết phần của người đó đang biểu hiện trên những cõi thấp hơn khi nhập thể, và có rất nhiều điều ẩn sâu bên trong chân ngã thực sự mà chúng ta không thể chạm tới. Thật vậy, nếu có thể cho chúng ta, với cái nhìn trực tiếp và hoàn hảo của cõi trí, lần đầu

unrecognizable ; certainly he would not be at all the dear one whom we thought we had known before. [46]

tiên thấy toàn bộ người bạn của mình khi gặp anh ta sau khi chết, khả năng cao là anh ta sẽ hoàn toàn không thể nhận ra; chắc chắn anh ta sẽ không phải là người thân yêu mà chúng ta tưởng rằng mình đã biết trước đó.

It must be understood that the keen affection which alone brings one man into the heaven-life of another is a very powerful force upon these higher planes — a force which reaches up to the soul of the man who is loved, and evokes a response from it. Naturally the vividness of that response, the amount of life and energy in it, depends on the development of the soul of the loved one, but there is no case in which the response is not a perfectly real one as far as it goes.

Cần hiểu rằng, tình cảm sâu sắc, là yếu tố duy nhất mang một người vào đời sống thiên đàng của một người khác, là một mãnh lực rất mạnh mẽ trên những cõi cao này — một mãnh lực vươn đến linh hồn của người được yêu và khơi dậy một sự đáp ứng từ linh hồn đó. Tất nhiên, sự sống động của phản ứng đó, mức độ sinh lực và năng lượng trong nó, phụ thuộc vào mức độ phát triển của linh hồn người được yêu, nhưng không có trường hợp nào mà sự đáp ứng lại không hoàn toàn thực tế trong chừng mực khả năng của nó.

Of course the soul or ego can be fully reached only upon his own level — one of the arûpa subdivisions of this mental plane — but at least we are very much nearer to that in any stage of the heaven-world than we are here, and therefore under favourable conditions we could there know enormously more of our friend than would ever be possible here, while even under the most unfavourable of conditions we are at any rate far closer to the reality there than we have ever been before.

Dĩ nhiên, linh hồn hay chân ngã chỉ có thể được chạm đến trọn vẹn khi ở trên chính cõi của mình — một trong các phân tầng arûpa của cõi trí này — nhưng ít nhất, chúng ta ở rất gần điều đó hơn nhiều ở bất kỳ giai đoạn nào của thế giới thiên đàng so với khi còn ở đây, và vì vậy, trong điều kiện thuận lợi, chúng ta có thể biết nhiều về bạn bè của mình hơn bao giờ hết so với khả năng có thể ở trần gian, trong khi ngay cả trong những điều kiện kém thuận lợi nhất, chúng ta dù sao cũng gần với thực tại hơn so với trước đây.

Two factors have to be taken into account in our consideration of this subject — the degree of development of each of the persons concerned. If the man in the heaven-life has strong affection and some development in spirituality he will form a clear and fairly perfect thought-image of his friend as he knew him — an image through which at that level the soul of the friend could express himself to a very considerable extent. But in order to take full advantage of that opportunity it is necessary that that soul

Có hai yếu tố cần xem xét trong chủ đề này — mức độ phát triển của mỗi người liên quan. Nếu người đang sống trong thiên đàng có tình cảm sâu sắc và một mức phát triển nhất định về tinh thần, anh ta sẽ hình thành một hình ảnh tư tưởng rõ ràng và tương đối hoàn hảo về người bạn như anh ta từng biết — một hình ảnh mà trên cấp độ đó, linh hồn của người bạn có thể biểu hiện khá nhiều. Nhưng để tận dụng hoàn toàn cơ hội đó, cần thiết phải có sự tiến hóa ở mức độ khá cao từ chính linh hồn đó.

should himself be very fairly advanced in evolution.

We see, therefore, that there are two reasons for which the manifestation may be imperfect. The image made by the dead man may be so vague and inefficient that the friend, even though well-evolved, may be able to make very little use of it; and on the other hand, even when a good image is made, there may not be sufficient development [47] on the friend's part to enable him to take due advantage of it.

But in any and every case the soul of the friend is reached by the feeling of affection, and whatever may be its stage of development it at once responds by pouring itself forth into the image which has been made. The extent to which the true man can express himself through it depends on the two factors above mentioned — the kind of image which is made in the first place, and how much soul there is to express in the second; but even the feeblest image that can be made is at any rate on the mental plane, and, therefore, far easier for the ego to reach than is a physical body two-whole planes lower down.

If the friend who is loved is still alive he will of course be entirely unaware down here on the physical plane that his true self is enjoying this additional manifestation, but this in no way affects the fact that that manifestation is a more real one and contains a nearer approximation to his true self than this lower one, which is all that most of us can as yet see.

An interesting point is that since a man may well enter into the heaven-life of several of his departed friends at once, he may thus be simultaneously manifesting himself in all these various forms, as well as, perhaps, managing a physical body down here. That

Do đó, chúng ta thấy rằng có hai lý do khiến sự biểu hiện có thể không hoàn hảo. Hình ảnh do người đã qua đời tạo ra có thể mờ nhạt và không hiệu quả đến mức người bạn, ngay cả khi đã tiến hóa tốt, cũng có thể không tận dụng được nhiều từ đó; và mặt khác, ngay cả khi một hình ảnh tốt được tạo ra, có thể không có đủ mức độ phát triển ở phía người bạn để có thể tận dụng đúng mức.

Nhưng trong mọi trường hợp, linh hồn của người bạn được chạm đến bởi tình cảm yêu thương, và dù cho linh hồn ấy đang ở giai đoạn phát triển nào, nó ngay lập tức đáp ứng bằng cách dồn đổ chính mình vào hình ảnh đã được tạo ra. Mức độ mà con người chân thật có thể biểu hiện qua đó phụ thuộc vào hai yếu tố đã đề cập ở trên — loại hình ảnh được tạo ra ban đầu, và mức độ linh hồn cần biểu hiện ở yếu tố thứ hai; nhưng ngay cả hình ảnh yếu ớt nhất có thể tạo ra cũng vẫn nằm trên cõi trí, do đó dễ dàng hơn nhiều để chân ngã tiếp cận so với một thể xác nằm ở hai cõi thấp hơn.

Nếu người bạn được yêu thương vẫn còn sống, tất nhiên họ sẽ hoàn toàn không ý thức được trên cõi trần rằng chân ngã của họ đang trải nghiệm một sự biểu hiện bổ sung này, nhưng điều này không ảnh hưởng gì đến thực tế rằng sự biểu hiện đó chân thật hơn và gần gũi hơn với chân ngã của họ so với sự biểu hiện thấp hơn mà hầu hết chúng ta còn có thể thấy.

Một điểm thú vị là, vì một người có thể bước vào đời sống thiên đàng của nhiều người bạn đã qua đời cùng lúc, nên người đó có thể đồng thời biểu hiện chính mình qua tất cả những hình ảnh khác nhau này, cũng như, có thể đang quản lý một thể xác trên cõi trần. Tuy

conception, however, presents no difficulty to anyone who understands the relation of the different planes to one another; it is just as easy for him to manifest himself in several of these celestial images at once, as it is for us to be simultaneously conscious of the pressure of several different articles against different parts of our body. The relation of one plane to another is like that of one dimension to another ; no number of units of the lower dimension can ever equal one of the higher, and in just the same way no number of these manifestations could exhaust [48] the power of response in the ego above. On the contrary, such manifestations afford him an appreciable additional opportunity for development on the mental plane — an opportunity which is the direct result and reward under the operation of the law of divine justice of the actions or qualities which evoked such an outpouring of affection.

nhiên, khái niệm này không gây khó khăn cho ai hiểu được mối quan hệ giữa các cõi; đối với người đó, biểu hiện bản thân qua nhiều hình ảnh thiên đường này cùng lúc dễ dàng như việc chúng ta nhận thức đồng thời áp lực của nhiều vật thể khác nhau trên các phần khác nhau của cơ thể mình. Mối quan hệ giữa các cõi với nhau giống như giữa một chiều kích với một chiều kích khác; không số lượng nào của chiều kích thấp hơn có thể bằng một của chiều kích cao hơn, và cũng như vậy, không số lượng nào của các biểu hiện này có thể làm cạn kiệt khả năng đáp ứng của chân ngã ở trên. Ngược lại, những biểu hiện như vậy mang lại cho chân ngã một cơ hội phát triển bổ sung đáng kể trên cõi trí — một cơ hội là kết quả và phần thưởng trực tiếp dưới sự vận hành của định luật công lý thiêng liêng từ những hành động hay phẩm chất đã khơi gợi sự dồn đổ yêu thương đó.

It is clear from all this that as the man evolves, his opportunities in all directions become greater. Not only is he more likely as he advances to attract the love and reverence of many, and so to have many strong thought-images at his disposal on the mental plane; but also his power of manifestation through each of these and his receptivity in it rapidly increase with his progress.

Rõ ràng từ tất cả những điều này rằng khi con người tiến hóa, các cơ hội của anh ta theo mọi hướng đều trở nên lớn hơn. Không chỉ khi anh ta tiến bộ, anh ta có xu hướng thu hút tình yêu và sự tôn kính của nhiều người, từ đó có nhiều hình ảnh tư tưởng mạnh mẽ để sử dụng trên cõi trí; mà khả năng biểu hiện qua từng hình ảnh đó và khả năng cảm nhận của anh ta trong chúng cũng nhanh chóng tăng lên cùng với sự tiến bộ của anh ta.

This was very well illustrated by a simple case which recently came under the notice of our investigators. It was that of a mother who had died perhaps twenty years ago, leaving behind her two boys to whom she was deeply attached. Naturally they were the most prominent figures in her heaven, and quite naturally, too, she thought of them as she had left them, as boys of fifteen or sixteen years of age. The love which she thus ceaselessly poured out upon these mental images was

Điều này được minh họa rất rõ ràng qua một trường hợp đơn giản mà các nhà điều tra của chúng tôi gần đây đã nhận thấy. Đó là một người mẹ đã qua đời có lẽ hai mươi năm trước, để lại hai cậu con trai mà bà rất gắn bó. Tự nhiên, họ là những hình tượng nổi bật nhất trong cõi thiên đàng của bà, và cũng hoàn toàn tự nhiên, bà vẫn nghĩ đến họ như khi bà để lại, như những chàng trai ở tuổi mười lăm hay mười sáu. Tình yêu mà bà không ngừng đổ xuống những hình ảnh tâm trí này thực sự

really acting as a beneficent force showered down upon the grown-up men in this physical world, but it did not affect them both to the same extent— not that her love was stronger for one than the other, but because there was a great difference, in the vitality of the images themselves. Not a difference, be it understood, that the mother could see; to her both appeared equally with her and equally all that she could possibly desire: yet to the eyes of the investigators it was very evident that one of these images was very much more instinct with living force than the other. On tracing this very interesting phenomenon to its source, it was found that in one case the son had grown [49] up into an ordinary man of business — not specially evil in any way, but by no means spiritually-minded — while the other had become a man of high unselfish aspiration, and of considerable refinement and culture. His life had been such as to develop a much greater amount of consciousness in the soul than his brother's, and consequently this higher self was able to vitalize much more fully that image of his youthful days which his mother had formed in her heaven-life. There was more soul to put in, and so the image was vivid and living.

đang tác động như một mãnh lực từ bi rơi xuống những người đàn ông đã trưởng thành trong thế giới vật lý, nhưng không ảnh hưởng đến cả hai như nhau — không phải vì tình yêu của bà dành cho một người mạnh hơn người kia, mà bởi vì có sự khác biệt lớn trong sức sống của chính các hình ảnh. Sự khác biệt này không phải là điều mà người mẹ có thể thấy; với bà, cả hai đều hiện diện bên bà và hoàn toàn như bà mong muốn; tuy nhiên, qua mắt của các nhà điều tra, rõ ràng là một trong hai hình ảnh đó dường như đầy sức sống hơn nhiều so với hình ảnh còn lại. Khi lần theo nguồn gốc của hiện tượng thú vị này, người ta thấy rằng một trong hai người con đã trưởng thành thành một người đàn ông kinh doanh bình thường — không đặc biệt xấu xa, nhưng cũng không phải là người có tâm linh — trong khi người kia đã trở thành một người có hoài bão vị tha cao cả, và khá tinh tế và văn minh. Cuộc sống của anh đã phát triển một mức độ tâm thức lớn hơn nhiều trong linh hồn so với người anh của mình, và do đó, chân ngã cao cả của anh có thể tiếp sinh lực mạnh mẽ hơn cho hình ảnh thời trẻ của mình mà mẹ anh đã hình thành trong đời sống thiên đàng của bà. Có nhiều linh hồn để biểu hiện hơn, và vì vậy hình ảnh đó sống động và tràn đầy sức sống.

Further research revealed numbers of similar instances, and it was very clearly seen that the more highly a soul is evolved in spirituality, the more fully he can express himself in such manifestations as his friends' love has provided for him. And by such fuller expression he is also enabled to derive more and more benefit from the living force of that love as it pours itself upon him through these thought-images. As the soul grows these images become fuller expressions of him, till when he gains the level of a Master he consciously employs them as a means of helping and instructing his pupils.

Nghiên cứu thêm đã tiết lộ nhiều trường hợp tương tự, và rõ ràng thấy rằng linh hồn càng tiến hóa cao về tinh thần thì càng có thể biểu hiện trọn vẹn hơn trong những hình ảnh mà tình yêu của bạn bè đã tạo ra cho họ. Và nhờ biểu hiện đầy đủ hơn như vậy, linh hồn đó cũng có thể thụ hưởng ngày càng nhiều lợi ích từ sức sống của tình yêu đó khi nó đổ xuống họ qua các hình ảnh tư tưởng này. Khi linh hồn phát triển, các hình ảnh này trở thành những biểu hiện đầy đủ hơn của chính linh hồn, cho đến khi linh hồn đạt đến trình độ của một Chân sư, người có thể sử dụng chúng một cách ý thức như là một phương tiện giúp đỡ và hướng dẫn các đệ tử của mình.

Along these lines only is conscious communication possible between those still imprisoned in the physical body and those who have passed into this celestial realm. As has been said, a soul may be shining out gloriously through his image in a friend's heaven-life, and yet in his manifestation through the physical body on this plane that soul may be entirely unconscious of all this, and so may suppose himself unable to communicate with his departed friend. But if that soul has evolved his consciousness to the point of unification, and can therefore use his full powers while still in the physical body, he can then realize, even during this dull earthly life, that he still stands face to face with his friend as of yore — that death has not removed the man he [50] loved, but has only opened his eyes to the grander, wider life which ever lies around us all.

Chỉ trên những phương diện như thế, giao tiếp có ý thức mới có thể xảy ra giữa những người vẫn còn bị giam cầm trong thể xác và những người đã bước vào cõi thiên đàng này. Như đã nói, một linh hồn có thể tỏa sáng rực rỡ qua hình ảnh của mình trong đời sống thiên đàng của một người bạn, nhưng trong sự biểu hiện qua thể xác ở cõi trần này, linh hồn đó có thể hoàn toàn không ý thức về tất cả điều này, và có thể nghĩ rằng mình không thể giao tiếp với người bạn đã qua đời. Nhưng nếu linh hồn đó đã phát triển tâm thức đến mức hợp nhất, và do đó có thể sử dụng toàn bộ năng lực của mình trong khi vẫn ở trong thể xác, thì người đó có thể nhận ra, ngay cả trong đời sống trần tục mờ đục này, rằng họ vẫn đối mặt với người bạn của mình như xưa — rằng cái chết không lấy đi người mà họ yêu thương, mà chỉ mở mắt anh ta đến một cuộc sống rộng lớn, tráng lệ hơn vẫn luôn bao quanh tất cả chúng ta.

In appearance the friend would seem much as he did in earth-life, yet somehow strangely glorified. In the mind-body as in the astral body there is a reproduction of the physical form within the outer ovoid whose shape is determined by that of the causal body, so that it has somewhat the appearance of a form of denser mist surrounded by a lighter mist. All through the heaven-life the personality of the last physical life is distinctly preserved, and it is only when the consciousness is finally withdrawn into the causal body that this feeling of personality is merged in the individuality, and the man for the first time since this descent into incarnation realizes himself as the true and comparatively permanent ego.

Về vẻ ngoài, người bạn có vẻ giống như lúc sống trên trần gian, nhưng dường như có một sự vinh quang kỳ lạ. Trong thể trí, cũng như trong thể cảm dục, có một sự tái tạo của hình dạng thể xác bên trong lớp hình bầu dục bên ngoài, với hình dáng được xác định bởi thể nguyên nhân, tạo nên một hình thức như sương mù đậm đặc được bao quanh bởi một lớp sương mỏng hơn. Suốt trong đời sống thiên đàng, phàm ngã của kiếp sống vật lý cuối cùng được duy trì rõ ràng, và chỉ khi tâm thức cuối cùng rút lui vào thể nguyên nhân thì cảm giác về phàm ngã này mới hợp nhất vào cá tính, và lần đầu tiên kể từ khi đi vào nhập thể, con người nhận ra bản thân là chân ngã chân thật và tương đối trường tồn.

Men sometimes ask whether on this mental plane there is any consciousness of time — any alternation of night and day, of sleeping and waking. The only waking in the heaven-world is the slow dawning of its wonderful

Đôi khi, người ta hỏi liệu trên cõi trí có tồn tại ý thức về thời gian — có sự luân phiên của ngày và đêm, của giấc ngủ và sự tỉnh thức hay không. Sự tỉnh thức duy nhất ở cõi thiên đàng là sự thức tỉnh chậm rãi của hạnh phúc tuyệt

bliss upon the mind-sense as the man enters upon his life on that plane, and the only sleeping is the equally gradual sinking into happy unconsciousness when the long term of that life at length comes to an end. It was once described to us in the beginning as a sort of prolongation of all the happiest hours in a man's life magnified a hundredfold in bliss; and though that definition leaves much to be desired (as indeed all physical-plane definitions must), it still comes far nearer the truth than this idea of day and night. There is, indeed, what seems an infinity of variety in the happiness of the heaven-world; but the changes of sleeping and waking form no part of its plan.

vời đối với giác quan trí tuệ khi người đó bước vào cuộc sống trên cõi này, và giấc ngủ duy nhất là sự chìm dần vào trạng thái vô thức hạnh phúc khi cuộc sống dài đó cuối cùng kết thúc. Có lần điều này được miêu tả với chúng tôi từ ban đầu như một dạng kéo dài của tất cả những giờ phút hạnh phúc nhất trong đời người, được phóng đại gấp trăm lần về sự hân hoan; mặc dù định nghĩa này vẫn còn thiếu sót (như mọi định nghĩa trên cõi trần đều phải vậy), nó vẫn gần với sự thật hơn so với ý niệm về ngày và đêm. Thực sự, có một sự đa dạng dường như vô tận trong hạnh phúc của cõi thiên đàng; nhưng sự thay đổi của giấc ngủ và tỉnh thức không nằm trong kế hoạch của nó.

On the final separation of the mind-body from the astral a period of blank unconsciousness usually supervenes — varying in length between very wide limits — analogous [51] to that which usually follows physical death. The awakening from this into active mental consciousness closely resembles what often occurs in waking from a night's sleep. Just as on first awakening in the morning one sometimes passes through a period of intensely delightful repose during which one is conscious of the sense of enjoyment, though the mind is as yet inactive and the body hardly under control so the entity awakening into the heaven-world first passes through a more or less prolonged period of intense and gradually increasing bliss before his full activity of consciousness on that plane is reached. When first this sense of wondrous joy dawns on him it fills the entire field of his consciousness, but gradually as he awakens he finds himself surrounded by a world peopled by his own ideals, and presenting the features appropriate to the sub-plane to which he has been drawn.

Khi thể trí cuối cùng tách rời khỏi thể cảm dục, thường sẽ xuất hiện một giai đoạn trống rỗng không có ý thức — kéo dài trong giới hạn rất rộng — tương tự với giai đoạn thường xuất hiện sau khi chết ở cõi trần. Sự tỉnh thức từ giai đoạn này vào tâm thức trí tuệ tích cực rất giống với những gì thường xảy ra khi tỉnh giấc sau một giấc ngủ đêm. Cũng như khi tỉnh dậy vào buổi sáng, đôi khi người ta trải qua một giai đoạn thư thái vô cùng thú vị trong đó có cảm giác khoái lạc, mặc dù trí óc chưa hoạt động và thân thể hầu như chưa thể kiểm soát, thì thực thể tỉnh thức vào cõi thiên đàng trước tiên đi qua một giai đoạn mãn nguyện mãnh liệt và tăng dần trước khi đạt được toàn bộ hoạt động của tâm thức trên cõi đó. Khi cảm giác niềm vui kỳ diệu này lần đầu tiên hé mở trong y, nó lấp đầy toàn bộ trường tâm thức của y, nhưng dần dần khi tỉnh thức, y nhận thấy mình được bao quanh bởi một thế giới được cấu thành bởi những lý tưởng của chính mình, và bày ra các đặc điểm thích hợp với cõi phụ mà y đã được dẫn đến.

The dominant characteristic of this subdivision may be said to be anthropomorphic religious devotion. The distinction between such devotion and the religious feeling which finds its expression on the second sub-plane of the astral lies in the fact that the former is purely-unselfish (the man who feels it being totally unconcerned as to what the result of his devotion may be as regards himself), while the latter is always aroused by the hope and desire of gaining some advantage through it; so that on the second astral sub-plane such religious feeling as is there active invariably contains an element of selfish bargaining, while the devotion which raises a man to this sixth sub-plane of the heaven-world is entirely free from any such taint.

Đặc tính nổi bật của phân cảnh này có thể được xem là sự sùng kính tôn giáo mang tính nhân hình. Sự khác biệt giữa loại sùng kính này và cảm xúc tôn giáo được thể hiện ở cõi phụ thứ hai của cõi cảm dục nằm ở chỗ loại thứ nhất là hoàn toàn vị tha (người cảm nhận nó không quan tâm đến kết quả của sự sùng kính đó đối với bản thân y), trong khi loại thứ hai luôn được khơi dậy bởi hy vọng và mong muốn đạt được một lợi ích nào đó từ nó; vì vậy, ở cõi phụ cảm dục thứ hai, cảm xúc tôn giáo hoạt động ở đó luôn chứa yếu tố của một sự mặc cả vị kỷ, trong khi sự sùng kính nâng con người lên cõi phụ thứ sáu của thế giới thiên đàng hoàn toàn không có bất kỳ sự vấy bẩn nào như vậy.

5On the other hand, this phase of devotion, which consists essentially in the perpetual adoration of a personal [52] deity, must be carefully distinguished from those still higher forms which find their expression in performing some definite work for the deity's sake. A few examples of the cases observed on this sub-plane will perhaps show these distinctions more clearly than any mere description can do.

Mặt khác, giai đoạn sùng kính này, về cơ bản bao gồm việc tôn thờ liên tục một Thượng đế nhân hình, phải được phân biệt cẩn thận với những hình thức cao hơn khác mà được thể hiện trong việc thực hiện một công việc cụ thể vì lợi ích của Thượng đế. Một vài ví dụ về các trường hợp được quan sát ở cõi phụ này có thể làm rõ những sự phân biệt này hơn bất kỳ mô tả đơn thuần nào.

A fairly large number of entities whose mental activities work themselves out on this level are drawn from the oriental religions; but only those are included who have the characteristic of pure but comparatively unreasoning and unintelligent devotion. Worshippers of Vishnu, both in his avatâr of Krishna and otherwise, as well as a few followers of Shiva, are to be found here, each wrapped up in the self-woven cocoon of his own thoughts, alone with his own god, and oblivious of the rest of mankind, except in so far as his affections may associate with him in

Số lượng thực thể có hoạt động tinh thần thể hiện ở mức độ này khá nhiều được thu hút từ các tôn giáo phương Đông; tuy nhiên, chỉ những ai có đặc tính của sự sùng kính thuần khiết nhưng tương đối không có lý trí và kém thông minh mới được bao gồm. Những người thờ Vishnu, dù là dưới dạng hóa thân của Krishna hay hình thức khác, cũng như một số ít người thờ Shiva, có thể được tìm thấy ở đây, mỗi người chìm đắm trong kén tự dệt từ những suy nghĩ của riêng mình, một mình với thần linh của mình, và không quan tâm đến phần còn lại của nhân loại, ngoại trừ trong

his adoration those whom he loved on earth. A Vaishnavite, for example, was noticed wholly absorbed in the ecstatic worship of the very same image of Vishnu to which he had made offerings during life.

chừng mực mà tình cảm của y gắn liền với những người mà y đã yêu quý trên trần gian trong sự tôn thờ của mình. Chẳng hạn, một tín đồ Vaishnavite đã được quan sát thấy hoàn toàn đắm chìm trong việc tôn thờ hình tượng Vishnu mà y đã từng dâng hiến trong đời.

Some of the most characteristic examples of this plane are to be found among women, who indeed form a very large majority of its inhabitants. Among others there was a Hindu woman who had glorified her husband into a divine being, and also thought of the child Krishna as playing with her own children, but while these latter were thoroughly human and real, the child Krishna was obviously nothing but the semblance of a blue wooden image galvanized into life. Krishna also appeared in her heaven under another form — that of an effeminate young man playing on a flute; but she was not in the least confused or troubled by this double manifestation. Another woman, who was a worshipper of Shiva, had confounded the god with her husband, looking upon the latter as a manifestation of the [53] former, so that the one seemed to be constantly changing into the other. Some Buddhists also are found upon this subdivision, but apparently exclusively those less instructed ones who regard the Buddha rather as an object of adoration than as a great teacher.

Một số ví dụ đặc trưng nhất của cõi phụ này có thể được tìm thấy ở phụ nữ, những người chiếm đa số cư dân của cõi phụ này. Chẳng hạn, có một phụ nữ Hindu đã tôn vinh chồng của mình thành một thực thể thần thánh, và cũng tưởng tượng rằng Krishna, đứa trẻ thần thánh, đang chơi đùa với con cái của bà, nhưng trong khi những đứa trẻ của bà là con người thực sự, thì Krishna chỉ là một hình ảnh gỗ màu xanh sống động. Krishna cũng xuất hiện trong thiên đàng của bà dưới hình thức khác — một chàng trai mềm mại đang chơi sáo; nhưng bà không hề bối rối hoặc khó chịu bởi sự biểu hiện kép này. Một phụ nữ khác, là tín đồ của Shiva, đã lầm lẫn thần linh với chồng của bà, nhìn nhận chồng bà như là một biểu hiện của vị thần, đến mức mà vị thần dường như liên tục biến thành chồng bà và ngược lại. Một số Phật tử cũng được tìm thấy trên cõi phụ này, nhưng dường như chỉ bao gồm những người kém học thức hơn, những người coi Đức Phật như là một đối tượng để tôn thờ hơn là một đại đạo sư.

The Christian religion also contributes many of the inhabitants of this plane. The un-intellectual devotion which is exemplified on the one hand by the illiterate Roman Catholic peasant, and on the other by the earnest and sincere "soldier" of the Salvation Army, seems to produce results very similar to those already described, for these people also are found wrapped up in contemplation of their ideas of Christ or his mother respectively. For instance, an Irish peasant was seen absorbed

Tôn giáo Cơ Đốc cũng đóng góp nhiều cư dân vào cõi phụ này. Sự sùng kính không trí thức được minh họa qua một mặt bởi người nông dân Công giáo La Mã ít học và mặt khác là một "chiến sĩ" thành thật và nhiệt thành của Đội quân Cứu thế, dường như tạo ra những kết quả rất tương đồng như đã được miêu tả, vì những người này cũng chìm đắm trong việc chiêm nghiệm về các hình ảnh của họ về Đức Christ hoặc mẹ của Ngài. Chẳng hạn, một nông dân Ireland được nhìn thấy chìm đắm trong sự tôn

in the deepest adoration of the Virgin Mary, whom he imaged as standing on the moon after the fashion of Titian's " Assumption," but holding out her hands and speaking to him. A mediaeval monk was found in ecstatic contemplation of Christ crucified, and the intensity of his yearning love and pity was such that as he watched the blood dropping from the wounds of the figure of his Christ the stigmata reproduced themselves upon his own mind-body.

kính sâu sắc đối với Đức Mẹ Maria, người mà ông hình dung đang đứng trên mặt trăng theo phong cách của "Lên Trời" của Titian, nhưng đưa tay ra và nói chuyện với ông. Một tu sĩ thời trung cổ đã được tìm thấy trong sự chiêm nghiệm xuất thần về Đức Christ bị đóng đinh, và sự yêu thương và lòng thương xót mãnh liệt của ông đã khiến cho khi ông nhìn thấy máu từ những vết thương của Đức Christ nhỏ xuống, những vết thương này cũng tái hiện trên thể trí của ông.

Another man seemed to have forgotten the sad story of the crucifixion, and thought of his Christ only as glorified on his throne, with the crystal sea before him, and all around a vast multitude of worshippers, among whom he himself stood with his wife and family. His affection for these relatives was very deep, yet his thoughts were more occupied in adoration of the Christ, though his conception of his deity was so material that he imaged him as constantly changing kaleidoscopically backwards and forwards between the form of a man and that of the lamb bearing the flag which we often see represented in church window.

Một người khác dường như đã quên câu chuyện buồn của việc đóng đinh, và chỉ nghĩ về Đức Christ của ông như đang ngự trên ngai vàng, với biển pha lê phía trước, và xung quanh là một đám đông lớn các tín đồ, trong đó ông đứng cùng với vợ và gia đình. Mặc dù tình yêu của ông dành cho người thân rất sâu đậm, nhưng suy nghĩ của ông vẫn tập trung nhiều hơn vào việc tôn thờ Đức Christ, mặc dù hình ảnh về thần linh của ông là một hình tượng vật chất đến mức ông hình dung Ngài liên tục thay đổi giữa hình thức của một người đàn ông và của một con chiên cầm cờ mà ta thường thấy trong cửa sổ nhà thờ.

A more interesting case was that of a Spanish nun who [54] had died at about the age of nineteen or twenty. In her heaven she carried herself back to the date of Christ's life upon earth, and imagined herself as accompanying him through the chain of events recounted in the gospels, and after his crucifixion taking care of his mother the Virgin Mary. Not unnaturally, perhaps, her pictures of the scenery and costumes of Palestine were entirely inaccurate, for the Saviour and his disciples wore the dress of Spanish peasants, while the hills round Jerusalem were mighty mountains clothed with vineyards, and the olive trees were hung with grey Spanish moss. She thought of herself as eventually martyred

Một trường hợp thú vị hơn là một nữ tu người Tây Ban Nha qua đời khi khoảng mười chín hoặc hai mươi tuổi. Trong thiên đàng của mình, bà quay trở lại thời kỳ mà Đức Christ sống trên thế gian, và hình dung bản thân đang đồng hành cùng Ngài qua chuỗi sự kiện được kể trong các sách Phúc Âm, và sau khi Ngài chịu đóng đinh, bà chăm sóc mẹ của Ngài, Đức Mẹ Maria. Có lẽ cũng không có gì ngạc nhiên khi những hình ảnh của bà về phong cảnh và trang phục ở Palestine hoàn toàn không chính xác, vì Đức Cứu Thế và các môn đệ của Ngài mặc trang phục của người nông dân Tây Ban Nha, trong khi các ngọn đồi quanh Jerusalem là những ngọn núi lớn phủ đầy vườn nho, và cây ô-liu thì treo đầy rêu Tây

for her faith, and ascending into heaven, but yet only to live over and over again this life in which she so delighted.

Ban Nha. Bà tưởng tượng mình cuối cùng đã tử đạo vì đức tin, và lên thiên đàng, nhưng chỉ để sống đi sống lại cuộc đời mà bà đã hằng yêu thích.

A quaint and pretty little example of the heaven-life of a child may conclude our list of instances from this sub-plane. He had died at the age of seven, and was occupied in re-enacting in the heaven-world the religious stories which his Irish nurse had told him down here; and best of all he loved to think of himself as playing with the infant Jesus, and helping him to make those clay sparrows which the power of the Christ-child is fabled to have brought to life and caused to fly.

Một ví dụ đẹp và ngộ nghĩnh về đời sống thiên đàng của một đứa trẻ có thể khép lại danh sách các trường hợp từ cõi phụ này. Cậu bé qua đời khi mới bảy tuổi, và trong thế giới thiên đàng, cậu đã tái hiện lại những câu chuyện tôn giáo mà người vú nuôi người Ireland đã kể cho cậu nghe; và điều cậu thích nhất là tưởng tượng mình đang chơi đùa với Chúa Hài Đồng và giúp Ngài làm những con chim sẻ bằng đất sét mà quyền năng của Chúa Hài Đồng đã ban sự sống và khiến chúng bay lên.

It will be seen that the blind unreasoning devotion of which we have been speaking does not at any time raise its votaries to any great spiritual heights; but it must be remembered that in all cases they are entirely happy and most fully satisfied, for what they receive is always the highest which they are capable of appreciating. Nor is it without a very good effect on their future career; for although no amount of mere devotion such as this will ever develop intellect, yet it does produce an increased capacity for a higher form of devotion, and in most cases it leads also to purity of life. A person, therefore, who lives such a life [55] and enjoys such a heaven as we have been describing, though he is not likely to make rapid progress on the path of spiritual development, is at least guarded from many dangers, for it is very improbable that in his next birth he should fall into any of the grosser sins, or be drawn away from his devotional aspirations into a mere worldly life of avarice, ambition, or dissipation. Nevertheless, a survey of this sub-plane distinctly emphasizes the necessity of following St Peter's advice, " Add to your faith virtue, and to virtue knowledge."

Có thể thấy rằng lòng sùng kính mù quáng và vô lý mà chúng ta đã bàn đến không bao giờ nâng cao tín đồ của mình lên những đỉnh cao tâm linh vĩ đại; nhưng cần nhớ rằng trong mọi trường hợp, họ đều hoàn toàn hạnh phúc và hoàn toàn thỏa mãn, vì những gì họ nhận được luôn là điều cao nhất mà họ có khả năng cảm nhận. Điều này cũng mang lại tác dụng tốt đẹp cho cuộc đời tương lai của họ; mặc dù không lượng lòng sùng kính nào như vậy sẽ phát triển được trí tuệ, nhưng nó tạo ra một khả năng lớn hơn cho một hình thức sùng kính cao hơn, và trong hầu hết các trường hợp, nó còn dẫn đến một đời sống thanh tịnh. Do đó, một người sống một đời sống như vậy và tận hưởng một thiên đàng như chúng ta đã miêu tả, mặc dù không có khả năng tiến bộ nhanh chóng trên con đường phát triển tâm linh, nhưng ít nhất y được bảo vệ khỏi nhiều nguy hiểm, vì rất khó có khả năng rằng trong lần tái sinh tiếp theo y sẽ rơi vào bất kỳ tội lỗi nào nghiêm trọng, hoặc bị lôi cuốn khỏi khát vọng sùng kính vào một cuộc sống thế tục đầy tham lam, tham vọng hoặc trụy lạc. Dù vậy, một cái nhìn tổng quan về cõi phụ này nhấn mạnh rõ ràng sự cần thiết phải tuân theo lời khuyên của Thánh Phêrô, "Hãy thêm đức hạnh vào đức tin

của các ngươi, và thêm tri thức vào đức hạnh."

Since such strange results seem to follow from crude forms of faith, one looks with interest to see what effect is produced by the still cruder materialism which not long ago was so painfully common in Europe. Madame Blavatsky has stated in <> The Key to Theosophy that in some cases a materialist has no conscious life in the heaven-world, since he did not while on earth believe in such a postmortem condition. It seems probable, however, that our great founder was employing the word "materialist" in a much more restricted sense than that in which it is generally used, since in the same volume she also asserts that for them no conscious life after death is possible at all, whereas it is a matter of common knowledge among those whose nightly work lies upon the astral plane that many of those whom we usually call materialists are to be met with there, and are certainly not unconscious.

Vì những kết quả kỳ lạ dường như xuất hiện từ những hình thức đức tin thô sơ, người ta mong muốn với sự quan tâm xem tác động được tạo ra bởi chủ nghĩa duy vật thô sơ, vốn từng phổ biến ở châu Âu cách đây không lâu. Bà Blavatsky đã tuyên bố trong *Chìa khóa Thông Thiên Học* rằng trong một số trường hợp, người theo chủ nghĩa duy vật không có đời sống ý thức trong thế giới thiên đàng, vì y không tin vào một tình trạng hậu tử khi còn trên thế gian. Tuy nhiên, dường như rất có thể rằng người sáng lập vĩ đại của chúng ta đã sử dụng từ "duy vật" trong một ý nghĩa hạn chế hơn nhiều so với cách mà nó thường được hiểu, vì trong cùng một quyển sách bà cũng khẳng định rằng đối với những người này không có khả năng tồn tại một đời sống ý thức sau khi chết, trong khi đây là điều phổ biến đối với những ai có công việc hàng đêm diễn ra trên cõi cảm dục rằng nhiều người mà chúng ta thường gọi là người theo chủ nghĩa duy vật có thể được gặp ở đó, và chắc chắn họ không phải là những người không có ý thức.

For example, a prominent materialist intimately known to one of our members was not long ago discovered by his friend upon the highest sub-plane of the astral, where he had surrounded himself with his books, and was continuing his studies almost as he might have done on earth. On being questioned by his friend he readily admitted that the theories which he had held while upon earth were confuted by the irresistible logic of [56] facts; but his own agnostic tendencies were still strong enough to make him unwilling to accept what his friend told him as to the existence of the still higher mental-plane. Yet there was certainly much in this man's character which could find its full fruition only upon that mental plane, and since his entire disbelief in any life after death has not

Chẳng hạn, một người theo chủ nghĩa duy vật nổi tiếng mà một thành viên của chúng ta biết rõ đã được phát hiện gần đây trên cõi phụ cao nhất của cõi cảm dục, nơi y tự bao quanh mình với những quyển sách của y, và tiếp tục nghiên cứu gần như y đã làm khi còn sống. Khi được người bạn hỏi, y sẵn lòng thừa nhận rằng các lý thuyết mà y từng giữ khi còn sống đã bị bác bỏ bởi sự logic không thể cưỡng lại của các sự kiện; nhưng khuynh hướng bất khả tri của chính y vẫn còn đủ mạnh để khiến y không muốn chấp nhận những gì người bạn nói về sự tồn tại của cõi cao hơn, cõi trí. Tuy nhiên, có nhiều điều trong tính cách của người này chỉ có thể phát triển đầy đủ ở cõi trí, và vì sự hoài nghi hoàn toàn của y về bất kỳ cuộc sống nào sau khi chết đã không ngăn cản các trải nghiệm trên cõi cảm dục của y, không có lý do

prevented his astral experiences, there seems no reason to suppose that it can check the due working out of the higher forces in him in the heaven-world hereafter.

gì để cho rằng nó có thể ngăn chặn sự hoạt động của các lực cao hơn trong y ở thế giới thiên đàng trong tương lai.

Assuredly he has lost much by his disbelief. No doubt, had he been able to understand the beauty of the religious ideal, it would have called forth in him a mighty energy of devotion, the effect of which he would have been reaping now. All that, which might have been his, is missing. But his deep unselfish family affection, his earnest and tireless philanthropic effort — these also were great outpourings of energy, which must produce their result, and can produce it nowhere but upon the mental plane. The absence of one kind of force cannot prevent the action of the others.

Chắc chắn y đã mất đi nhiều điều vì sự hoài nghi của mình. Không nghi ngờ gì, nếu y có thể hiểu được vẻ đẹp của lý tưởng tôn giáo, nó sẽ kêu gọi trong y một năng lượng sùng kính to lớn, mà hiện tại y sẽ gặt hái được kết quả. Tất cả những điều đó, thứ có thể đã thuộc về y, đều bị thiếu vắng. Nhưng tình yêu thương gia đình sâu đậm và vị tha, nỗ lực từ thiện không ngừng nghỉ và nhiệt thành của y — những điều này cũng là những đợt bùng phát năng lượng lớn, chúng phải tạo ra kết quả, và chỉ có thể tạo ra kết quả ở cõi trí. Sự thiếu vắng một loại lực không thể ngăn cản sự hoạt động của các loại lực khác.

Another instance still more recently observed was that of a materialist who on awakening upon the astral plane after death supposed himself to be still alive, and merely experiencing an unpleasant dream. Fortunately for him there was among the band of those able to function upon the astral plane a son of an old friend of his, who was commissioned to search for him and endeavour to render him some assistance. Naturally enough, he at first supposed the young man to be merely a figure in his dream; but upon receipt of a message from his old friend referring to matters which had occurred before the birth of the messenger, he was convinced of the reality of the plane upon which he found himself, and [57] became at once exceedingly eager to acquire all possible information about it. The instruction which is being given to him under these conditions will undoubtedly have a very great effect upon him, and will largely modify not only the heaven-life which lies before him but also his next incarnation upon earth.

Một ví dụ khác gần đây được quan sát là một người theo chủ nghĩa duy vật sau khi tỉnh lại trên cõi cảm dục sau khi chết, tưởng rằng mình vẫn còn sống và chỉ đang trải qua một giấc mơ khó chịu. May mắn cho y là có một người trong nhóm những người có thể hoạt động trên cõi cảm dục là con trai của một người bạn cũ của y, được giao nhiệm vụ tìm kiếm và cố gắng giúp đỡ y. Tất nhiên ban đầu y cho rằng người thanh niên này chỉ là một hình ảnh trong giấc mơ của mình; nhưng khi nhận được một thông điệp từ người bạn cũ của mình đề cập đến những sự việc xảy ra trước khi người truyền tin ra đời, y đã tin tưởng vào thực tế của cõi mà y đang tìm thấy chính mình, và lập tức trở nên háo hức muốn tiếp nhận mọi thông tin có thể về nó. Những kiến thức được truyền đạt cho y trong những điều kiện này chắc chắn sẽ có tác động rất lớn đến y và sẽ ảnh hưởng nhiều không chỉ đến đời sống thiên đàng mà y sẽ trải qua mà còn cả lần tái sinh tiếp theo của y trên trần gian.

What is shown to us by these two and by many other examples need not after all surprise us, for it is only what we might expect from our experience upon the physical plane. We constantly find down here that nature makes no allowance for our ignorance of her laws; if, under an impression that fire does not burn, a man puts his hand into a flame, he is speedily convinced of his mistake. In the same way a man's disbelief in a future existence does not affect the facts of nature; and in some cases at least he simply finds out after death that he was mistaken.

Những gì chúng ta thấy qua hai trường hợp này và qua nhiều ví dụ khác không nên làm chúng ta ngạc nhiên, vì nó chỉ là điều mà chúng ta có thể dự đoán từ kinh nghiệm của mình trên cõi vật lý. Chúng ta thường thấy rằng thiên nhiên không khoan nhượng với sự thiếu hiểu biết về các định luật của mình; nếu một người, dưới ấn tượng rằng lửa không đốt, đặt tay vào ngọn lửa, y sẽ nhanh chóng nhận ra sai lầm của mình. Tương tự, niềm tin của một người vào sự tồn tại tương lai không ảnh hưởng đến các thực tế của thiên nhiên; và trong một số trường hợp, y đơn giản chỉ phát hiện ra sau khi chết rằng mình đã nhầm lẫn.

The kind of materialism referred to by Madame Blavatsky in the remarks above mentioned was therefore probably something much coarser and more aggressive than ordinary agnosticism — something which would render it exceedingly unlikely that a man who held it would have any qualities requiring a life on the mental plane in which to work themselves out.

Do đó, loại chủ nghĩa duy vật được Bà Blavatsky đề cập trong các nhận xét nêu trên có lẽ là một điều gì đó thô kệch và hiếu chiến hơn nhiều so với chủ nghĩa bất khả tri thông thường — điều mà sẽ làm cho khả năng có bất kỳ phẩm chất nào cần một đời sống trên cõi trí để phát triển trở nên rất khó xảy ra đối với một người nắm giữ nó.

## Fifth Sub-Plane; The Third Heaven – Cánh Thứ Năm; Cõi Thiên Đàng thứ ba

The chief characteristic of this subdivision may be defined as devotion expressing itself in active work. The Christian on this plane, for example, instead of merely adoring his Saviour, would think of himself as going out into the world to work for him. It is especially the plane for the working out of great schemes and designs unrealized on earth — of great organizations inspired [58] by religious devotion, and usually having for their object some philanthropic purpose. It must be borne in mind, however, that ever as we rise higher greater complexity and variety is introduced, so that though we may still be able to give a definite characteristic as on the whole dominating the plane, we shall yet be more

Đặc điểm chính của phân nhóm này có thể được định nghĩa là lòng sùng tín bộc lộ qua công việc tích cực. Người Kitô hữu ở cõi này, chẳng hạn, thay vì chỉ tôn thờ Đấng Cứu Thế, sẽ coi mình là người đi ra thế gian để làm việc cho Ngài. Đây đặc biệt là cõi dành cho việc thực hiện các kế hoạch và thiết kế lớn chưa được hiện thực hóa trên trần thế — những tổ chức lớn được truyền cảm hứng bởi lòng sùng tín tôn giáo, và thường có mục tiêu là một mục đích từ thiện nào đó. Tuy nhiên, cần ghi nhớ rằng khi chúng ta thăng lên cao hơn, càng nhiều sự phức tạp và đa dạng được đưa vào, nên mặc dù chúng ta vẫn có thể đưa ra một đặc điểm rõ ràng chiếm ưu thế toàn cõi, nhưng chúng ta sẽ ngày càng dễ gặp các biến thể và

and more liable to find variations and exceptions that do not so readily range themselves under the general heading.

ngoại lệ không dễ dàng nằm dưới các tiêu đề chung.

A typical case, although somewhat above the average, was that of a man who was found carrying out a grand scheme for the amelioration of the condition of the lower classes. While a deeply religious man himself, he had felt that the first step necessary in dealing with the poor was to improve their physical condition; and the plan which he was now working out in his heaven-life with triumphant success and loving attention to every detail was one which had often crossed his mind while on earth, though he had been quite unable there to take any steps towards its realization.

Một trường hợp điển hình, mặc dù trên mức trung bình, là của một người được tìm thấy đang thực hiện một kế hoạch vĩ đại để cải thiện điều kiện của các tầng lớp thấp hơn. Trong khi là một người có lòng tôn giáo sâu sắc, ông đã cảm thấy rằng bước đầu tiên cần thiết trong việc xử lý với người nghèo là cải thiện điều kiện vật chất của họ; và kế hoạch mà ông hiện đang thực hiện trong đời sống thiên đàng của mình với thành công vang dội và tình yêu trong từng chi tiết là một kế hoạch đã nhiều lần xuất hiện trong tâm trí ông khi còn trên trần thế, mặc dù ông hoàn toàn không thể thực hiện bất kỳ bước nào hướng tới việc hiện thực hóa nó.

His idea had been that, if possessed of enormous wealth, he would buy up and get into his own hands the whole of one of the smaller trades — one in which perhaps three or four large firms only were now engaged; and he thought that by so doing he could effect very large savings by doing away with competitive advertising and other wasteful forms of trade rivalry, and thus be able, while supplying goods to the public at the same price as now, to pay much better wages to his workmen. It was part of his scheme to buy a plot of land and erect upon it cottages for his workmen, each surrounded by its little garden; and after a certain number of years' service, each workman was to acquire a share in the profits of the business which would be sufficient to provide for him in his old age. By working out this system our philanthropist had hoped [59] to show to the world that there was an eminently practical side to Christianity, and also to win the souls of his men to his own faith out of gratitude for the material benefits they had received.

Ý tưởng của ông là, nếu có khối tài sản khổng lồ, ông sẽ mua lại và nắm trong tay toàn bộ một trong những ngành nghề nhỏ — một ngành có lẽ chỉ có ba hoặc bốn công ty lớn đang tham gia; và ông nghĩ rằng bằng cách làm như vậy, ông có thể tiết kiệm rất lớn bằng cách loại bỏ quảng cáo cạnh tranh và các hình thức lãng phí trong sự cạnh tranh thương mại khác, và do đó có thể, trong khi cung cấp hàng hóa cho công chúng với giá hiện nay, trả lương cao hơn nhiều cho công nhân của mình. Một phần của kế hoạch của ông là mua một mảnh đất và xây dựng trên đó những căn nhà nhỏ cho công nhân của mình, mỗi nhà đều có một khu vườn nhỏ; và sau một số năm phục vụ nhất định, mỗi công nhân sẽ được chia lợi nhuận của doanh nghiệp đủ để đảm bảo cho cuộc sống khi về già. Bằng cách thực hiện hệ thống này, nhà từ thiện của chúng ta đã hy vọng chứng minh cho thế giới thấy rằng Kitô giáo có một khía cạnh cực kỳ thực tiễn, đồng thời giành được linh hồn của những người công nhân cho đức tin của mình từ lòng biết ơn đối với những lợi ích vật chất mà họ nhận được.

Another not dissimilar case was that of an Indian prince whose ideal on earth had been the divine hero-king, Râma, on whose example he had tried to model his life and methods of government. Naturally down here all sorts of untoward accidents had occurred, and many of his schemes had consequently failed, but in the heaven-life everything went well, and the greatest possible result followed every one of his well-meant efforts — Râma of course personally advising and directing his work, and receiving perpetual adoration from all his devoted subjects.

Một trường hợp tương tự là của một hoàng tử Ấn Độ mà lý tưởng trên trần thế là vị anh hùng thần thánh, Rama, người mà ông đã cố gắng mô phỏng cuộc sống và phương pháp cai trị của mình. Tự nhiên là ở cõi trần, đủ loại sự cố không may đã xảy ra, và nhiều kế hoạch của ông đã thất bại, nhưng trong đời sống thiên đàng mọi thứ diễn ra suôn sẻ, và mỗi nỗ lực chân thành của ông đều đạt kết quả tối đa — với Rama tất nhiên trực tiếp khuyên bảo và hướng dẫn công việc của ông, và nhận được sự tôn thờ vĩnh cửu từ tất cả các thần dân trung thành của mình.

A curious and rather touching instance of personal religious work was that of a woman who had been a nun, belonging to one not of the contemplative but of the working orders. She had evidently based her life upon the text, " Inasmuch as ye have done it unto one of the least of these my brethren, ye have done it unto me," and now in the heaven-world she was still carrying out to the fullest extent the injunctions of her Lord, and was constantly occupied in healing the sick, in feeding the hungry, and clothing and helping the poor — the peculiarity of the case being that each of those to whom she had ministered at once changed into the appearance of the Christ, whom she then worshipped with fervent devotion.

Một trường hợp khá cảm động của công việc tôn giáo cá nhân là của một người phụ nữ đã là một nữ tu, thuộc về một dòng tu không phải là dòng chiêm niệm mà là dòng làm việc. Bà rõ ràng đã dựa cuộc đời mình trên câu kinh thánh, "Vì chừng nào các ngươi đã làm điều đó cho một trong những anh em nhỏ nhất của Ta, là các ngươi đã làm cho Ta," và giờ đây trong thế giới thiên đàng bà vẫn tiếp tục thực hiện đầy đủ mệnh lệnh của Chúa, và luôn bận rộn trong việc chữa lành bệnh tật, nuôi kẻ đói khát, và mặc đồ và giúp đỡ người nghèo — điều đặc biệt của trường hợp này là mỗi người mà bà phục vụ liền biến thành hình ảnh của Đức Kitô, và bà sau đó tôn thờ với lòng sùng tín nhiệt thành.

An instructive case was that of two sisters, both of whom had been intensely religious; one of them had been a crippled invalid, and the other had spent a long life in tending her. On earth they had often discussed and planned what religious and philanthropic work they would carry out if they were able, and now each is the most [60] prominent figure in the heaven of the other, the cripple being well and strong, while each thinks of the other as joining her in carrying out the unrealized wishes of her earth-life. This was a

Một trường hợp đáng lưu ý là của hai chị em, cả hai đều có niềm tin tôn giáo mãnh liệt; một trong hai người là một người tàn tật, và người kia đã dành cả cuộc đời để chăm sóc cho chị mình. Trên trần thế, họ thường xuyên thảo luận và lập kế hoạch về công việc tôn giáo và từ thiện mà họ sẽ thực hiện nếu có khả năng, và giờ đây mỗi người là nhân vật nổi bật nhất trong thiên đàng của người kia, người tàn tật khỏe mạnh và mạnh mẽ, trong khi mỗi người nghĩ rằng người kia đang cùng mình thực hiện những mong muốn chưa thành hiện thực của

very fine example of the calm continuity of life in the case of people of unselfish aims; for the only difference that death had made was to eliminate disease and suffering, and to render easy the work which had heretofore been impossible.

đời sống trần gian. Đây là một ví dụ rất đẹp về sự liên tục bình yên của cuộc sống trong trường hợp của những người có mục đích vị tha; vì sự khác biệt duy nhất mà cái chết mang lại là loại bỏ bệnh tật và đau khổ, và làm cho dễ dàng những công việc vốn trước đây là không thể.

On this plane also the higher type of sincere and devoted missionary activity finds expression. Of course the ordinary ignorant fanatic never reaches this level, but a few of the noblest cases, such as Livingstone, might be found here engaged in the congenial occupation of converting multitudes of people to the particular religion which they happened to advocate. One of the most striking of such cases which came under notice was that of a Mohammedan, who imagined himself as working most zealously at the conversion of the world, and its government according to the most approved principles of the faith of Islam.

Ở cõi này, cũng có những hoạt động truyền giáo cao cấp, chân thành và tận tâm được thể hiện. Tất nhiên, những kẻ cuồng tín thông thường và không hiểu biết không bao giờ đạt đến cấp độ này, nhưng một vài trường hợp cao quý nhất, chẳng hạn như Livingstone, có thể được tìm thấy ở đây, tham gia vào công việc truyền bá đức tin của mình cho đám đông. Một trong những trường hợp nổi bật nhất được chú ý là của một người Hồi giáo, người tưởng tượng mình đang làm việc với lòng nhiệt thành nhất để cải đạo thế giới và điều hành nó theo các nguyên tắc đã được phê duyệt của đức tin Hồi giáo.

It appears that under certain conditions artistic capacity may also bring its votaries to this sub-plane. But here a careful distinction must be drawn. The artist or musician whose only object is the selfish one of personal fame, or who habitually allows himself to be influenced by feelings of professional jealousy, naturally generates no forces which will bring him to the mental plane at all. On the other hand, that grandest type of art whose disciples regard it as a mighty power entrusted to them for the spiritual elevation of their fellows, will express itself in even higher regions than this. But between these two extremes those devotees of art who follow it for its own sake or regard it as an offering to their deity, never thinking of its effect on their fellows, may in some cases find their appropriate heaven on this sub-plane.[61]

Dường như dưới một số điều kiện nhất định, khả năng nghệ thuật cũng có thể đưa những người tận tụy của nó đến phân cõi này. Nhưng ở đây cần phải có sự phân biệt cẩn thận. Nghệ sĩ hoặc nhạc sĩ có mục đích ích kỷ là danh vọng cá nhân, hoặc thường xuyên cho phép bản thân bị ảnh hưởng bởi cảm giác ghen tuông nghề nghiệp, tất nhiên không tạo ra các lực lượng nào đưa họ lên cõi trí tuệ. Mặt khác, loại hình nghệ thuật vĩ đại nhất mà các đệ tử của nó coi đó là một quyền lực mạnh mẽ được giao phó cho họ để nâng cao tinh thần của đồng loại, sẽ tự biểu hiện ở các vùng cao hơn cả nơi này. Nhưng giữa hai cực này, những người tận tụy với nghệ thuật, theo đuổi nghệ thuật vì bản thân nó hoặc coi đó là một sự dâng hiến cho thần linh của họ, không nghĩ đến ảnh hưởng của nó lên đồng loại, trong một số trường hợp có thể tìm thấy thiên đường phù hợp của họ trên phân cõi này.

As an example of this may be mentioned a musician of very religious temperament who regarded all his labour of love simply as an offering to the Christ, and knew nothing of the magnificent arrangement of sound and colour which his soul-inspiring compositions were producing in the matter of the mental plane. Nor would all his enthusiasm be wasted and fruitless, for without his knowledge it was bringing joy and help to many, and its results would certainly be to give him increased devotion and increased musical capacity in his next birth: but without the still wider aspiration to help humanity this kind of heaven-life might repeat itself almost indefinitely. Indeed, glancing back at the three planes with which we have just been dealing, we may notice that they are in all cases concerned with the working out of devotion to personalities — either to one's family and friends or to a personal deity — rather than the wider devotion to humanity for its own sake which finds its expression on the next sub-plane.

Một ví dụ về điều này là một nhạc sĩ có tính cách rất tôn giáo, coi tất cả lao động yêu thương của mình đơn giản là một dâng hiến cho Đức Kitô, và không biết gì về sự sắp xếp tuyệt vời của âm thanh và màu sắc mà các sáng tác truyền cảm của ông tạo ra trong chất liệu của cõi trí. Cũng không phải tất cả sự nhiệt tình của ông bị lãng phí và vô ích, vì không có sự hiểu biết của ông, nó mang lại niềm vui và sự giúp đỡ cho nhiều người, và kết quả chắc chắn sẽ giúp ông có thêm lòng sùng tín và tăng cường khả năng âm nhạc trong kiếp sau của mình: nhưng nếu không có nguyện vọng rộng hơn là giúp đỡ nhân loại, loại đời sống thiên đàng này có thể lặp đi lặp lại gần như vô tận. Thật vậy, khi nhìn lại ba cõi mà chúng ta vừa thảo luận, chúng ta có thể nhận thấy rằng chúng đều liên quan đến việc thực hiện lòng sùng tín đối với các nhân vật cá nhân — hoặc đối với gia đình và bạn bè hoặc đối với một vị thần cá nhân — thay vì lòng sùng tín rộng hơn đối với nhân loại vì lợi ích của nó mà thể hiện ở phân cõi tiếp theo.

## Fourth Sub-Plane; The Fourth Heaven – Cánh Thứ Tư Vùng Thứ Tư Của Cõi Thiên Đàng

So varied are the activities of this, the highest of the rûpa levels, that it is difficult to group them under a single characteristic. Perhaps they might best be arranged into four main divisions — unselfish pursuit of spiritual knowledge, high philosophic or scientific thought, literary or artistic ability exercised for unselfish purposes, and service for the sake of service. The exact definition of each of these classes will be more readily comprehended when some examples of each have been given.

Hoạt động trên cõi này, cao nhất trong các cấp độ rûpa, rất đa dạng, đến mức khó có thể nhóm chúng dưới một đặc tính duy nhất. Có lẽ, chúng có thể được sắp xếp thành bốn phân loại chính — sự tìm kiếm kiến thức tinh thần vị tha, tư tưởng triết học hoặc khoa học cao cấp, năng lực văn chương hoặc nghệ thuật được sử dụng vì mục đích vị tha, và phụng sự vì phụng sự. Định nghĩa chính xác của mỗi loại sẽ dễ hiểu hơn khi có các ví dụ cụ thể.

Naturally it is from those religions in which the necessity of obtaining spiritual knowledge is recognized that most of the population of

Dĩ nhiên, từ những tôn giáo công nhận sự cần thiết của việc thu nhận kiến thức tinh thần mà hầu hết dân cư của phân cõi này được rút ra.

this sub-plane is drawn. It will be remembered that on the sixth sub-plane we found many [62] Buddhists whose religion had chiefly taken the form of devotion to their great leader as a person; here, on the contrary, we have these more intelligent followers whose supreme aspiration was to sit at his feet and learn — who looked upon him in the light of a teacher rather than as a being to be adored.

Có thể nhớ lại rằng ở phân cõi thứ sáu, chúng ta đã gặp nhiều người Phật tử mà tôn giáo của họ chủ yếu mang hình thức sùng kính vị lãnh đạo vĩ đại của họ như một nhân vật; ngược lại, ở đây, chúng ta có những tín đồ thông minh hơn, có khát vọng cao nhất là ngồi dưới chân Ngài và học hỏi — họ nhìn Ngài dưới ánh sáng của một người thầy hơn là một đối tượng để tôn thờ.

Now in their heaven-life this highest wish is fulfilled; they find themselves in very truth learning from the Buddha, and the image which they have thus made of him is no empty form, but most assuredly through it shines out the wonderful wisdom, power, and love of that mightiest of earth's teachers. They are therefore acquiring fresh knowledge and wider views; and the effect upon their next life cannot but be of the most marked character. They will not perhaps remember any individual facts that they may have learnt (though when such facts are presented to their minds in a subsequent life they will grasp them with avidity and intuitively recognize their truth), but the result of the teaching will be to build into the ego a strong tendency to take broader and more philosophical views on all such subjects.

Trong đời sống thiên đàng của họ, ước nguyện cao nhất này được thỏa mãn; họ thấy mình thực sự học hỏi từ Đức Phật, và hình ảnh mà họ đã tạo nên về Ngài không phải là một hình thức trống rỗng, mà chắc chắn qua đó tỏa sáng trí tuệ tuyệt vời, sức mạnh, và tình yêu của Chân sư vĩ đại nhất của thế giới. Do đó, họ đang thu nhận kiến thức mới và mở rộng tầm nhìn; và ảnh hưởng đến kiếp sau của họ chắc chắn sẽ rất đáng kể. Họ có thể không nhớ được bất kỳ sự kiện cá nhân nào mà họ đã học (mặc dù khi những sự kiện đó được trình bày trước tâm trí họ trong một kiếp sống sau, họ sẽ nắm bắt chúng một cách khao khát và nhận ra chân lý của chúng một cách trực giác), nhưng kết quả của sự giảng dạy sẽ xây dựng trong chân ngã một xu hướng mạnh mẽ để có quan điểm rộng hơn và triết học hơn về tất cả những vấn đề này.

It will at once be seen how very definitely and unmistakably such a heaven-life as this hastens the evolution of the ego; and once more our attention is drawn to the enormous advantage gained by those who have accepted the guidance of real, living and powerful teachers.

Có thể thấy rõ ràng rằng đời sống thiên đàng như thế này thúc đẩy quá trình tiến hóa của chân ngã rất nhanh chóng và không thể nhầm lẫn; và một lần nữa chúng ta được lưu ý về lợi ích to lớn mà những người chấp nhận sự hướng dẫn của những người thầy sống động, quyền năng và thực sự có được.

A less developed type of this form of instruction is found in cases in which some really great and spiritual writer has become to a student a living personality, and has taken on the aspect of a friend, forming part of the student's mental life — an ideal figure in his

Một dạng phát triển thấp hơn của kiểu giảng dạy này được tìm thấy trong các trường hợp khi một tác giả vĩ đại và tâm linh đã trở thành một nhân cách sống đối với một sinh viên, và trở thành một người bạn, là một phần của đời sống tinh thần của người đó — một nhân vật

musings. Such an one may enter into the pupil's heaven-life and by virtue of his own highly evolved soul may vivify the mental image of himself, and under these happier circumstances further illuminate [63] the teachings in his own books, bringing out of them the more hidden meanings.

lý tưởng trong những suy tư của sinh viên. Người này có thể đi vào đời sống thiên đàng của sinh viên mình và bằng sức mạnh của linh hồn cao cấp của mình có thể sinh động hóa hình ảnh tinh thần về bản thân mình, và dưới những hoàn cảnh tốt đẹp này, chiếu sáng thêm các giáo lý trong sách của mình, mang lại những ý nghĩa ẩn sâu hơn từ đó.

Many of the followers of the path of wisdom among the Hindus find their heaven upon this plane — that is, if their teachers have been men possessing any real knowledge. A few of the more advanced among the Sûfis and Parsis are also here, and we still find some of the early Gnostics whose spiritual development was such as to earn for them a prolonged stay in this celestial region. But except for this comparatively small number of Sûfis and Gnostics, neither Mohammedanism nor Christianity seems to raise its followers to this level, though some who nominally belong to these religions may be carried on to this sub-plane by the presence in their character of qualities which do not depend upon the teachings peculiar to their religion.

Nhiều tín đồ trên con đường trí tuệ trong số người Hindu tìm thấy thiên đàng của họ trên cõi này — nếu thầy của họ là những người có bất kỳ kiến thức thực sự nào. Một số ít các Sûfi và người Parsi tiến bộ hơn cũng có mặt ở đây, và chúng ta vẫn thấy một số Gnostic đầu tiên có sự phát triển tâm linh đủ để họ ở lại lâu dài trong vùng trời này. Nhưng ngoài số ít Sûfi và Gnostic này, dường như không phải Hồi giáo hay Kitô giáo nâng cao tín đồ của mình lên cấp độ này, mặc dù một số người theo danh nghĩa thuộc những tôn giáo này có thể được nâng lên phân cõi này nhờ vào những phẩm tính trong tính cách của họ mà không phụ thuộc vào giáo lý đặc trưng của tôn giáo họ.

In this region we also find earnest and devoted students of Occultism who are not yet so far advanced as to have earned the right and the power to forego their heaven-life for the good of the world. Among these was one who in life had been personally known to some of the investigators — a Buddhist monk who had been an earnest student of Theosophy, and had long cherished the hope of being one day privileged to receive instruction directly from its Adept teachers. In his heaven-life the Buddha was the dominant figure, while the two Masters who have been most closely concerned with the Theosophical Society appeared also as his lieutenants, expounding and illustrating his teaching. All three of these images were very full of the power and

Trong cõi này, chúng ta cũng tìm thấy các học viên tận tâm của Huyền bí học, những người chưa tiến xa đủ để có được quyền và sức mạnh để từ bỏ đời sống thiên đàng của họ vì lợi ích của thế gian. Trong số đó có một người, trong cuộc sống, đã được một số nhà nghiên cứu biết đến — một nhà sư Phật giáo là sinh viên tận tụy của Thông Thiên Học, và đã ấp ủ hy vọng lâu dài rằng một ngày nào đó sẽ được phép nhận sự hướng dẫn trực tiếp từ các bậc Đại Đạo sư của nó. Trong đời sống thiên đàng của ông, Đức Phật là nhân vật chi phối, trong khi hai Chân Sư có liên quan chặt chẽ nhất đến Hội Thông Thiên Học cũng xuất hiện với tư cách là phụ tá của Ngài, giảng giải và minh họa giáo lý của Ngài. Cả ba hình ảnh này đều tràn đầy sức mạnh và trí tuệ của những Đấng vĩ đại mà họ

wisdom of the great beings whom they represented, and the monk was therefore definitely receiving real teaching upon occult subjects, the effect of which would almost certainly be to bring him actually on to the Path of Initiation in his next birth.

đại diện, do đó vị sư đang nhận được sự giảng dạy thực sự về các đề tài huyền bí, mà ảnh hưởng của nó hầu như chắc chắn sẽ đưa ông thực sự vào Con Đường Điểm Đạo trong kiếp sống tiếp theo của mình.

Another instance from our ranks which was encountered [64] on this level illustrates the terrible effect of harbouring unfounded and uncharitable suspicions. It was the case of a devoted and self-sacrificing student who towards the end of her life had unfortunately fallen into an attitude of quite unworthy and unjustifiable distrust of the motives of her old friend and teacher Madame Blavatsky; and it was sad to notice how this feeling had shut out to a considerable extent the higher influence and teaching which she might have enjoyed in her heaven-life. It was not that the influence and teaching were in any way withheld from her, for that can never be; but that her own mental attitude rendered her to some extent unreceptive of them. She was of course quite unconscious of this, and seemed to herself to be enjoying the fullest and most perfect communion with the Masters, yet it was obvious to the investigators that but for this unfortunate self-limitation she would have reaped far greater advantage from her stay on this level. A wealth of love and strength and knowledge almost infinite lay there at her hand, but her own ingratitude had sadly crippled her power to accept it.

Một ví dụ khác từ hàng ngũ chúng ta gặp phải trên cấp độ này minh họa tác động đáng sợ của việc nuôi dưỡng những nghi ngờ vô căn cứ và thiếu thiện cảm. Đó là trường hợp của một sinh viên tận tâm và hy sinh đã không may cuối đời lại có thái độ không xứng đáng và thiếu cơ sở về động cơ của người bạn cũ và người thầy của bà, Bà Blavatsky; và thật buồn khi nhận thấy cảm giác này đã ngăn chặn phần lớn ảnh hưởng cao hơn và sự giảng dạy mà bà có thể đã nhận được trong đời sống thiên đàng. Không phải là ảnh hưởng và sự giảng dạy bị rút lại với bà, vì điều đó không bao giờ xảy ra; nhưng thái độ tinh thần của bà khiến bà không thể tiếp nhận chúng đến một mức độ nào đó. Tất nhiên, bà hoàn toàn không ý thức về điều này và cảm thấy mình đang tận hưởng sự giao tiếp đầy đủ và hoàn hảo nhất với các Chân Sư, nhưng rõ ràng với các nhà điều tra rằng nếu không có sự tự giới hạn bất hạnh này, bà sẽ thu được lợi ích lớn hơn nhiều từ thời gian lưu trú của mình ở cấp độ này. Một kho tàng tình yêu, sức mạnh và tri thức gần như vô hạn nằm ngay trong tầm tay của bà, nhưng sự vô ơn của chính bà đã làm suy yếu khả năng chấp nhận của bà một cách đáng buồn.

It will be understood that since there are other Masters of wisdom besides those connected with our own movement, and other schools of occultism working along the same general lines as that to which we belong, students attached to some of these are also frequently met with upon this sub-plane.

Người ta sẽ hiểu rằng có những Chân sư Minh triết khác ngoài những người liên quan đến phong trào của chúng ta, và có các trường phái huyền bí khác hoạt động theo các đường lối chung giống như những gì chúng ta thuộc về, và do đó, các sinh viên gắn bó với một số trong số này cũng thường được gặp trên phân cõi này.

Passing now to the next class, that of high philosophic and scientific thought, we find here many of those nobler and more unselfish thinkers who seek insight and knowledge only for the purpose of enlightening and helping their fellows. We are not including as students of philosophy those men, either in the East or the West, who waste their time in mere verbal argument and hair-splitting — for that is a form of discussion which has its roots in selfishness and [65] conceit, and can therefore never help towards a real understanding of the facts of the universe: for naturally such foolish superficiality as this produces no results that can work themselves out on the mental plane.

Chuyển sang loại thứ hai, tư tưởng triết học và khoa học cao cấp, chúng ta tìm thấy ở đây nhiều nhà tư tưởng cao thượng và vị tha, những người tìm kiếm sự hiểu biết và tri thức chỉ với mục đích làm sáng tỏ và giúp đỡ đồng loại. Chúng ta không bao gồm những người được coi là sinh viên triết học nhưng chỉ lãng phí thời gian vào tranh luận bằng lời lẽ hoặc chia rẽ khái niệm tỉ mỉ — vì đây là một hình thức thảo luận bắt nguồn từ lòng ích kỷ và kiêu ngạo, và do đó không bao giờ có thể góp phần vào sự hiểu biết thực sự về các sự thật của vũ trụ; vì lẽ tất nhiên, sự hời hợt ngớ ngẩn như vậy không tạo ra bất kỳ kết quả nào có thể phát triển trên cõi trí tuệ

As an instance of a true student noticed on this sub-plane we may mention one of the later followers of the neo-platonic system, whose name has fortunately been preserved to us in the surviving records of that period. He had striven all through his earth-life really to master the teachings of that school, and now his heaven-life was occupied in unravelling its mysteries and in. endeavouring to understand its bearing upon human life and development.

Một ví dụ về một sinh viên thực sự được ghi nhận ở phân cõi này là một trong những người đi theo hệ thống Tân-Platon, người có tên may mắn được lưu lại cho chúng ta trong các hồ sơ còn sót lại của thời kỳ đó. Ông đã nỗ lực suốt cuộc đời mình để thực sự nắm vững các giáo lý của trường phái này, và giờ đây đời sống thiên đàng của ông bận rộn với việc giải mã các bí ẩn của nó và cố gắng hiểu ý nghĩa của nó đối với cuộc sống và sự phát triển của con người.

Another case was that of an astronomer, who seemed to have begun life as orthodox, but had gradually under the influence of his studies widened out into Pantheism; in his heaven-life he was still pursuing these studies with a mind full of reverence, and was undoubtedly gaining real knowledge from those great orders of the Devas, through whom on this plane the majestic cyclic movement of the mighty stellar influences seems to express itself in ever-changing coruscations of all-penetrating living light He was lost in contemplation of a vast panorama of whirling nebulae and gradually-forming systems and worlds, and he appeared to be

Một trường hợp khác là một nhà thiên văn, người dường như bắt đầu cuộc đời theo giáo lý chính thống nhưng dần dần, dưới ảnh hưởng của các nghiên cứu của mình, đã chuyển dần sang thuyết toàn thần; trong đời sống thiên đàng của mình, ông vẫn tiếp tục những nghiên cứu này với một tâm trí đầy lòng tôn kính và chắc chắn đang thu nhận kiến thức thực sự từ các đẳng cấp thiên thần vĩ đại, thông qua đó trên cõi này, sự vận động chu kỳ hùng vĩ của các ảnh hưởng tinh tú lớn dường như tự thể hiện qua những tia sáng sống động, biến đổi không ngừng của ánh sáng xuyên thấu. Ông đắm mình trong sự chiêm nghiệm về một cảnh tượng bao la của các tinh vân

groping after some dim idea as to the shape of the universe, which he imagined as some vast animal. His thoughts surrounded him as elemental forms shaped as stars, and one especial source of joy to him consisted in listening to the stately rhythm of the music that pealed out in mighty chorales from the moving orbs.

quay cuồng và các hệ thống và thế giới dần dần hình thành, và dường như đang lần mò tìm hiểu về hình dạng của vũ trụ, mà ông tưởng tượng như một sinh vật khổng lồ. Những suy nghĩ của ông bao quanh ông như các hình dạng nguyên tố giống như các ngôi sao, và một nguồn vui đặc biệt của ông là lắng nghe nhịp điệu trang nghiêm của âm nhạc vang lên trong những hợp xướng mạnh mẽ từ các hành tinh đang di chuyển.

The third type of activity on this plane is that highest kind of artistic and literary effort which is chiefly inspired by a desire to elevate and spiritualize the race. Here we find all our greatest musicians; on this sub-plane Mozart, Beethoven, Bach, Wagner and others are still flooding the [66] heaven-world with harmony far more glorious even than the grandest which they were able to produce when on earth. It seems as if a great stream of divine music poured into them from higher regions, and was, as it were, specialized by them and made their own, to be then sent forth through all the plane in a great tide of melody which adds to the bliss of all around. Those who are functioning in full consciousness on the mental plane will clearly hear and thoroughly appreciate this magnificent outpouring, but even the disembodied entities of this level, each of whom is wrapped up in his own thought-cloud, are also deeply affected by the elevating and ennobling influence of its resonant melody.

Loại hình hoạt động thứ ba trên cõi này là hình thức cao nhất của nỗ lực nghệ thuật và văn chương, chủ yếu được truyền cảm hứng bởi mong muốn nâng cao và tinh thần hóa nhân loại. Ở đây, chúng ta gặp các nhạc sĩ vĩ đại nhất của chúng ta; trên phân cõi này, Mozart, Beethoven, Bach, Wagner và những người khác vẫn đang tràn ngập thế giới thiên đàng bằng những giai điệu tuyệt vời hơn cả những gì vĩ đại nhất mà họ có thể tạo ra khi còn trên trần thế. Dường như có một dòng nhạc thiêng liêng khổng lồ đổ vào họ từ các cõi cao hơn, và được cá nhân hóa bởi họ để rồi được truyền đi khắp cõi trong một dòng chảy nhạc điệu lớn lao, mang lại hạnh phúc cho tất cả xung quanh. Những người đang hoạt động trong trạng thái ý thức đầy đủ trên cõi trí sẽ nghe rõ và đánh giá cao sự xuất thần hùng vĩ này, nhưng ngay cả những thực thể không thân xác của cấp độ này, mỗi người chìm đắm trong đám mây suy tưởng của chính mình, cũng bị ảnh hưởng sâu sắc bởi sự cao thượng và nâng cao của nhạc điệu vang vọng ấy.

The painter and the sculptor also, if they have followed their respective arts always with a grand, unselfish aim, are here constantly making and sending forth all kinds of lovely forms for the delight and encouragement of their fellow-men — the forms being simply artificial elementals created by their thought. And not only may these beautiful conceptions give deepest pleasure to those living entirely

Người họa sĩ và nhà điêu khắc cũng vậy, nếu họ luôn theo đuổi nghệ thuật của mình với một mục tiêu cao cả và vị tha, ở đây đang tạo ra và gửi đi mọi loại hình dạng đẹp đẽ để làm hài lòng và khích lệ đồng loại — các hình dạng đơn thuần là các nguyên tố nhân tạo được tạo ra từ suy tưởng của họ. Và không chỉ những khái niệm tuyệt đẹp này mang lại niềm vui sâu sắc nhất cho những ai sống hoàn toàn trên cõi

on the mental plane; they may also in many cases be grasped by the minds of artists still in the flesh — may act as inspirations to them, and so be reproduced down here for the elevating and ennobling of that portion of humanity which is struggling amid the turmoil of physical life.

trí; chúng cũng có thể được nắm bắt bởi tâm trí của các nghệ sĩ còn ở trần gian — có thể đóng vai trò là nguồn cảm hứng cho họ, và do đó được tái tạo trên thế giới vật chất để nâng cao và khích lệ phần nhân loại đang vật lộn trong vòng xoáy của cuộc sống trần tục.

One touching and beautiful figure seen upon this plane was that of a boy who had been a chorister, and had died at the age of fourteen. His whole soul was full of music and of boyish devotion to his art, deeply coloured with the thought that by it he was expressing the religious longings of the multitude who crowded a vast cathedral, and yet was at the same time pouring out to them celestial encouragement and inspiration. He had known little enough save for this one great gift of song, but he had used that gift [67] worthily, trying to be the voice of the people to heaven and of heaven to the people, and ever longing to know more music and render it more worthily for the Church's sake. And so in this celestial life his wish was bearing fruit, and over him was bending the quaint angular figure of a medieval St. Cecilia, formed by his loving thought from the picture of her in a stained glass window. But though the outer garb was thus a scarcely-artistic representation of a doubtful ecclesiastical legend, the reality which lay behind it was living and glorious; for the childish thought-form was vivified by one of the mighty archangels of the celestial hierarchy of song, and through it he taught the chorister a grander strain of music than ever earth has known.

Một hình tượng cảm động và đẹp đẽ được nhìn thấy trên cõi này là của một cậu bé từng là một ca viên nhà thờ, đã qua đời khi mới mười bốn tuổi. Tâm hồn của cậu đầy nhạc điệu và lòng sùng kính trẻ thơ đối với nghệ thuật của mình, đậm nét với ý nghĩ rằng thông qua đó, cậu đang thể hiện khát vọng tôn giáo của đám đông tụ tập trong một nhà thờ lớn, đồng thời cũng truyền cảm hứng thiên thần cho họ. Cậu đã không biết nhiều ngoại trừ tài năng ca hát vĩ đại này, nhưng cậu đã sử dụng tài năng ấy một cách xứng đáng, cố gắng làm giọng nói của dân chúng đến thiên đàng và của thiên đàng đến dân chúng, luôn mong muốn biết thêm về âm nhạc và thể hiện nó xứng đáng hơn vì lợi ích của Giáo hội. Và do đó, trong đời sống thiên đàng này, mong ước của cậu đang đơm hoa kết trái, và bên cạnh cậu là hình tượng đặc biệt của một Thánh Cecilia thời Trung cổ, được cậu yêu thương tạo nên từ hình ảnh của bà trong một cửa sổ kính màu. Nhưng mặc dù dáng vẻ bên ngoài là một hình ảnh không thực sự nghệ thuật của một huyền thoại giáo hội không rõ ràng, thực tại đằng sau nó lại sống động và rực rỡ; vì hình dạng do suy tưởng trẻ thơ tạo ra đã được sinh động hóa bởi một trong các tổng thiên thần hùng mạnh của huyền giai ca hát thiên thượng, và thông qua nó, Ngài đã dạy cho cậu một dòng nhạc cao cả hơn bao giờ mà trần gian từng biết đến.

Here also was one of earth's failures — for the tragedy of the earth-life leaves strange marks sometimes even in the heavenly places. In the world where all thoughts of loved ones smile upon man as friends, he was thinking and

Ở đây cũng có một thất bại của trần gian — vì bi kịch của cuộc sống trần gian đôi khi để lại dấu ấn lạ thường ngay cả trong các cõi thiên đàng. Trong thế giới nơi mọi suy nghĩ về người thân yêu đều hiện lên như những người bạn,

writing in solitude. On earth he had striven to write a great book, and for the sake of it had refused to use his literary power in making mere sustenance from paltry hack-work; but none would look at his book, and he walked the streets despairing, till sorrow and starvation closed his eyes to earth. He had been lonely all his life — in his youth friendless and shut out from family ties, and in his manhood able to work only in his own way, pushing aside hands that would have led him to a wider view of life's possibilities than the earthly paradise which he longed to make for all.

cậu đang suy nghĩ và viết lách trong cô độc. Trên trần thế, cậu đã cố gắng viết một cuốn sách vĩ đại và vì điều đó đã từ chối sử dụng năng lực văn chương của mình để kiếm sống qua những công việc nhảm nhí; nhưng không ai nhìn đến cuốn sách của cậu, và cậu đã lang thang trên đường phố tuyệt vọng, cho đến khi nỗi buồn và sự đói khát đóng lại đôi mắt của cậu với trần gian. Cậu đã cô độc suốt đời — tuổi trẻ không có bạn bè và bị cô lập khỏi mối quan hệ gia đình, và khi trưởng thành chỉ có thể làm việc theo cách của mình, đẩy lùi những bàn tay dẫn cậu đến một cái nhìn rộng hơn về những khả năng của cuộc sống hơn là thiên đường trần gian mà cậu khao khát tạo ra cho tất cả.

Now, as he thought and wrote, though there were none whom he had loved as personal or ideal helpers who could make part of this his mental life, he saw stretching before him the Utopia of which he had dreamed, for which he had tried to live, and the vast thronging impersonal multitudes whom he had longed to serve; and the joy of their joy [68] surged back on him and made his solitude a heaven. When he is born again on earth he will surely return with power to achieve as well as to plan, and this celestial vision will be partially bodied forth in happier terrene lives.

Bây giờ, khi cậu suy nghĩ và viết lách, mặc dù không có ai cậu yêu mến như những người giúp đỡ cá nhân hay lý tưởng có thể là một phần của đời sống tinh thần của cậu, cậu nhìn thấy trước mắt mình Utopia mà cậu từng mơ ước, vì nó mà cậu đã cố gắng sống, và những đám đông vô danh mà cậu hằng mong muốn phục vụ; và niềm vui của họ trào dâng trong cậu, biến nỗi cô độc thành thiên đường. Khi cậu trở lại trần gian, chắc chắn cậu sẽ trở lại với sức mạnh để thực hiện, cũng như lên kế hoạch, và tầm nhìn thiên đường này sẽ phần nào được thể hiện trong những kiếp sống hạnh phúc hơn trên trần thế.

Many were found on this plane who during their earth-stay had devoted themselves to helping men because they felt the tie of brotherhood — who rendered service for the sake of service rather than because they desired to please any particular deity. They were engaged in working out with full knowledge and calm wisdom vast schemes of beneficence, magnificent plans of world improvement, and at the same time they were maturing powers with which to carry them out hereafter on the lower plane of physical

Trên cõi này có nhiều người trong thời gian ở trần đã cống hiến bản thân để giúp đỡ con người vì cảm nhận mối dây huynh đệ — họ phục vụ vì phụng sự thay vì vì mong muốn làm vui lòng bất kỳ vị thần nào. Họ đang làm việc với kiến thức đầy đủ và trí tuệ bình thản các kế hoạch phúc lợi rộng lớn, các kế hoạch cải thiện thế giới tráng lệ, và đồng thời họ đang hoàn thiện các năng lực để thực hiện chúng trong tương lai trên cõi vật lý.

life.

## The Reality of the Heaven-Life – Thực tại Của Cuộc Sống Thiên Đàng

Critics who have very imperfectly apprehended the Theosophical teaching on the subject of the hereafter, have sometimes urged that the life of the ordinary person in the lower heaven-world is nothing but a dream and an illusion — that when he imagines himself happy amidst his family and friends, or carrying out his plans with such fulness of joy and success, he is really only the victim of a cruel delusion: and this is sometimes unfavourably contrasted with what is called the "solid objectivity" of the heaven promised by orthodoxy. The reply to such an objection is twofold: first, that when we are studying the problems of the future life we are not concerned to know which of two hypotheses put before us would be the pleasanter (that being, after all, a matter of opinion), but rather which of them is the true one; and secondly, that when we enquire more fully into the facts of the case we shall see that those who maintain the illusion theory are looking at the matter from [69] quite a wrong point of view, and have utterly misunderstood the facts.

Những người phê bình, khi chỉ hiểu một cách chưa hoàn thiện về giáo lý Thông Thiên Học liên quan đến thế giới bên kia, đôi khi đã cho rằng cuộc sống của người thường trong thế giới thiên đàng thấp hơn chỉ là một giấc mơ và ảo tưởng — rằng khi người đó tưởng tượng mình hạnh phúc giữa gia đình và bạn bè, hay thực hiện các kế hoạch của mình với trọn vẹn niềm vui và thành công, thì thực ra chỉ là nạn nhân của một ảo tưởng tàn nhẫn: và điều này đôi khi bị so sánh một cách thiếu thiện chí với cái được gọi là "tính khách quan vững chắc" của thiên đàng theo quan niệm chính thống. Câu trả lời cho phản bác này có hai phần: thứ nhất, khi chúng ta nghiên cứu các vấn đề của đời sống sau khi chết, chúng ta không quan tâm xem trong hai giả thuyết được đưa ra thì giả thuyết nào dễ chịu hơn (vì rốt cuộc đó chỉ là vấn đề quan điểm), mà quan trọng hơn là giả thuyết nào là chân lý; và thứ hai, khi chúng ta tìm hiểu sâu hơn về các sự kiện của vấn đề, chúng ta sẽ thấy rằng những người ủng hộ lý thuyết ảo tưởng đang nhìn nhận vấn đề từ một quan điểm sai lầm và hoàn toàn hiểu sai các sự kiện.

As to the first point, the actual state of affairs is quite easily discoverable by those who have developed the power to pass consciously on to the mental plane during life; and when so investigated it is found to agree perfectly with the account given to us by the Masters of Wisdom through our great founder and teacher Madame Blavatsky. This at once disposes of the " solid objectivity " theory mentioned above, and transfers the onus of proof to the shoulders of our orthodox friends. As to the second point, if the contention be that on the lower levels of the heaven-world

Về điểm đầu tiên, tình trạng thực tế rất dễ nhận ra đối với những ai đã phát triển khả năng đi vào cõi trí một cách có ý thức khi còn sống; và khi được điều tra như vậy, nó được phát hiện hoàn toàn khớp với mô tả do các Chân sư Minh triết truyền lại qua người sáng lập và huấn sư vĩ đại của chúng ta, Bà Blavatsky. Điều này ngay lập tức loại bỏ lý thuyết "tính khách quan vững chắc" được đề cập ở trên, và chuyển trách nhiệm chứng minh sang những người bạn chính thống của chúng ta. Về điểm thứ hai, nếu lý luận là ở các cấp độ thấp hơn của thế giới thiên đàng, con

truth in its fulness is not yet known to man, and that consequently illusion still exists there, we must frankly admit that that is so. But that is not what is usually meant by those who bring forward this objection; they are generally oppressed by a feeling that the heaven-life will be more illusory and useless than the physical — an idea than which nothing could be more entirely opposed to the fact.

người chưa thể biết toàn vẹn chân lý và do đó vẫn còn ảo tưởng, thì chúng ta phải thừa nhận rằng điều đó là đúng. Nhưng đó không phải là điều mà những người đưa ra phản bác này thường đề cập; họ thường bị ám ảnh bởi cảm giác rằng cuộc sống thiên đàng sẽ còn ảo tưởng và vô ích hơn cả cuộc sống vật chất — một ý tưởng hoàn toàn trái ngược với sự thật.

Is it contended that on that plane we make our own surroundings, and for that reason see only a very small part of the plane ? Surely down here also the world of which a person is sensible is never the whole of the outer world, but only so much of it as his senses, his intellect, his education, enable him to take in. It is obvious that during earth-life the average person's conception of everything around him is really quite a wrong one — empty, imperfect, inaccurate in a dozen ways ; for what does he know of the great forces — etheric, astral, mental — which lie behind everything he sees, and in fact form by far the most important part of it? What does he know, as a rule, even of the more recondite physical facts which surround him and meet him at every step that he takes ? The truth is that here, as in his heaven-life, he lives in a world which is very largely of his own [70] creation. He does not realize it, either there or here, but that is only because of his own ignorance — because he knows no better.

Có lập luận rằng trên cõi đó, chúng ta tự tạo ra môi trường xung quanh mình và do đó chỉ nhìn thấy một phần rất nhỏ của cõi này? Chắc chắn là ở đây, thế giới mà một người cảm nhận được cũng không bao giờ là toàn bộ thế giới bên ngoài, mà chỉ là phần mà giác quan, trí tuệ, giáo dục của người đó có thể tiếp nhận. Rõ ràng là trong đời sống trần thế, quan niệm của người trung bình về mọi thứ xung quanh thực sự rất sai lầm — trống rỗng, không hoàn hảo, không chính xác theo cả chục cách khác nhau; vì người đó biết gì về những lực lớn lao — dĩ thái, cảm dục, trí tuệ — nằm đằng sau mọi thứ họ nhìn thấy, và thực tế là phần quan trọng nhất của nó? Theo quy luật, người đó biết gì, ngay cả về những sự thật vật lý sâu sắc hơn xung quanh mình, khi mà họ gặp phải ở mỗi bước đi? Sự thật là ở đây, cũng như trong đời sống thiên đàng, người đó sống trong một thế giới chủ yếu do chính mình tạo ra. Người đó không nhận ra điều này, ở cả đây và trên kia, nhưng đó chỉ là vì sự thiếu hiểu biết của chính mình — vì người đó không biết gì hơn.

Is it said that in the heaven-world a man takes his thoughts for real things? He is quite right; they are real things, and on this, the thought-plane, nothing but thought can be real. There we recognize that great fact — here we do not; on which plane, then, is the delusion greater ? Those thoughts of his are indeed realities, and are capable of producing the most striking results upon living men — results which can

Có người nói rằng ở thế giới thiên đàng, con người coi ý nghĩ của mình là những thứ có thật? Điều đó là đúng; chúng là những thứ có thật, và trên cõi tư tưởng, chỉ có tư tưởng mới có thể là thực. Ở đó, chúng ta nhận ra sự thật lớn lao này — ở đây thì không; vậy, trên cõi nào thì sự ảo tưởng lớn hơn? Những suy nghĩ của người đó thực sự là thực tế, và có khả năng tạo ra những kết quả nổi bật nhất đối với những

never be otherwise than beneficial, because upon that high plane there can be none but loving thought. Thus it will be seen that the theory that the heaven-life is an illusion is merely the result of a misconception, and shows imperfect acquaintance with its conditions and possibilities; the truth is that the higher we rise - the nearer we draw to the one reality.

con người sống — những kết quả không thể nào khác hơn là lợi ích, vì trên cõi cao đó không thể tồn tại ngoài những tư tưởng yêu thương. Do đó, có thể thấy rằng lý thuyết cho rằng đời sống thiên đàng là một ảo tưởng chỉ là kết quả của một sự hiểu lầm, và cho thấy sự quen thuộc chưa hoàn thiện với các điều kiện và khả năng của nó; sự thật là càng lên cao — chúng ta càng gần với một thực tại duy nhất.

It will perhaps assist the beginner to comprehend how real and how entirely natural is the higher portion of a man's life if he regards it simply as the result of the earlier portion spent upon the two lower planes. We all know well that our highest ideals are never realized, that our highest aspirations never bear full fruit down here. So that it would seem as though in this way some efforts were fruitless, some force was lost. But we know that cannot be, for the law of the conservation of energy holds good on the higher planes just as on the lower. Much of that higher spiritual energy which man pours forth cannot react upon him while in earth-life, for until his higher principles are freed from the incubus of the flesh, they are unable to respond to these far finer and more subtle vibrations. But in the heaven-life for the first time all this hindrance is removed, and the accumulated energy immediately pours itself forth in the inevitable reaction which the law of [71] eternal justice demands. As Browning has grandly phrased it:

Có thể điều này sẽ giúp người mới bắt đầu hiểu được phần cao hơn của đời sống con người là thật đến mức nào và hoàn toàn tự nhiên ra sao, nếu họ coi đó đơn giản là kết quả của phần đời trước trải qua trên hai cõi thấp hơn. Tất cả chúng ta đều biết rõ rằng những lý tưởng cao nhất của mình không bao giờ được hiện thực hóa, rằng những khát vọng cao nhất của chúng ta không bao giờ sinh trái đầy đủ ở đây. Vì vậy, có vẻ như theo cách này, một số nỗ lực đã bị vô ích, một số năng lượng đã bị mất. Nhưng chúng ta biết điều đó không thể đúng, vì định luật bảo toàn năng lượng cũng có giá trị ở các cõi cao hơn, giống như ở các cõi thấp hơn. Phần lớn năng lượng tinh thần cao hơn mà con người dồn đổ ra không thể tác động trở lại người đó khi còn sống trên trần, vì cho đến khi các nguyên lý cao hơn của người đó được giải phóng khỏi gánh nặng xác thịt, chúng không thể đáp ứng với những rung động tinh tế và cao siêu hơn nhiều. Nhưng trong đời sống thiên đàng, lần đầu tiên mọi trở ngại này bị loại bỏ, và năng lượng tích lũy lập tức dội ngược trở lại trong phản ứng tất yếu mà định luật công lý vĩnh cửu đòi hỏi. Như Browning đã khéo léo diễn đạt:

There shall never be one lost good ! What was, shall live as before ;The evil is null, is nought, is silence implying sound; What was good shall be good, with, for evil, so much good more; On the earth the broken arcs: in the heaven a perfect round.

"Sẽ không có một điều tốt nào bị mất! Những gì từng tồn tại sẽ sống lại như trước; Điều xấu là hư không, là vô nghĩa, là sự im lặng ngụ ý âm thanh; Những gì từng là tốt sẽ là tốt, và khi gặp điều xấu sẽ tốt nhiều hơn; Trên trần, các cung gãy vỡ: trên thiên đàng là một vòng tròn trọn vẹn."

All we have willed or hoped or dreamed of good shall exist;Not in its semblance, but itself: no beauty, nor good, nor power Whose voice has gone forth, but each survives for the melodist. When eternity affirms the conception of an hour.

"Tất cả những gì ta đã mong muốn hay hy vọng hay mơ ước về điều tốt sẽ tồn tại; Không phải dưới dạng giống nó, mà là chính nó: không có vẻ đẹp, không điều tốt, không quyền lực nào Đã từng vang lên mà không còn sống cho người nghệ sĩ chơi khúc nhạc. Khi vĩnh cửu khẳng định khái niệm của một giờ."

The high that proved too high, the heroic for earth too hard, The passion that left the ground to lose itself in the sky,Are music sent up to God by the lover and the bard; Enough that He heard it once ; we shall hear it by-and-by.

"Những điều cao cả mà trần thế không vươn tới, điều anh hùng mà trần thế khó đạt được, Đam mê đã rời mặt đất để lạc vào trời cao, Là âm nhạc gửi lên Chúa bởi người tình và thi sĩ; Đủ để Ngài từng nghe; ta sẽ nghe lại sau này."

Another point worth bearing in mind is that this system upon which nature has arranged the life after death is the only imaginable one which could fulfil its object of making every one happy to the fullest extent of his capacity for happiness. If the joy of heaven were of one particular type only, as it is according to the orthodox theory, there must always be some who would weary of it, some who would be incapable of participating in it, either from want of taste in that particular direction, or from lack of the necessary education — to say nothing of that other obvious fact, that if this condition of affairs were eternal, the grossest injustice [72] must be perpetrated by giving practically the same reward to all who enter, no matter what their respective deserts might be.

Một điểm đáng lưu ý nữa là hệ thống mà tự nhiên đã sắp đặt cho đời sống sau khi chết là hệ thống duy nhất có thể tưởng tượng được có thể hoàn thành mục tiêu là làm cho mỗi người hạnh phúc đến mức đầy đủ nhất trong khả năng hạnh phúc của mình. Nếu niềm vui của thiên đàng chỉ có một loại nhất định, như quan niệm chính thống đề cập, thì sẽ luôn có một số người cảm thấy mệt mỏi với nó, một số người không thể tham gia vào nó, do không có sở thích theo hướng đó, hoặc thiếu sự giáo dục cần thiết — chưa kể đến thực tế rõ ràng khác rằng nếu tình trạng này là vĩnh cửu, thì một sự bất công trắng trợn sẽ phải xảy ra khi ban thưởng gần như giống hệt cho tất cả những ai bước vào, bất kể công lao của mỗi người là gì.

Again, what other arrangement with regard to relatives and friends could possibly be equally satisfactory ? If the departed were able to follow the fluctuating fortunes of their friends on earth, happiness would be impossible for them ; if, without knowing what was happening to them, they had to wait until the death of those friends before meeting them, there would be a painful period of suspense, often extending over many years,

Thêm vào đó, còn có cách sắp xếp nào với người thân và bạn bè có thể thỏa đáng như thế này? Nếu người đã khuất có thể theo dõi những biến động trong cuộc đời bạn bè của họ trên trần thế, hạnh phúc sẽ trở nên không thể; nếu không biết điều gì đang xảy ra với họ, họ phải đợi cho đến khi những người bạn đó qua đời trước khi gặp lại họ, sẽ có một thời gian chờ đợi đau đớn, thường kéo dài nhiều năm, trong khi người bạn đó trong nhiều trường hợp sẽ

while the friend would in many cases arrive so much changed as to be no longer sympathetic.

thay đổi nhiều đến mức không còn sự hòa hợp.

On the system so wisely provided for us by nature every one of these difficulties is avoided; a man decides for himself both the length and the character of his heaven-life by the causes which he himself generates during his earth-life; therefore he cannot but have exactly the amount which he has deserved, and exactly that quality of joy which is best suited to his idiosyncrasies. Those whom he loves most he has ever with him, and always at their noblest and best; while no shadow of discord or change can ever come between them, since he receives from them all the time exactly what he wishes. In point of fact, the arrangement really made is infinitely superior to anything which the imagination of man has been able to offer us in its place; as indeed we might have expected, for all those speculations were man's idea of what is best; but the truth is God's idea.

Với hệ thống mà tự nhiên đã khôn ngoan cung cấp cho chúng ta, mọi khó khăn này đều được tránh; một người tự quyết định cả thời gian lẫn tính chất của đời sống thiên đàng của mình bằng những nguyên nhân mà người đó tự tạo ra trong đời sống trần; vì vậy người đó không thể không có chính xác số lượng mà người đó xứng đáng, và chính xác chất lượng của niềm vui phù hợp nhất với đặc điểm riêng biệt của mình. Những người mà họ yêu thương nhất luôn ở bên họ, và luôn ở trạng thái tốt nhất và cao quý nhất; không có bóng dáng của bất hòa hay thay đổi nào có thể xen vào giữa họ, vì họ nhận được từ những người thân yêu chính xác những gì mình mong muốn. Thực tế, sự sắp xếp này thực sự vượt xa bất cứ điều gì mà trí tưởng tượng của con người có thể cung cấp thay thế; vì như chúng ta có thể mong đợi, tất cả những suy đoán đó đều là ý tưởng của con người về những gì tốt nhất; nhưng chân lý là ý tưởng của Thượng đế.

## The Renunciation of Heaven – Sự Từ Bỏ Cuộc Sống Cõi Thiên Đàng

It has long been understood among students of occultism that among the possibilities of more rapid progress which come to a man as he advances is that of “renouncing the reward of Devachan” as it has been called [73] — that is, of giving up the life of bliss in the heaven-world between two incarnations in order to return more rapidly to carry on work on the physical plane. The phrase quoted is not a very good one, for we shall be much more likely to arrive at a correct understanding of the heaven-life if we look upon it as the necessary result of the earth-life, rather than as its reward. In the course of his physical existence a man sets in motion by his higher thoughts and aspirations what may be described as a

Các học viên huyền bí đã từ lâu hiểu rằng một trong những khả năng tiến bộ nhanh hơn mà một người có thể đạt được khi tiến hóa là "từ bỏ phần thưởng của Devachan" — tức là từ bỏ đời sống phúc lạc trong thế giới thiên đàng giữa hai lần tái sinh để có thể trở lại nhanh chóng hơn để tiếp tục công việc trên cõi trần. Cụm từ được trích dẫn này không phải là một cụm từ tốt lắm, vì chúng ta sẽ dễ dàng hiểu đúng hơn về đời sống thiên đàng nếu xem nó là kết quả tất yếu của cuộc sống trần gian hơn là phần thưởng của cuộc sống đó. Trong suốt cuộc đời vật chất của mình, một người đã khởi tạo bởi những suy nghĩ và khát vọng cao hơn một lượng nhất định năng lượng tinh thần, mà sẽ tác động trở lại người đó khi lên đến cõi

certain amount of spiritual force, which will react upon him when he reaches the mental plane. If there be but little of this force, it will be comparatively soon exhausted, and the heaven-life. will be a short one; if, on the contrary, a great deal has been generated, a corresponding space of time will be needed for its full working, and the heaven will be very greatly prolonged.

trí. Nếu lượng năng lượng này không nhiều, nó sẽ nhanh chóng tiêu tan, và đời sống thiên đàng sẽ ngắn ngủi; ngược lại, nếu năng lượng này nhiều, sẽ cần một khoảng thời gian tương ứng để nó có thể vận hành hoàn toàn, và đời sống thiên đàng sẽ kéo dài đáng kể.

As a man develops in spirituality, therefore, his lives in the heaven-world will become longer, but it must not be supposed that his progress is thereby delayed or his opportunities of usefulness lessened. For all but very highly advanced persons the heaven-life is absolutely necessary, as it is only under its conditions that their aspirations can be developed into faculty, their experiences into wisdom; and the progress which is thus made by the soul is far greater than would be possible if by some miracle he was enabled to remain in physical incarnation for the entire period. If it were otherwise, obviously the whole law of nature would stultify itself, for the nearer it came to the attainment of its great object, the more determined and formidable would be its efforts to defeat itself — hardly a reasonable view to take of a law which we know to be an expression of the most exalted wisdom!

Vì vậy, khi một người phát triển về mặt tinh thần, đời sống của họ trong thế giới thiên đàng sẽ kéo dài hơn, nhưng không nên nghĩ rằng sự tiến bộ của họ vì thế mà bị trì hoãn hay cơ hội hữu ích của họ bị giảm bớt. Đối với tất cả trừ những người cực kỳ tiến bộ, đời sống thiên đàng là tuyệt đối cần thiết, vì chỉ dưới điều kiện của đời sống đó mà những khát vọng của họ mới có thể phát triển thành năng lực, những kinh nghiệm thành trí huệ; và sự tiến bộ mà linh hồn đạt được theo cách này lớn hơn rất nhiều so với những gì có thể nếu nhờ vào một phép màu nào đó mà họ được ở lại trong sự hiện diện vật chất suốt khoảng thời gian đó. Nếu không như vậy, rõ ràng là toàn bộ định luật tự nhiên sẽ tự mâu thuẫn, vì càng đến gần mục tiêu lớn của mình, nó sẽ càng cố gắng và quyết liệt ngăn chặn chính mình — một quan điểm khó mà hợp lý khi chúng ta biết rằng đây là sự biểu hiện của trí tuệ cao cả nhất!

The possibility of the renunciation of this heaven-life is by no means within the reach of every one. The Great Law [74] permits no man to renounce blindly that of which he is ignorant, nor to depart from the ordinary course of evolution unless and until it is certain that such departure will be for his ultimate benefit.

Khả năng từ bỏ đời sống thiên đàng này không phải là điều mà ai cũng có thể đạt tới. Định Luật Vĩ Đại không cho phép bất kỳ ai từ bỏ mù quáng điều mà họ không biết, cũng không cho phép ai rời khỏi con đường tiến hóa thông thường trừ khi và cho đến khi chắc chắn rằng sự rời khỏi đó sẽ mang lại lợi ích cuối cùng cho họ.

The general rule is that no one is in a position to renounce the bliss of heaven until he has experienced it during earth-life — until he is

Quy tắc chung là không ai có thể từ bỏ hạnh phúc của thiên đàng cho đến khi họ đã trải nghiệm nó trong đời sống trần — cho đến khi

sufficiently developed to be able to raise his consciousness to that plane, and bring back with him a clear and full memory of that glory which so far transcends terrestrial conception.

họ đủ phát triển để có thể nâng cao ý thức của mình lên cõi đó và mang về một ký ức rõ ràng và đầy đủ về vinh quang ấy, vượt xa khỏi mọi khái niệm trần thế.

A little thought will make obvious the reason and the justice of this. It might be said that since it is the progress of the soul which is really in question, it would be sufficient for him to understand on his own plane the desirability of making the sacrifice of celestial bliss, and then to compel his lower self to act in accordance with his decision. Yet that would hardly be strict justice, for the enjoyment of heavenly bliss on the rûpa levels, though it belongs to the ego, belongs to him only as manifested through his personality; it is the life of that personality, with all its familiar personal surroundings, that is carried on in the lower heaven-world. And so before the renunciation of all this can take place, that personality must realize clearly what it is that is being given up; the lower mind must be in accord with the higher on this subject.

Chỉ cần suy nghĩ một chút là có thể thấy được lý do và sự công bằng của điều này. Có thể nói rằng vì đó là sự tiến bộ của linh hồn đang được quan tâm, nên chỉ cần người đó hiểu trên cõi của mình rằng việc từ bỏ niềm vui thiên đàng là đáng làm, sau đó buộc phàm ngã phải hành động theo quyết định của mình. Tuy nhiên, điều đó khó có thể được xem là công bằng tuyệt đối, vì sự hưởng thụ phúc lạc thiên đàng ở các cấp độ rûpa, mặc dù thuộc về chân ngã, nhưng chỉ thuộc về người đó khi được thể hiện qua phàm ngã của mình; đó là đời sống của phàm ngã đó, với tất cả các mối liên hệ cá nhân quen thuộc của nó, được tiếp tục trong thế giới thiên đàng thấp hơn. Vì vậy, trước khi từ bỏ tất cả những điều này, phàm ngã phải hiểu rõ những gì mình đang từ bỏ; tâm trí thấp phải đồng thuận với tâm trí cao về chủ đề này.

Now such realization obviously involves the possession during earth-life of a consciousness on the mental plane equivalent to that which the person in question would have after death. But it must be remembered that the evolution of consciousness takes place from below upward, as it were, and that the comparatively undeveloped majority of mankind are effectively conscious as yet only in the physical body. Their astral bodies are for the most part still shapeless and unorganized — bridges of communication indeed [75] between the ego and its physical vesture, and even vehicles for the reception of sensation, but in no sense as yet instruments in the hand of the real man or adequate expressions of his future powers on that

Sự nhận thức này rõ ràng đòi hỏi sự sở hữu ý thức về cõi trí trong đời sống trần tương đương với ý thức mà người đó sẽ có sau khi chết. Nhưng cần nhớ rằng sự tiến hóa của ý thức diễn ra từ dưới lên trên, và đa số nhân loại chưa phát triển vẫn chỉ có ý thức thực sự trong thân xác vật lý. Thể cảm dục của họ chủ yếu vẫn chưa có hình dạng và chưa được tổ chức — chỉ là các cây cầu liên lạc giữa chân ngã và lớp vỏ vật lý của nó, và thậm chí là phương tiện để tiếp nhận cảm giác, nhưng chưa phải là công cụ trong tay của con người thực sự hay là sự biểu hiện đầy đủ của các năng lực tương lai của họ trên cõi đó.

plane.

In the more advanced races of mankind we find the astral body much more developed, and the consciousness in it in many cases fairly complete potentially, though even then in most cases the man is entirely self-centred — conscious of his own thoughts mainly, and but little of his actual surroundings. To advance still further, some few of those who have taken up the study of occultism have been regularly awakened on that plane, and have therefore entered upon the full use of their astral faculties, and are deriving in many ways great benefit therefrom.

Trong các chủng tộc tiến bộ hơn của nhân loại, chúng ta thấy thể cảm dục phát triển hơn nhiều, và ý thức trong thể này trong nhiều trường hợp đã khá hoàn chỉnh tiềm năng, mặc dù ngay cả lúc đó trong hầu hết các trường hợp, người đó vẫn hoàn toàn tự tập trung vào bản thân mình — chủ yếu có ý thức về suy nghĩ của chính mình, và ít quan tâm đến môi trường thực tế xung quanh. Tiến xa hơn nữa, một số ít người đã nghiên cứu huyền bí học đã được đánh thức thường xuyên trên cõi đó, và do đó đã bắt đầu sử dụng đầy đủ các năng lực của thể cảm dục, và đang thu được nhiều lợi ích lớn từ đó theo nhiều cách khác nhau.

It does not, however, necessarily follow that such men should at first, or even for some considerable time, remember upon the physical plane the activities and experiences of their astral life. As a general rule they would do so partially and intermittently, but there are cases in which for various reasons practically nothing worth calling a memory of that higher existence finds its way through into the physical brain.

Tuy nhiên, điều này không nhất thiết có nghĩa là những người này phải nhớ ngay lập tức hoặc trong một thời gian dài trên cõi trần về các hoạt động và trải nghiệm của đời sống cảm dục của mình. Theo quy tắc chung, họ sẽ nhớ lại một phần và từng lúc, nhưng có những trường hợp mà vì nhiều lý do khác nhau, hầu như không có gì đáng gọi là ký ức về sự tồn tại cao hơn đó thẩm thấu vào não bộ vật lý.

Any kind of definite consciousness on the mental plane would, of course, indicate still further advancement, and in the case of a man who was developing quite normally and regularly we should expect to find such consciousness dawning only as the connection between the astral and the physical became fairly well established. But in this one-sided and artificial condition which we call modern civilization, people do not always develop quite regularly and normally, and so there are cases to be found in which a considerable amount of consciousness on the mental plane has been acquired and duly linked on to the astral life, and yet no knowledge of all this higher existence ever

Bất kỳ loại ý thức xác định nào trên cõi trí tất nhiên sẽ chỉ ra sự tiến bộ xa hơn nữa, và trong trường hợp của một người phát triển bình thường và đều đặn, chúng ta mong đợi sẽ thấy sự ý thức đó chỉ xuất hiện khi sự liên kết giữa thể cảm dục và thể xác đã được thiết lập khá tốt. Nhưng trong điều kiện một chiều và nhân tạo mà chúng ta gọi là nền văn minh hiện đại, con người không phải lúc nào cũng phát triển đều đặn và bình thường, và vì vậy, có những trường hợp trong đó một lượng lớn ý thức trên cõi trí đã được phát triển và được liên kết đúng cách với đời sống cảm dục, và mặc dù vậy, không có kiến thức nào về tất cả sự tồn tại cao hơn này xuyên qua não vật lý.

gets through into the physical brain at all.[76]

Such cases are very rare, but they certainly do exist, and in them we see at once the possibility of an exception to our rule. A personality of this type might be sufficiently developed to taste the indescribable bliss of heaven and so acquire the right to renounce it, while he was able to bring the memory of it no farther down than into his astral life. But since by the hypothesis that astral life would be one of full and perfect consciousness for the personality, such recollection would be amply sufficient to fulfil the requirements of justice, even though no shadow of all this ever came through into the physical waking consciousness. The great point to bear in mind is that since it is the personality that must resign, it is also the personality that must experience, and it must bring back the recollection to some plane on which it functions normally and in full consciousness; but that plane need not be the physical if these conditions are fulfilled upon the astral. Such a case would be unlikely to occur except among those who were already at least probationary pupils of one of the Masters of Wisdom.

Những trường hợp như vậy rất hiếm, nhưng chúng chắc chắn tồn tại, và trong đó, chúng ta thấy ngay khả năng có một ngoại lệ đối với quy tắc của chúng ta. Một phàm ngã thuộc loại này có thể đủ phát triển để trải nghiệm niềm vui không thể tả của thiên đàng và do đó có được quyền từ bỏ nó, trong khi chỉ có thể mang ký ức về điều đó xuống đến đời sống cảm dục. Nhưng vì theo giả thuyết thì đời sống cảm dục sẽ là một đời sống của ý thức đầy đủ và hoàn hảo đối với phàm ngã, nên sự hồi tưởng này hoàn toàn đủ để đáp ứng yêu cầu của công lý, ngay cả khi không có chút dấu vết nào về tất cả những điều này lọt vào ý thức thức tỉnh trên trần. Điều quan trọng cần ghi nhớ là vì chính phàm ngã phải từ bỏ, nên chính phàm ngã cũng phải trải nghiệm, và nó phải mang ký ức trở lại một cõi mà nó hoạt động bình thường và có ý thức đầy đủ; nhưng cõi đó không nhất thiết phải là cõi vật lý nếu những điều kiện này được đáp ứng trên cõi cảm dục. Một trường hợp như vậy khó có thể xảy ra ngoại trừ trong số những người đã ít nhất là sinh viên dự bị của một trong các Chân sư Minh triết.

The man who wishes to perform this great feat must therefore work with the most intense earnestness to make himself a worthy instrument in the hands of those who help the world — must throw himself with the most devoted fervour into labour for the spiritual good of others, not arrogantly assuming that he is already fit for so great an honour, but rather humbly hoping that perhaps after a life or two of strenuous effort his Master may tell him that the time has come when to him also this may be a possibility.

Người muốn thực hiện kỳ công vĩ đại này vì vậy phải làm việc với sự nghiêm túc nhất để biến mình thành công cụ xứng đáng trong tay những người giúp đỡ thế gian — phải lao vào công việc với niềm nhiệt thành vị tha nhất để mang lại lợi ích tinh thần cho người khác, không tự mãn cho rằng mình đã đủ thích hợp để nhận được danh dự cao cả như vậy, mà khiêm tốn hy vọng rằng có lẽ sau một hoặc hai kiếp sống cố gắng không ngừng, Chân Sư của mình sẽ nói rằng thời điểm đã đến khi khả năng này cũng có thể trở thành hiện thực đối với người ấy.

We now turn from the four lower or rûpa levels of the mental plane, on which man functions in his temporary personality, to the consideration of the three higher or arûpa [77] levels, his true and relatively permanent home. Here, so far as he sees at all, he sees clearly, for he has risen above the illusions of personality and the refracting medium of the lower self, and though his consciousness may be dim, dreamily unobservant and scarcely awake, yet his vision is at least true, however limited. The conditions of consciousness are so far away from all with which we are familiar down here that all terms known to psychology are useless and misleading. This has been called the realm of the noumenal in contrast with the phenomenal, of the formless in contrast with the formed; but it is still a world of manifestation, however real when opposed to the unrealities of lower states, and it still has forms, however rare in their materials and subtle in their essence.

Giờ đây, chúng ta chuyển từ bốn cấp độ thấp hơn hay các cấp độ rûpa của cõi trí, nơi con người hoạt động trong phàm ngã tạm thời của mình, sang xem xét ba cấp độ cao hơn hay các cấp độ arûpa, ngôi nhà chân thật và tương đối thường hằng của y. Ở đây, dù y có nhận thức thế nào, y nhìn thấy một cách rõ ràng, bởi vì y đã vượt lên trên những ảo tưởng của phàm ngã và môi trường khúc xạ của phàm ngã thấp hơn; và mặc dù ý thức của y có thể mờ nhạt, lờ đờ không nhận thức và hầu như không tỉnh thức, thì ít nhất, tầm nhìn của y là chân thực, dù có hạn chế. Điều kiện của ý thức ở đây xa lạ đến mức tất cả các thuật ngữ trong tâm lý học đều vô dụng và gây hiểu lầm. Đây được gọi là cõi hiện thực (noumenal) đối lập với hiện tượng, cõi vô hình dạng đối lập với có hình dạng; nhưng dù thực hơn khi so với các cõi ảo tưởng thấp hơn, đây vẫn là một thế giới biểu hiện, và vẫn có hình dạng, dù tinh tế và tinh vi trong bản chất của chúng.

After the period of what we usually call the heaven-life is over, there is still another phase of existence for the soul before it is re-born on earth, and though in the case of most people this stage is a comparatively short one, we must not ignore it if we wish to have a complete conception of man's superphysical life.

Sau giai đoạn mà chúng ta thường gọi là đời sống thiên đàng, linh hồn vẫn còn một giai đoạn tồn tại nữa trước khi tái sinh trên trần thế; và mặc dù trong trường hợp của đa số người, giai đoạn này tương đối ngắn, chúng ta không thể bỏ qua nó nếu muốn có một cái nhìn hoàn chỉnh về đời sống siêu vật lý của con người.

We are perpetually misunderstanding the life of man because we are in the habit of taking a partial view of it, and entirely disregarding its real nature and object. We generally look at it, in fact, from the point of view of the physical body, and not in the least from that of the soul; and we therefore get the whole thing utterly out of proportion. Each movement of the ego towards these lower planes and back is in reality a vast circular sweep; we take a little fragment of the lower arc of this circle and

Chúng ta liên tục hiểu sai về đời sống của con người vì có thói quen nhìn nó từ một quan điểm phiến diện và hoàn toàn bỏ qua bản chất và mục tiêu thực sự của nó. Chúng ta thường nhìn nó từ quan điểm của thể xác, chứ không phải từ quan điểm của linh hồn; do đó, chúng ta hoàn toàn mất đi sự cân đối về nó. Mỗi chuyển động của chân ngã hướng về các cõi thấp hơn và trở lại là một vòng cung lớn trong thực tế; chúng ta chỉ nhìn một phần nhỏ của vòng cung thấp này và coi nó như một đường

regard it as a straight line, attaching quite undue importance to its beginning and ending, while the real turning-point of the circle naturally entirely escapes us.

thẳng, gán cho nó tầm quan trọng không đáng có vào điểm khởi đầu và kết thúc của nó, trong khi điểm quay thực sự của vòng cung thì lại hoàn toàn thoát khỏi sự chú ý của chúng ta.

Think of the matter for a moment as it must seem to the true man on his own plane, as soon as he begins to be at all [78] clearly conscious there. In obedience to the desire for manifestation which he finds within him, which is impressed upon him by that law of evolution which is the will of the Logos, he copies the action of that Logos by pouring himself forth into lower planes.

Hãy suy nghĩ về vấn đề này trong một phút như nó phải hiện lên với chân ngã thật sự trên cõi của chính mình, ngay khi y bắt đầu có chút ý thức rõ ràng ở đó. Tuân theo ước muốn biểu hiện mà y tìm thấy trong chính mình, được áp đặt bởi luật tiến hóa, tức ý chí của Logos, y bắt chước hành động của Logos bằng cách dốc sức ra các cõi thấp hơn.

In the course of this process he clothes himself with matter of the various planes into which he passes — mental, astral, and physical in turn, all the while steadily pressing outward. Through the earlier part of that little fragment of existence on the physical plane which we call his life, the outward force is still strong, but at about the middle of it, in ordinary cases, that force becomes exhausted, and the great inward sweep begins.

Trong quá trình này, y bao bọc bản thân bằng vật chất của các cõi mà y đi qua — lần lượt là trí tuệ, cảm dục, và vật lý, trong khi vẫn kiên định hướng ra ngoài. Trong phần đầu của đoạn ngắn này trên cõi vật lý, mà chúng ta gọi là cuộc đời của y, lực đẩy ra vẫn còn mạnh, nhưng vào khoảng giữa của nó, trong những trường hợp thông thường, lực đó cạn kiệt, và quá trình rút vào bên trong bắt đầu.

Not that there is any sudden or violent change, for this is not an angle, but still part of the curve of the same circle — exactly corresponding to the moment of aphelion in a planet's course round its orbit. Yet it is the real turning-point of that little cycle of evolution, though with us it is usually not marked in any way. In the old Indian scheme of life it was marked as the end of the grihastha or householder period of the man's earthly existence.

Không phải có sự thay đổi đột ngột hay dữ dội nào, vì đây không phải là một góc, mà vẫn là một phần của đường cong trong cùng một vòng tròn — hoàn toàn tương ứng với thời điểm viễn nhật trong quỹ đạo của một hành tinh. Tuy nhiên, đây là điểm quay thực sự của chu kỳ tiến hóa nhỏ đó, mặc dù với chúng ta thường không có dấu hiệu nào đặc biệt để đánh dấu điều này. Trong hệ thống đời sống cổ xưa của Ấn Độ, điểm này được coi là kết thúc của giai đoạn gia chủ (grihastha) trong đời sống trần thế của con người.

From this point there should be nothing but a steady drawing inward of the whole force of the man, and his attention ought to be more and more withdrawn from mere earthly things, and concentrated on those of higher

Từ điểm này, toàn bộ lực của con người chỉ nên được kéo vào bên trong một cách kiên định, và sự chú ý của y cần ngày càng rời xa những thứ thuần túy trần thế và tập trung vào những điều của các cõi cao hơn — từ đó chúng ta dễ

planes — from which we at once see how exceedingly ill-adapted to real progress are the modern conditions of European life.

dàng thấy được rằng điều kiện sống hiện đại của châu Âu cực kỳ không thích hợp cho tiến bộ thực sự.

The point at which the man drops his physical body is not a specially important one in this arc of evolution — by no means so important as the next change, which we might call his death on the astral plane and his birth in the heaven-world, although really it is simply the transfer of the consciousness from astral matter to mental matter in the course [79] of the same steady withdrawal of which we have already spoken.

Điểm mà con người từ bỏ thể xác không phải là một điểm quan trọng đặc biệt trong vòng cung tiến hóa này — không quan trọng bằng sự thay đổi tiếp theo, mà chúng ta có thể gọi là cái chết của y trên cõi cảm dục và sự sinh ra của y trong thế giới thiên đàng, mặc dù thực chất nó chỉ là sự chuyển giao ý thức từ vật chất cảm dục sang vật chất trí tuệ trong cùng một quá trình rút lui đã nói đến.

The final result of the life is known only when in that process of withdrawal the consciousness is once more centred in the ego in his home in the higher heaven-world; then it is seen what new qualities he has acquired in the course of that particular little cycle of his evolution. At that time also a glimpse of the life as a whole is obtained; the soul has for a moment a flash of clearer consciousness, in which he sees the results of the life just completed, and something of what will follow from it in his next birth.

Kết quả cuối cùng của cuộc đời chỉ được biết khi trong quá trình rút lui đó, ý thức lại một lần nữa tập trung vào chân ngã ở nhà của mình trong cõi thiên đàng cao hơn; khi đó, người ta thấy được những phẩm chất mới mà y đã đạt được trong chu kỳ tiến hóa nhỏ đó. Vào thời điểm đó, y cũng có cái nhìn thoáng qua về cuộc sống như một tổng thể; linh hồn có trong giây lát một ý thức rõ ràng hơn, trong đó y thấy các kết quả của cuộc đời vừa hoàn tất, và phần nào đó thấy được những gì sẽ theo sau trong lần tái sinh kế tiếp.

This glimpse can hardly be said to involve a knowledge of the nature of the next incarnation, except in the vaguest and most general sense; no doubt the main object of the coming life would be seen, but the vision would be chiefly valuable to the soul as a lesson in the karmic result of his action in the past. It offers him an opportunity, of which he takes more or less advantage according to the stage of development to which he has already attained.

Cái nhìn thoáng qua này không thể được xem là sự hiểu biết đầy đủ về bản chất của kiếp tái sinh tiếp theo, ngoại trừ trong ý nghĩa mơ hồ và tổng quát nhất; không nghi ngờ gì, mục tiêu chính của kiếp sống sắp tới sẽ được thấy, nhưng tầm nhìn này chủ yếu có giá trị đối với linh hồn như một bài học về kết quả nghiệp quả của các hành động trong quá khứ. Nó mang đến cho y một cơ hội, mà y sẽ lợi dụng nhiều hay ít tùy vào mức độ phát triển mà y đã đạt được.

At first he makes little of it, since he is but very dimly conscious and very poorly fitted to apprehend facts and their varied inter-relations; but gradually his power to

Lúc đầu, y ít ý thức được điều này, vì y chỉ mờ nhạt có ý thức và rất kém khả năng nắm bắt các sự kiện và các mối quan hệ phức tạp của chúng; nhưng dần dần khả năng cảm nhận

appreciate what he sees increases, and later the ability comes to remember such flashes at the end of previous lives, and to compare them, and so to estimate the progress which he is making along the road which he has to traverse.

những gì y thấy tăng lên, và sau đó y có khả năng nhớ lại những tia sáng như vậy ở cuối các kiếp sống trước, để so sánh chúng, và do đó ước lượng sự tiến bộ mà y đang đạt được trên con đường mà y phải đi qua.

## Vùng Thứ Năm Của Cõi Thiên Đàng

This, the lowest of the arûpa sub-planes, is also by far the most populous of all the regions with which we are acquainted, for here are present almost all the sixty thousand millions of souls who are said to be engaged in the present human evolution — all, in fact, except the comparatively small [80] number who are capable of functioning on the second and first sub-planes. Each soul is represented by an ovoid form — at first a mere film, colourless and almost invisible, of most tenuous consistency; but, as the ego develops, this body begins to show a shimmering iridescence like a soap-bubble, colours playing over its surface like the changing hues made by sunlight on the spray of a waterfall.

Đây, phân cõi thấp nhất trong các phân cõi arûpa, cũng là khu vực đông đúc nhất trong tất cả các vùng mà chúng ta biết, vì tại đây hiện diện hầu hết sáu mươi tỷ linh hồn được cho là đang tham gia vào tiến trình tiến hóa nhân loại hiện nay — tất cả, trên thực tế, trừ một số ít so sánh nhỏ những linh hồn có khả năng hoạt động trên phân cõi thứ hai và thứ nhất. Mỗi linh hồn được biểu hiện bởi một hình dạng bầu dục — ban đầu chỉ là một màng mỏng, không màu và gần như vô hình, với độ đậm đặc rất mỏng manh; nhưng khi chân ngã phát triển, thể này bắt đầu thể hiện sự óng ánh lung linh như bong bóng xà phòng, với các màu sắc thay đổi lấp lánh trên bề mặt của nó, như ánh sáng mặt trời chiếu lên những giọt nước trong tia nước phun.

Composed of matter inconceivably fine, delicate and ethereal, intensely alive and pulsating with living fire, it becomes as its evolution proceeds a radiant globe of flashing colours, its high vibrations sending ripples of changing hues over its surface — hues of which earth knows nothing — brilliant, soft and luminous beyond the power of language to describe. Take the colours of an Egyptian sunset and add to them the wonderful softness of an English sky at eventide — raise these as high above themselves in light and translucency and splendour as they are above the colours given by the cakes of a child's paint-box — and even then none who have not seen can image the beauty of these radiant

Được cấu thành từ vật chất tinh tế đến mức không thể tưởng tượng, sống động và rung động mạnh mẽ với lửa sống, nó trở thành một khối cầu rực rỡ của những màu sắc chớp lòe khi sự tiến hóa của nó tiếp diễn, với các rung động cao của nó tạo ra những sóng màu sắc biến đổi trên bề mặt — những màu sắc mà trần gian chưa từng biết — rực rỡ, mềm mại và sáng chói vượt quá sức ngôn từ có thể diễn đạt. Hãy lấy màu sắc của hoàng hôn Ai Cập và thêm vào đó sự mềm mại tuyệt vời của bầu trời Anh quốc vào buổi chiều tà — nâng chúng lên cao hơn bản thân chúng về độ sáng, trong suốt và lộng lẫy như chúng cao hơn so với màu sắc của các bánh màu của một hộp màu trẻ em — và ngay cả khi đó, không ai chưa từng thấy có thể

orbs which flash into the field of clairvoyant vision as it is lifted to the level of this supernal world.

hình dung được vẻ đẹp của những khối cầu rực rỡ này khi chúng lóe lên trong trường nhìn của người có năng lực thông nhãn khi nó được nâng lên đến mức của thế giới siêu việt này.

All these causal bodies are filled with living fire drawn from a higher plane, with which the globe appears to be connected by a quivering thread of intense light, vividly recalling to the mind the words of the stanzas of Dzyan, " the Spark hangs from the Flame by the finest thread of Fohat"; and as the soul grows and is able to receive more and more from the inexhaustible ocean of the Divine Spirit which pours down through the thread as a channel, the latter expands and gives wider passage to the flood, till on the next sub-plane it might be imaged as a water-spout connecting earth and sky, and higher still as itself a great globe through which rushes the living spring, until the causal body seems to melt into the in-pouring light. Once more the [81] Stanza says it for us: " The thread between the Watcher and his shadow becomes more strong and radiant with every change. The morning sunlight has changed into noon-day glory. This is thy present wheel, said the Flame to the Spark. Thou art myself, my image and my shadow. I have clothed myself in thee, and thou art my vahan to the day, ' Be-with-us,' when thou shall re-become myself and others, thyself and me."

Tất cả những nhân thể này đều tràn đầy ngọn lửa sống được hút từ một cõi cao hơn, mà khối cầu dường như được kết nối bằng một sợi dây ánh sáng mạnh mẽ rung lên, gợi nhớ sinh động đến những lời trong các câu kệ của Dzyan, "Tia Lửa treo lơ lửng từ Ngọn Lửa qua sợi dây mỏng nhất của Fohat"; và khi linh hồn lớn lên và có thể nhận nhiều hơn nữa từ đại dương Thiêng liêng bất tận đang chảy xuống qua sợi dây như một kênh, sợi dây này mở rộng và cho phép dòng chảy tràn vào, cho đến khi trên phân cõi tiếp theo, nó có thể được ví như một cột nước nối liền đất và trời, và cao hơn nữa, như chính nó là một quả cầu lớn, qua đó dòng suối sống chảy xiết, cho đến khi thể nhân dường như tan biến trong ánh sáng tràn vào. Một lần nữa, câu kệ này diễn tả điều đó: "Sợi dây giữa Người Quan Sát và hình bóng của nó trở nên mạnh mẽ và rực rỡ hơn với mỗi sự thay đổi. Ánh sáng ban mai đã biến thành vinh quang giữa trưa. Đây là bánh xe hiện tại của ngươi, ngọn Lửa nói với tia Lửa. Ngươi là ta, hình ảnh và bóng của ta. Ta đã khoác lấy ngươi, và ngươi là vahan của ta cho đến ngày 'Hãy-có-mặt-cùng-chúng-ta,' khi ngươi sẽ tái trở thành ta và những người khác, chính ngươi và ta."

The souls who are connected with a physical body are distinguishable from those enjoying the disembodied state by a difference in the types of vibrations set up on the surface of the globes, and it is therefore easy on this plane to see at a glance whether an individual is or is not in incarnation at the time. The immense majority, whether in or out of the body, are but dreamily semi-conscious, though few are now in the condition of mere colourless films; those who are fully awake are marked and

Các linh hồn được kết nối với một thân xác vật lý có thể phân biệt được với những linh hồn đang tận hưởng trạng thái thoát xác qua sự khác biệt trong loại rung động tạo ra trên bề mặt của các khối cầu, và do đó, trên cõi này dễ dàng nhận thấy một người có đang hóa thân hay không. Đa số khổng lồ, dù ở trong hay ngoài thể xác, chỉ có ý thức bán mơ màng, mặc dù hiện nay ít ai còn là những màng phim vô sắc đơn thuần; những người hoàn toàn tỉnh thức là những ngoại lệ nổi bật và sáng chói, nổi

brilliant exceptions, standing out amid the less radiant crowds like stars of the first magnitude, and between these and the least-developed are ranged every variety of size and beauty of colour — each thus representing the exact stage of evolution at which he has arrived.

bật giữa đám đông ít rực rỡ hơn như những ngôi sao sáng nhất, và giữa họ với những người kém phát triển nhất có vô vàn các kích cỡ và vẻ đẹp của màu sắc — mỗi người như thế biểu thị chính xác giai đoạn tiến hóa mà họ đã đạt được.

The majority are not yet sufficiently definite, even in such consciousness as they possess, to understand the purpose or the laws of the evolution in which they are engaged; they seek incarnation in obedience to the impulse of the Cosmic Will, and also to Tanhâ, the blind thirst for manifested life — a desire to find some region in which they can feel and be conscious of living. For in their earlier stages these undeveloped souls cannot feel the intensely rapid and piercing vibrations of the highly-refined matter of their own plane; the strong and coarse but comparatively slow movements of the heavier matter of the physical plane are the only ones-that can evoke any response from them. So it is only upon [82] the physical plane that they feel themselves to be alive at all, and this explains their strong craving for re-birth into earth-life. Thus for a time their desire agrees exactly with the law of their evolution. They can develop only by means of these impacts from without, to which they are gradually roused to respond, and in this early stage they can receive them only in earth-life. By slow degrees their power of response increases, and is awakened first to the higher and finer of the physical vibrations, and still more slowly to those of the astral plane. Then their astral bodies, which until now have been merely bridges to convey sensations to the soul, gradually become definite vehicles which they can use, and their consciousness begins to be centred rather in their emotions than in mere physical sensations.

Đa số vẫn chưa đủ định hình, ngay cả trong tâm thức họ có, để hiểu mục đích hay các định luật của tiến hóa mà họ đang tham gia; họ tìm kiếm hóa thân tuân theo xung lực của Ý chí Vũ trụ, và cũng bởi Tanhâ, khát khao mù quáng cho đời sống biểu hiện — một mong muốn tìm thấy một cõi giới nơi họ có thể cảm nhận và có ý thức về sự sống. Vì trong giai đoạn ban đầu, các linh hồn chưa phát triển này không thể cảm nhận các rung động nhanh và mãnh liệt của vật chất tinh tế cao của cõi của họ; chỉ có các chuyển động mạnh mẽ và chậm hơn tương đối của vật chất nặng hơn ở cõi vật lý mới có thể khơi dậy bất kỳ phản ứng nào từ họ. Vì vậy, chỉ trên cõi vật lý mà họ mới cảm thấy mình thực sự sống, và điều này giải thích khao khát mạnh mẽ của họ cho sự tái sinh vào đời sống trần gian. Do đó, trong một thời gian, mong muốn của họ hoàn toàn phù hợp với luật tiến hóa của họ. Họ chỉ có thể phát triển thông qua những tác động từ bên ngoài, mà họ dần dần được khơi dậy để phản ứng, và ở giai đoạn đầu này, họ chỉ có thể nhận chúng trong đời sống trần thế. Từng bước một, khả năng phản ứng của họ tăng lên, và trước tiên là tỉnh thức với những rung động cao hơn và tinh tế hơn của cõi vật lý, và chậm hơn nữa với những rung động của cõi cảm dục. Sau đó, các thể cảm dục của họ, mà cho đến giờ chỉ là những cây cầu để truyền đạt cảm giác đến linh hồn, dần dần trở thành các phương tiện xác định mà họ có thể sử dụng, và ý thức của họ bắt đầu tập trung vào cảm xúc hơn là những cảm giác vật lý đơn thuần.

At a later stage, but always by the same process of learning to respond to impacts from without, the souls learn to centre their consciousness in the mental body — to live in and according to the mental images which they have formed for themselves, and so to govern their emotions by the mind. Yet further on the long, long road the centre shifts to the causal body, and the souls realize their true life. When that time comes they will be found upon a higher sub-plane than this, and the lower earthly existence will be no longer necessary for them; but for the present we are thinking of the less evolved majority, who still put forth as groping, waving tentacles into the ocean of existence the personalities which are themselves on the lower planes of life, though they are as yet in no sense aware that these personalities are the means whereby they are to be nourished and to grow. They see nothing of their past or their future, not being yet conscious on their own plane. Still, as they are slowly drawing in experience and assimilating it, there grows up a sense that certain things are good to do and others bad, and this expresses itself imperfectly in the connected personality [83] as the beginning of a conscience, a feeling of right and wrong: and gradually, as they develop, this sense more and more clearly and clearly formulates itself in the lower nature, and becomes a less inefficient guide of conduct.

Ở giai đoạn sau, nhưng luôn thông qua quá trình học cách phản ứng với tác động từ bên ngoài, linh hồn học cách tập trung tâm thức vào thể trí — sống trong và theo những hình ảnh trí tuệ mà họ đã hình thành cho chính mình, và từ đó điều chỉnh cảm xúc của họ bằng tâm trí. Xa hơn trên con đường dài, rất dài, trung tâm sẽ chuyển sang nhân thể, và các linh hồn nhận ra đời sống chân thật của họ. Khi thời gian đó đến, họ sẽ được tìm thấy trên một phân cõi cao hơn phân cõi này, và đời sống trần thấp hơn sẽ không còn cần thiết cho họ nữa; nhưng hiện tại, chúng ta đang nói về đa số kém phát triển hơn, những người vẫn còn phóng ra như những xúc tu dò dẫm, vẫy vùng vào trong đại dương của sự tồn tại các phàm ngã của họ trên các cõi thấp, mặc dù họ vẫn chưa ý thức rằng những phàm ngã này là phương tiện để họ được nuôi dưỡng và trưởng thành. Họ không thấy gì về quá khứ hay tương lai của mình, vì chưa có ý thức trên cõi của chính họ. Tuy nhiên, khi họ từ từ thu nhận kinh nghiệm và đồng hóa nó, dần dần hình thành một cảm giác rằng có những điều nên làm và những điều không nên làm, điều này biểu hiện một cách chưa hoàn thiện trong phàm ngã như là khởi đầu của một lương tâm, cảm giác đúng và sai; và dần dần, khi họ phát triển, cảm giác này ngày càng rõ ràng và hình thành hơn trong bản chất thấp của họ, và trở thành một người dẫn dắt hành vi ít hiệu quả hơn.

By means of the opportunities given by the flash of fuller consciousness to which we have previously referred, the most advanced souls of this sub-plane develop to a point at which they are engaged in studying their past, tracing out the causes set going in it, and learning much from the retrospection, so that the impulses sent downwards become clearer and more definite, and translate themselves in the lower consciousness as firm convictions and imperative intuitions.

Thông qua những cơ hội do sự bùng phát của ý thức đầy đủ hơn mà chúng ta đã đề cập trước đó, những linh hồn tiên tiến nhất của phân cõi này phát triển đến mức họ bắt đầu nghiên cứu quá khứ của mình, truy tìm các nguyên nhân đã khởi đầu từ đó, và học được nhiều điều từ sự hồi tưởng, để những xung lực được gửi xuống trở nên rõ ràng và xác định hơn, và chuyển dịch vào trong ý thức thấp hơn như những xác tín chắc chắn và trực giác cấp thiết.

It is perhaps scarcely necessary to repeat that the thought-images of the rûpa levels are not carried into the higher heaven-world; all illusion now is past, and each soul knows his real kindred, sees them and is seen in his own royal nature, as the true immortal man that passes on from life to life, with all the ties intact that are knit to his real being.

Có lẽ không cần nhắc lại rằng các hình ảnh tư tưởng của các cấp độ rûpa không được mang lên cõi thiên đàng cao hơn; mọi ảo tưởng nay đều đã qua, và mỗi linh hồn biết được người thân thật sự của mình, nhìn thấy họ và được nhìn thấy trong bản chất hoàng gia của chính mình, như một người bất tử thật sự đi qua từ đời sống này sang đời sống khác, với mọi mối liên hệ gắn bó chặt chẽ với thực thể thật của y.

## Cánh Thứ Hai; Vùng Thứ Sáu Của Cõi Thiên Đàng

From the densely-thronged region which we have been considering we pass into a more thinly-populated world, as out of a great city into a peaceful country-side; for at the present stage of human evolution only a small minority of individuals have risen to this loftier level where even the least advanced is definitely self-conscious, and also conscious of his surroundings. Able at least to some extent to review the past through which he has come, the soul on this level is aware of the purpose and method of evolution ; he knows that he is engaged in a work of self-development, and recognizes the stages of physical and post-mortem life through which he passes in his lower vehicles. The personality with [84]] which he is connected is seen by him as part of himself, and he endeavours to guide it, using his knowledge of the past as a store of experience from which he formulates principles of conduct, clear and immutable, convictions of right and wrong. These he sends down into his lower mind, superintending and directing its activities. While he continually fails in the earlier part of his life on this sub-plane to make the lower mind understand logically the foundations of the principles he impresses on it, he yet very definitely succeeds in making the impression, and such abstract ideas as truth, justice and honour become unchallenged and ruling

Từ khu vực đông đúc mà chúng ta vừa xem xét, chúng ta bước vào một thế giới thưa thớt dân cư hơn, như từ một thành phố lớn đi vào vùng quê yên bình; vì ở giai đoạn hiện tại của tiến hóa nhân loại, chỉ có một thiểu số cá nhân đã vươn lên đến mức cao hơn này, nơi mà ngay cả những người kém tiến bộ nhất cũng có ý thức rõ ràng về bản thân và môi trường xung quanh. Có khả năng ít nhất đến một mức độ nào đó để nhìn lại quá khứ mà họ đã trải qua, linh hồn ở cấp độ này nhận thức được mục đích và phương pháp của sự tiến hóa; y biết rằng mình đang tham gia vào một công việc tự phát triển và nhận ra các giai đoạn của cuộc sống vật chất và hậu tử mà y trải qua trong các phương tiện thấp hơn của mình. Phàm ngã mà y gắn kết được y nhìn nhận là một phần của bản thân, và y cố gắng hướng dẫn nó, sử dụng tri thức về quá khứ như một kho kinh nghiệm từ đó y xây dựng các nguyên tắc đạo đức, rõ ràng và bất biến, cùng với những xác tín về đúng và sai. Những điều này y gửi xuống tâm trí thấp hơn của mình, giám sát và hướng dẫn các hoạt động của nó. Trong giai đoạn đầu tiên của cuộc đời trên phân cõi này, y thường thất bại trong việc khiến tâm trí thấp hiểu được một cách logic các cơ sở của những nguyên tắc mà y áp đặt, tuy nhiên y rất thành công trong việc tạo ấn tượng, và những ý tưởng trừu tượng như sự thật, công lý và danh dự trở thành những quan niệm không bị thách thức

conceptions in the lower mental life.

There are rules of conduct enforced by social, national, and religious sanctions, by which a man guides himself in daily life, which may yet be swept away by some rush of temptation, some overmastering surge of passion and desire; but there are some things an evolved man cannot do — things which are against his very nature; he cannot lie, or betray, or do a dishonourable action. Into the inmost fibres of his being certain principles are wrought, and to act against them is an impossibility, no matter what may be the strain of circumstance or the torrent .of temptation; for these things are of the life of the soul. While, however, he thus succeeds in guiding his lower vehicle, his knowledge of it and its doings is often far from precise and clear. He sees the lower planes but dimly, understanding their principles rather than their details, and part of his evolution on this plane consists of coming more and more consciously into direct touch with the personality which so imperfectly represents him below.

và chi phối trong đời sống trí tuệ thấp hơn.

Có những quy tắc đạo đức được củng cố bởi các chuẩn mực xã hội, quốc gia và tôn giáo, theo đó một người hướng dẫn bản thân trong cuộc sống hàng ngày, nhưng chúng có thể bị cuốn trôi bởi những làn sóng cám dỗ, những đợt bùng phát mãnh liệt của đam mê và dục vọng; nhưng có những điều mà một người tiến hóa không thể làm được — những điều đi ngược lại bản chất của y; y không thể nói dối, phản bội hay làm điều bất chính. Vào sâu trong bản chất của mình, những nguyên tắc này đã được xây dựng, và hành động chống lại chúng là điều không thể, dù hoàn cảnh căng thẳng đến đâu hay cơn cám dỗ mạnh mẽ đến mức nào; vì những điều này thuộc về đời sống của linh hồn. Tuy nhiên, trong khi y thành công trong việc hướng dẫn phương tiện thấp của mình, tri thức của y về nó và các hành động của nó thường không chính xác và rõ ràng. Y nhìn các cõi thấp hơn một cách mờ nhạt, hiểu các nguyên tắc của chúng hơn là các chi tiết, và một phần của sự tiến hóa trên cõi này là y ngày càng tiếp xúc có ý thức hơn với phàm ngã mà y đại diện một cách không hoàn hảo ở bên dưới.

It will be understood from this that only such souls as are deliberately aiming at spiritual growth live on this plane, and they have in consequence become largely receptive of influences from the planes above them. The channel of [85] communication grows and enlarges, and a fuller flood pours through. The thought under this influence takes on a singularly clear and piercing quality, even in the less developed, and the effect of this in the lower mind shows itself as a tendency to philosophic and abstract thinking. In the more highly evolved the vision is far-reaching : it ranges with clear insight over the past, recognizing the causes set up, their working out, and what remains still

Từ đây có thể hiểu rằng chỉ những linh hồn đang nhắm đến sự phát triển tinh thần một cách có chủ ý mới sống trên cõi này, và do đó, họ trở nên tiếp nhận nhiều hơn các ảnh hưởng từ các cõi trên. Kênh giao tiếp mở rộng và lớn lên, và một dòng chảy mạnh mẽ hơn tràn qua. Dưới ảnh hưởng này, tư tưởng trở nên đặc biệt rõ ràng và sắc bén, ngay cả trong những người kém phát triển, và hiệu quả của điều này trong tâm trí thấp hơn thể hiện như một khuynh hướng suy nghĩ triết học và trừu tượng. Ở những người tiến hóa cao hơn, tầm nhìn là rộng lớn: nó bao quát quá khứ với cái nhìn thấu đáo, nhận ra các nguyên nhân đã được thiết lập, cách chúng vận hành và những gì vẫn chưa được giải quyết trong các kết quả

unexhausted of their effects.

The souls living on this plane have wide opportunities for growth when freed from the physical body, for here they may receive instructions from more advanced entities, coming into direct touch with their teachers. No longer by thought-pictures, but by a flashing luminousness impossible to describe, the very essence of the idea flies like a star from one soul to the other, its correlations expressing themselves as light waves pouring out from the central star, and needing no separate enunciation. A thought is like a light placed in a room ; it shows all things round it, but requires no words to describe them.

của chúng.

Các linh hồn sống trên cõi này có cơ hội phát triển rộng rãi khi được giải phóng khỏi thể xác, vì tại đây họ có thể nhận sự chỉ dẫn từ các thực thể tiến bộ hơn, tiếp xúc trực tiếp với các huấn sư của mình. Không còn qua các bức tranh tư tưởng, mà bằng ánh sáng rực rỡ không thể mô tả, bản chất của ý tưởng bay như một ngôi sao từ linh hồn này sang linh hồn khác, các mối quan hệ tương ứng thể hiện như những sóng ánh sáng lan tỏa từ ngôi sao trung tâm, không cần bất kỳ sự giải thích nào. Một ý tưởng giống như ánh sáng đặt trong một căn phòng; nó cho thấy mọi thứ xung quanh nó mà không cần đến lời nói để mô tả.

## First Sub-Plane : The Seventh Heaven – Cánh Thứ Nhất; Vùng Thứ Bảy Của Cõi Thiên Đàng

This, the most glorious level of the mental world, has but few denizens as yet from our humanity, for on its heights dwell none but the Masters of Wisdom and Compassion, and their initiated pupils. Of the beauty of form and colour. and sound here no words can speak, for mortal language has no terms in which those radiant splendours may find expression. Enough that they are, and that some of our race are wearing them, the earnest of what others shall be, the fruition of which the seed was sown on lowlier planes. These have accomplished the mental evolution, so that in them the higher shines out ever through the [86] lower; from their eyes the illusion-veil of personality has been lifted, and they know and realize that they are not the lower nature, but only use it as a vehicle of experience. It may still have power in the less evolved of them to shackle and to hamper, but they can never fall into the blunder of confusing the vehicle with the self behind it. From this they are saved by carrying their consciousness through unbroken, not

Đây là cấp độ vinh quang nhất của thế giới trí tuệ, nơi chỉ có rất ít cư dân từ nhân loại của chúng ta đã đạt đến, bởi trên những đỉnh cao này chỉ có các Chân Sư của Minh Triết và Từ Bi, cùng các đệ tử đã được điểm đạo của các Ngài cư ngụ. Về vẻ đẹp của hình dáng, màu sắc và âm thanh ở đây, không ngôn từ nào có thể diễn đạt, vì ngôn ngữ trần gian không có thuật ngữ nào để biểu đạt sự rực rỡ lộng lẫy đó. Chỉ cần biết rằng chúng hiện hữu, và rằng một số người từ chủng loài của chúng ta đang khoác lên mình những vẻ đẹp ấy, là dấu hiệu tiên đoán cho những gì mà những người khác sẽ trở thành, là hoa trái của hạt giống đã được gieo trên các cõi thấp hơn. Những người này đã hoàn thành tiến trình tiến hóa trí tuệ, nên ở họ, cái cao cả luôn chiếu sáng qua cái thấp hơn; từ đôi mắt họ, bức màn ảo tưởng của phàm ngã đã được vén lên, và họ biết và nhận ra rằng họ không phải là bản chất thấp hơn, mà chỉ sử dụng nó như một phương tiện trải nghiệm. Với những người kém tiến hóa hơn trong số họ, bản chất thấp vẫn còn khả năng trói buộc và kìm hãm, nhưng họ không bao giờ có thể

only from day to day but from life to life, so that past lives are not so much looked back upon as always present in the consciousness, the man feeling them as one life rather than as many.

nhầm lẫn phương tiện với bản thể đứng đằng sau nó. Điều này họ đạt được bằng cách mang ý thức xuyên suốt không gián đoạn, không chỉ từ ngày này sang ngày khác mà còn từ kiếp này sang kiếp khác, để các kiếp sống trước không phải là những gì nhìn lại, mà luôn hiện diện trong ý thức, người cảm nhận chúng như một đời sống duy nhất hơn là nhiều đời sống khác biệt.

At this height the soul is conscious of the lower heaven-world as well as of his own, and if he has any manifestations there as a thought-form in the heaven-life of his friends, he can make the fullest use of them. On the third sub-plane, and even in the lower part of the second, his consciousness of the sub-planes below him was still dim, and his action in the thought-form largely instinctive and automatic. But as soon as he got well into the second sub-plane his vision rapidly became clearer, and he recognized the thought-forms with pleasure as vehicles through which he was able to express more of himself in certain ways than he could through his personality.

Ở đỉnh cao này, linh hồn có ý thức về thế giới thiên đàng thấp hơn cũng như thế giới của chính mình, và nếu y có bất kỳ biểu hiện nào ở đó như một hình tư tưởng trong đời sống thiên đàng của bạn bè mình, y có thể tận dụng tối đa những biểu hiện đó. Ở phân cõi thứ ba, và thậm chí ở phần thấp hơn của phân cõi thứ hai, ý thức của y về các phân cõi bên dưới vẫn còn mờ nhạt, và hành động của y trong hình tư tưởng phần lớn là tự phát và tự động. Nhưng khi y tiến sâu vào phân cõi thứ hai, tầm nhìn của y nhanh chóng trở nên rõ ràng hơn, và y nhận ra các hình tư tưởng với niềm vui như những phương tiện qua đó y có thể bày tỏ nhiều hơn về chính mình theo những cách nhất định so với qua phàm ngã của y.

Now that he is functioning in the causal body amidst the magnificent light and splendour of the highest heaven, his consciousness is instantaneously and perfectly active at any point in the lower divisions to which he wills to direct it, and he, therefore, can intentionally project additional energy into such a thought-form when he wishes to use it for the purpose of teaching.

Giờ đây, khi y hoạt động trong nhân thể giữa ánh sáng lộng lẫy và huy hoàng của thiên đàng cao nhất, ý thức của y hoạt động tức thì và hoàn hảo ở bất kỳ điểm nào trong các phân chia thấp hơn mà y muốn hướng nó tới, do đó, y có thể cố ý truyền thêm năng lượng vào một hình tư tưởng khi muốn sử dụng nó cho mục đích giảng dạy.

From this highest level of the mental world come down most of the influences poured out by the Masters of Wisdom as they work for the evolution of the human race, acting directly on the souls of men, shedding on them the inspiring [87] energies which stimulate spiritual growth, which enlighten the

Từ cấp độ cao nhất của thế giới trí tuệ này, phần lớn các ảnh hưởng của các Chân sư Minh triết được truyền xuống khi các Ngài làm việc cho tiến hóa của nhân loại, tác động trực tiếp lên các linh hồn của con người, rải rác lên họ những năng lượng khích lệ thúc đẩy sự phát triển tinh thần, khai sáng trí tuệ và thanh

intellect and purify the emotions. Hence genius receives its illumination; here all upward efforts find their guidance. As the sun-rays fall everywhere from one centre, and each body that receives them uses them after its nature, so from the Elder Brothers of the race fall on all souls the light and life which it is their function to dispense; and each uses as much as it can assimilate, and thereby grows and evolves. Thus, as everywhere else, the highest glory of the heavenly world is found in the glory of service, and they who have accomplished the mental evolution are the fountains from which flows strength for those who still are climbing.

lọc cảm xúc. Từ đây, thiên tài nhận được sự soi sáng; ở đây, mọi nỗ lực hướng lên đều tìm thấy sự dẫn dắt. Như các tia nắng mặt trời chiếu khắp nơi từ một trung tâm, và mỗi thực thể nhận được chúng sử dụng chúng theo bản chất của mình, thì từ các Huynh Trưởng Lớn của nhân loại, ánh sáng và sinh khí cũng lan tỏa đến mọi linh hồn, và mỗi linh hồn sử dụng nhiều nhất có thể tiếp thu, từ đó mà trưởng thành và tiến hóa. Do đó, cũng như ở bất kỳ nơi nào khác, vinh quang cao nhất của thế giới thiên đàng được tìm thấy trong vinh quang của sự phụng sự, và những người đã hoàn thành tiến hóa trí tuệ là những nguồn suối từ đó tuôn ra sức mạnh cho những ai còn đang leo lên.

## II. NON-HUMAN – NHỮNG LOÀI KHÔNG THUỘC HÀNG NGŨ NHÂN LOẠI

When we attempt to describe the non-human inhabitants of the mental plane, we at once find ourselves face to face with difficulties of the most insuperable character. For in touching the seventh heaven we come into contact for the first time with a plane which is cosmic in its extent — on which, therefore, may be met many an entity which mere human language has no words to portray. For the purposes of our present paper it will probably be best to put aside altogether .those vast hosts of beings whose range is cosmic, and confine our remarks strictly to the inhabitants peculiar to the mental plane of our own chain of worlds. It may be remembered that in the manual on The Astral Plane the same course was adopted, no attempt being made to describe visitors from other planets and systems; and although such visitors as were there only occasional would here be very much more frequent, it seems best in this case also to adhere to the same rule. A few [88] words, therefore, upon the elemental essence of the plane and the sections of the great Deva kingdom which are especially connected with

Khi chúng ta thử diễn tả những loài không thuộc hàng ngũ nhân loại trên cõi thượng giới, chúng ta sẽ gặp phải những sự khó khăn gần như không thể vượt qua. Vì khi đến cảnh thứ bảy của cõi thiên đàng lần đầu tiên, chúng ta tiếp xúc với một cõi do vũ trụ trải rộng ra; do đó chúng ta có thể gặp vô số thực thể mà ngôn ngữ con người không thể diễn tả. Trong khuôn khổ tác phẩm này, tốt hơn là chúng ta tạm gác qua một bên vô số thực thể thuộc khu vực vũ trụ, và giới hạn sự nghiên cứu của chúng ta đến những cư dân đặc biệt thuộc cõi thượng giới của dãy hành tinh chúng ta. Cũng như trong quyển "Cõi Trung Giới", chúng ta không diễn tả các vị khách viếng thăm đến từ những hành tinh, hoặc từ những hệ thống khác. Dù rằng những vị khách viếng thăm này, ít khi đến cõi trung giới, lại có rất nhiều trên cõi thượng giới; nhưng chúng ta cần áp dụng cùng một nguyên tắc khảo sát. Vì vậy, chúng ta chỉ nói sơ lược về loài tinh hoa chất cõi thượng giới, và những vị thuộc hàng ngũ thiên thần (Deva) có liên hệ trực tiếp ở cõi thượng giới. Điều khó khăn nhất là trình bày cho độc giả các ý niệm tương đối đơn giản này,

| | |
|---|---|
| it will be as much as it will be useful to give here; and the extreme difficulty of presenting even these comparatively simple ideas will conclusively show how impossible it would be to deal with others which could not but be far more complicated. | mà không làm vấn đề phức tạp hơn. |

## The Elemental Essence – Loài Tinh Hoa Chất

| | |
|---|---|
| It may be remembered that in one of the earlier letters received from an Adept teacher the remark was made that to comprehend the condition of the first and second of the elemental kingdoms was impossible except to an initiate — an observation which shows how partial must be the success which can attend any effort to describe them down here upon the physical plane. It will be well first of all that we should endeavour to form as clear an idea in our minds as possible of what elemental essence really is, since this is a point upon which much confusion often seems to exist, even amongst those who have made considerable study of Theosophical literature. | Chúng ta có thể nhớ lại rằng trong một trong những bức thư đầu tiên nhận từ một vị huấn sư Chân Sư, có nhận xét rằng để thấu hiểu trạng thái của hai loài tinh hoa chất thứ nhất và thứ nhì là điều không thể, trừ khi đối với một điểm đạo đồ—một nhận xét cho thấy sự hiểu biết của chúng ta sẽ chỉ đạt được một phần thành công khi cố gắng mô tả chúng nơi cõi trần này. Trước tiên, chúng ta nên cố gắng hình thành một ý niệm rõ ràng nhất có thể trong tâm trí về bản chất thực sự của tinh hoa chất, vì đây là một điểm mà sự nhầm lẫn thường xảy ra, ngay cả giữa những người đã nghiên cứu kỹ lưỡng văn học Thông Thiên Học. |

## What it is? – Loài Tinh Hoa Chất Là Gì?

| | |
|---|---|
| Elemental essence, then, is merely a name applied during certain early stages of its evolution to the monadic essence, which in its turn may be defined as the outpouring of the Divine Life from the Second Logos into matter. We are all familiar with the fact that before this outpouring arrives at the stage of individualization at which it forms the causal body of a man, it has passed through and ensouled in turn six lower phases of evolution —the animal, vegetable, mineral and three elemental [89] kingdoms. When energizing through those respective stages it has | Tinh hoa chất chỉ là tên gọi áp dụng cho tinh hoa chân thần (monadic essence), trong những giai đoạn tiến hóa đầu tiên. Tinh hoa chân thần có thể được định nghĩa như là sự tuôn xuống vào vật chất của Nguồn Sống Thiêng Liêng, xuất phát từ Thượng Đế Ngôi Hai. Trước khi có sự tuôn xuống đến giai đoạn cá nhân hóa để có sự thành lập nhân thể của con người, nó phải trải qua và làm linh động sáu giai đoạn tiến hóa thấp, đó là loài cầm thú, thảo mộc, kim thạch và ba loài tinh hoa chất. Khi năng lượng xuyên qua ba giai đoạn liên tiếp này, đôi khi nó được gọi là chân thần động |

| | |
|---|---|
| sometimes been called the animal, vegetable or mineral monad — though this term is distinctly misleading, since long before it arrives at any of these kingdoms it has become not one but many monads. The name was, however, adopted to convey the idea that, though differentiation in the monadic essence had already long ago set in, it had not yet been carried to the extent of individualization. Now when this monadic essence is energizing through the three great elemental kingdoms which. precede the mineral, it is called by the name of "elemental essence." | vật, thực vật hay khoáng vật. Từ ngữ này dễ đưa đến sự nhầm lẫn, vì rất lâu trước khi đạt tới một trong các loài này, nó đã trải qua nhiều chân thần, chớ không phải một. Tuy nhiên, cái tên đã được thừa nhận để diễn đạt ý tưởng rằng, mặc dù từ lâu có sự phân biệt những tinh hoa chân thần, nó vẫn chưa tiến đến trình độ cá thể hóa. Bây giờ, khi tinh hoa chân thần này đang cung ứng năng lượng qua ba loài tinh hoa chính đến trước loài khoáng chất, nó được gọi là "tinh hoa chất" (elemental essence). |

## The Veiling of the Spirit – Sự Che Phủ Của Linh Hồn

Before, however, the nature of the monadic essence and the manner in which it manifests itself on the various planes can be understood, the method in which spirit enfolds itself in its descent into matter must be realized. We are not now dealing with the original formation of the matter of the planes, but simply with the descent of a new wave of evolution into matter already existing.

Tuy nhiên, trước khi có thể thấu hiểu được bản chất của chân thần và cách thức mà nó biểu lộ trên các cõi giới khác nhau, chúng ta phải nhận thức được phương thức mà tinh thần bao bọc chính nó trong quá trình giáng hạ vào vật chất. Hiện tại, chúng ta không đề cập đến sự hình thành ban đầu của vật chất trên các cõi giới, mà chỉ đơn giản là sự giáng hạ của một làn sóng tiến hóa mới vào vật chất đã tồn tại.

Before the period of which we are speaking, this wave of life has spent countless ages evolving, in a manner of which we can have very little comprehension, through the successive encasements of atoms, molecules and cells; but we will leave all that earlier part of its stupendous history out of account for the moment, and consider only its descent into the matter of planes somewhat more within the grasp of human intellect, though still far above the merely physical level.

Trước giai đoạn mà chúng ta đang nói đến, làn sóng sự sống này đã trải qua vô số thời đại tiến hóa, theo một cách thức mà chúng ta rất khó lĩnh hội, thông qua các lớp vỏ liên tiếp của nguyên tử, phân tử và tế bào; nhưng chúng ta sẽ tạm thời không tính đến phần trước đó của lịch sử vĩ đại này, và chỉ xem xét sự giáng hạ của nó vào vật chất của các cõi giới ở mức độ gần với trí tuệ con người hơn, mặc dù vẫn còn cao hơn nhiều so với cấp độ vật lý thông thường.

Be it understood, then, that when spirit resting on any -plane (it matters not which), on its path downward into matter, is driven by the resistless force of its own [90] evolution to pass onward to the plane next below, it must, in order to manifest itself there, enfold

Cần phải hiểu rằng, khi tinh thần nghỉ ngơi trên bất kỳ cõi giới nào (không quan trọng là cõi giới nào), trên con đường đi xuống vật chất, bị thúc đẩy bởi mãnh lực không thể cưỡng lại của chính sự tiến hóa [90] của nó để đi đến cõi giới tiếp theo bên dưới, thì để biểu lộ chính nó

itself in at least the atomic matter of that lower plane — draw round itself as a body a veil of that matter, to which it will act as soul or energizing force. Similarly, when it continues its descent to a third plane, it must draw round itself some of its matter, and we shall have then an entity whose body or outer covering consists of the atomic matter of that third plane.

ở đó, nó phải bao bọc chính nó trong ít nhất là vật chất nguyên tử của cõi giới thấp hơn đó — kéo xung quanh nó như một thể xác, một lớp màn che của vật chất đó, mà nó sẽ hoạt động như linh hồn hoặc mãnh lực năng lượng hóa. Tương tự như vậy, khi nó tiếp tục giáng hạ xuống cõi giới thứ ba, nó phải kéo xung quanh mình một số vật chất của cõi giới đó, và khi đó chúng ta sẽ có một thực thể mà thể xác hoặc lớp vỏ bên ngoài của nó bao gồm vật chất nguyên tử của cõi giới thứ ba đó.

But the force energizing in this entity — its soul, so to speak — will not be spirit in the condition in which it was upon the higher plane on which we first found it; it will be that spirit plus the veil of the atomic matter of the second plane through which it has passed. When a still further descent is made to a fourth plane, the entity becomes still more complex, for it will then have a body of the matter of that fourth plane, ensouled by spirit already twice veiled, in the atomic matter of the second and third planes. It will be seen that since this process repeats itself for each plane of the solar system, by the time the original force reaches our physical level it is so thoroughly veiled that it is small wonder that men often fail to recognize it as spirit at all.

Nhưng mãnh lực năng lượng hóa trong thực thể này — có thể nói là linh hồn của nó — sẽ không phải là tinh thần ở trạng thái mà nó đã ở trên cõi giới cao hơn mà chúng ta lần đầu tiên tìm thấy nó; nó sẽ là tinh thần đó cộng với lớp màn che của vật chất nguyên tử của cõi giới thứ hai mà nó đã đi qua. Khi tiếp tục giáng hạ xuống cõi giới thứ tư, thực thể trở nên phức tạp hơn, vì khi đó nó sẽ có một thể xác bằng vật chất của cõi giới thứ tư đó, được linh hồn hóa bởi tinh thần đã được che phủ hai lần, trong vật chất nguyên tử của cõi giới thứ hai và thứ ba. Có thể thấy rằng vì quá trình này lặp lại đối với mỗi cõi giới của hệ mặt trời, nên khi mãnh lực ban đầu đạt đến cấp độ vật lý của chúng ta, nó đã bị che phủ kỹ lưỡng đến mức không có gì lạ khi con người thường không nhận ra nó là tinh thần.

For example, let us suppose the ordinary untrained clairvoyant trying to investigate the mineral monad — to examine the life-force behind the mineral kingdom. The sight of such an one would be practically certain to be limited to the astral plane, and would quite probably be exceedingly imperfect even there; so to him that force would appear simply astral. But a trained student, examining it with higher power, would see that what the clairvoyant had taken for astral force was merely astral atomic matter set in motion by a force coming thither from the atomic part of

Ví dụ, chúng ta hãy giả sử một nhà thông linh không được đào tạo đang cố gắng nghiên cứu chân thần khoáng vật — để kiểm tra mãnh lực sự sống đằng sau giới khoáng vật. Thị lực của người như vậy thực tế chắc chắn sẽ bị giới hạn ở cõi cảm dục, và thậm chí rất có thể là cực kỳ không hoàn hảo ngay cả ở đó; vì vậy đối với người đó, mãnh lực đó sẽ chỉ đơn giản là cảm dục. Nhưng một học viên được đào tạo, khi kiểm tra nó với năng lực cao hơn, sẽ thấy rằng thứ mà nhà thông linh đã coi là mãnh lực cảm dục chỉ đơn giản là vật chất nguyên tử cảm dục được chuyển động bởi một mãnh lực đến từ

the mental plane. The more advanced student would be able [91] to see that that atomic mental matter in its turn was only a vehicle in which something from the highest buddhic sub-plane was working, while the Adept would perceive that the buddhic matter was but the vehicle of the nirvanic, and that the force which entered into and worked through all these successive veils came in reality from outside this cosmic-prakritic plane altogether, and was in truth simply one of the manifestations of the Divine Force.

phần nguyên tử của cõi trí. Học viên tiến bộ hơn sẽ có thể [91] thấy rằng vật chất nguyên tử trí tuệ đó đến lượt nó chỉ là một phương tiện mà một cái gì đó từ cõi phụ Bồ đề cao nhất đang hoạt động, trong khi Chân Sư sẽ nhận thức được rằng vật chất Bồ đề chỉ là phương tiện của cõi nirvani, và mãnh lực đi vào và hoạt động thông qua tất cả các lớp màn che kế tiếp nhau này thực sự đến từ bên ngoài cõi vũ trụ-prakritic này hoàn toàn, và thực sự chỉ là một trong những biểu hiện của Mãnh Lực Thiêng Liêng.

## The Elemental Kingdoms – Các Giới Linh Tinh

The elemental essence which we find on the mental plane constitutes the first and second of the great elemental kingdoms. A wave of the Divine Life, having finished in some previous eon its downward evolution through the buddhic plane, pours down into the seventh heaven, and ensouls great masses of the atomic mental matter, thus becoming the elemental essence of the first great kingdom. In this, its simplest condition, it does not combine the atoms into molecules in order to form a body for itself, but simply applies by its attraction an immense compressing force to them. We may imagine the force, on first reaching this plane on its downward swoop, to be entirely unaccustomed to its vibrations, and unable at first to respond to them. During the eon which it spends on this level, its evolution will consist in accustoming itself to vibrate at all rates which are possible there, so that at any moment it can ensoul and use any combination of the matter of that plane. During this long period of evolution it will have taken upon itself all possible combinations of the matter of the three arûpa levels, but at the end of the time it returns to the atomic level — not, of course, as it was before, but bearing latent within it all the

Tinh hoa hành khí mà chúng ta tìm thấy trên cõi trí cấu thành nên hai vương quốc hành khí lớn đầu tiên. Một làn sóng của Sự Sống Thiêng Liêng, sau khi hoàn tất trong một kỷ nguyên trước đó quá trình tiến hóa đi xuống qua cõi bồ đề, tràn xuống tầng trời thứ bảy và thấm nhập vào những khối lượng lớn của vật chất nguyên tử trí tuệ, trở thành tinh hoa hành khí của vương quốc lớn thứ nhất. Ở trạng thái đơn giản nhất này, nó không kết hợp các nguyên tử thành phân tử để tạo thành một thể xác cho chính nó, mà chỉ áp dụng một lực nén vô cùng mạnh mẽ lên chúng thông qua sức hút của nó. Chúng ta có thể tưởng tượng rằng mãnh lực này, khi lần đầu tiên chạm đến cõi này trong đà đi xuống, hoàn toàn chưa quen với những rung động của nó và lúc đầu chưa thể đáp ứng chúng. Trong suốt kỷ nguyên mà nó trải qua ở mức độ này, tiến hóa của nó sẽ bao gồm việc tự làm quen với việc rung động ở mọi mức có thể tại đó, để bất cứ lúc nào nó cũng có thể thấm nhập và sử dụng bất kỳ sự kết hợp nào của vật chất thuộc cõi này. Trong thời kỳ tiến hóa lâu dài này, nó sẽ mang trên mình tất cả các sự kết hợp có thể có của vật chất thuộc ba cấp độ vô hình (arûpa), nhưng cuối cùng nó trở về cấp độ nguyên tử — tất nhiên, không phải như ban đầu, mà mang theo tiềm ẩn tất cả các năng lực

powers which it has gained.

mà nó đã đạt được.

In the succeeding eon it pours itself down into the fourth [92] sub-plane of the mental — that is to say, the highest of the rûpa levels — and draws to itself as a body some of the matter of that subdivision. It is then the elemental essence of the second kingdom in its simplest condition; but as before, in the course of its evolution it takes on garbs many and various, composed of all possible combinations of the matter of the lower sub-planes.

Trong kỷ nguyên tiếp theo, nó lại tràn xuống cõi phụ thứ tư [92] của cõi trí — tức là cao nhất trong các cấp độ hữu hình (rûpa) — và thu hút về mình một số vật chất của phân khu này như một thân thể. Khi đó, nó là tinh hoa hành khí của vương quốc thứ hai ở trạng thái đơn giản nhất; nhưng giống như trước, trong quá trình tiến hóa, nó khoác lên nhiều dạng thức khác nhau, được tạo thành từ tất cả các sự kết hợp có thể có của vật chất thuộc các cõi phụ thấp hơn.

It might naturally be supposed that these elemental kingdoms which exist and function upon the mental plane must certainly, being so much higher, be further advanced in evolution than the third kingdom, which belongs exclusively to the astral plane. This, however, is not so; for it must be remembered that in speaking of this phase of evolution the word "higher" means not, as usual, more advanced, but less advanced, since here we are dealing with the monadic essence on the downward sweep of its arc, and progress for the elemental essence therefore means descent into matter instead of, as with us, ascent towards higher planes. Unless the student bears this fact constantly and clearly in mind, he will again and again find himself beset by perplexing anomalies, and his view of this side of evolution will be lacking in grasp and comprehensiveness.

Người ta có thể cho rằng các vương quốc hành khí này, vì tồn tại và hoạt động trên cõi trí, chắc hẳn sẽ tiến hóa cao hơn so với vương quốc thứ ba, vốn chỉ thuộc về cõi cảm dục. Tuy nhiên, điều này không phải vậy; vì cần nhớ rằng trong giai đoạn tiến hóa này, từ "cao hơn" không có nghĩa là tiến bộ hơn như thường lệ, mà là kém tiến hóa hơn, vì ở đây chúng ta đang đề cập đến tinh hoa chân thần trên đà đi xuống của cung của nó, và tiến trình cho tinh hoa hành khí có nghĩa là sự hạ xuống vào vật chất thay vì, như chúng ta, đi lên hướng tới các cõi cao hơn. Nếu người học không ghi nhớ rõ ràng điều này, họ sẽ liên tục gặp phải những nghịch lý khó hiểu và tầm nhìn của họ về khía cạnh này của sự tiến hóa sẽ thiếu sự thấu đáo và bao quát.

The general characteristics of elemental essence were indicated at considerable length in the manual on The Astral Plane, and all that is there said as to the number of subdivisions in the kingdoms and their marvellous impressibility by human thought is equally true of these celestial varieties. A few words should perhaps be said to explain how the seven horizontal subdivisions of each

Các đặc tính chung của tinh hoa hành khí đã được trình bày chi tiết trong cẩm nang về Cõi Cảm Dục, và mọi điều được nói ở đó về số lượng các phân khu trong các vương quốc và khả năng ấn tượng kỳ diệu bởi tư tưởng con người cũng đều đúng với các biến thể thuộc thiên giới này. Có lẽ cần nói vài lời để giải thích cách bảy phân khu nằm ngang của mỗi vương quốc sắp xếp theo các phần khác nhau của cõi trí.

kingdom arrange themselves in connection with the various parts of the mental plane. In the case of the first kingdom, its highest subdivision corresponds with the first sub-plane, while the second and third sub-planes are each divided into three parts, each of which is the habitat of one of the [93] elemental subdivisions. The second kingdom distributes itself over the lower heaven-world, its highest subdivision corresponding to the fourth sub-plane, while the fifth, sixth and seventh sub-planes are each divided into two to accommodate the remainder.

Đối với vương quốc thứ nhất, phân khu cao nhất của nó tương ứng với cõi phụ thứ nhất, trong khi cõi phụ thứ hai và thứ ba mỗi cõi được chia thành ba phần, mỗi phần là nơi cư ngụ của một trong các [93] phân khu hành khí. Vương quốc thứ hai phân bố khắp thiên giới thấp, phân khu cao nhất của nó tương ứng với cõi phụ thứ tư, trong khi các cõi phụ thứ năm, thứ sáu và thứ bảy mỗi cõi được chia thành hai phần để chứa các phần còn lại.

## How the Essence Evolves – Cách Tiến Hóa Của Loài Tinh Hoa Chất

So much was written in the earlier part of this manual as to the effect of thought upon the mental elemental essence that it will be unnecessary to return to that branch of the subject now; but it must be borne in mind that it is, if possible, even more instantaneously sensitive to thought-action here than it is on the astral plane, the wonderful delicacy with which it responds to the faintest action of the mind being constantly and prominently brought before our investigators. We shall grasp this capability the more fully if we realize that it is in such response that its very life consists — that its progress is greatly helped by the use made of it in the process of thought by the more advanced entities whose evolution it shares.

Phần đầu của cẩm nang này đã viết rất nhiều về ảnh hưởng của tư tưởng lên tinh hoa hành khí trí tuệ, nên giờ không cần phải quay lại chủ đề này nữa. Tuy nhiên, cần ghi nhớ rằng nó, nếu có thể, còn nhạy cảm tức thời với tác động của tư tưởng hơn trên cõi cảm dục, với sự tinh tế tuyệt diệu mà nó đáp ứng lại những tác động yếu nhất của thể trí, điều này luôn luôn được các nhà điều tra của chúng ta nhận thấy một cách rõ ràng. Chúng ta sẽ nắm bắt khả năng này đầy đủ hơn nếu hiểu rằng chính nhờ vào sự đáp ứng đó mà sự sống của nó tồn tại — rằng tiến trình của nó được hỗ trợ rất nhiều bởi việc nó được sử dụng trong quá trình tư tưởng bởi các thực thể tiến hóa cao hơn mà nó cùng chia sẻ tiến hóa.

If it could be imagined as entirely free for a moment from the action of thought, it would appear as a formless conglomeration of dancing infinitesimal atoms — instinct indeed with a marvellous intensity of life, yet probably making but little progress on the downward path of its involution into matter. But when thought seizes upon it and stirs it into activity, throwing it on the rûpa levels

Nếu có thể tưởng tượng rằng nó hoàn toàn tự do trong chốc lát khỏi tác động của tư tưởng, nó sẽ xuất hiện như một khối vô định hình của những nguyên tử nhỏ bé nhảy múa — quả thật đầy bản năng với một cường độ sống mãnh liệt kỳ diệu, nhưng có lẽ chỉ tiến bộ rất ít trên con đường tiến hóa xuống của nó vào vật chất. Nhưng khi tư tưởng nắm bắt nó và kích hoạt nó, làm cho nó hoạt động, biến nó ở các cấp

into all kinds of lovely forms, and on the arûpa levels into flashing streams, it receives a distinct additional impulse which, often repeated, helps it forward on its way. For whenever a thought is directed from those higher levels to the affairs of earth, it naturally sweeps downward and takes upon itself, the matter of the lower planes. In doing so it brings into contact with [94] that matter the elemental essence of which its first veil was formed, and so by degrees habituates that essence to answering to lower vibrations; and this greatly assists its downward evolution into matter.

độ hữu hình (rûpa) thành mọi loại hình thức xinh đẹp, và ở các cấp độ vô hình (arûpa) thành những dòng chảy sáng lấp lánh, nó nhận được một xung lực bổ sung rõ rệt mà, khi lặp lại nhiều lần, giúp nó tiến về phía trước. Vì bất cứ khi nào một tư tưởng được hướng từ những cấp độ cao hơn về các sự việc của trái đất, nó tự nhiên quét xuống và bao lấy cho mình vật chất của các cõi thấp hơn. Bằng cách đó, nó đưa vào tiếp xúc với [94] vật chất đó tinh hoa hành khí của lớp màn đầu tiên của nó, và dần dần làm quen với bản chất đó để đáp ứng với các rung động thấp hơn; điều này hỗ trợ rất nhiều cho sự tiến hóa đi xuống của nó vào vật chất.

Very noticeably also is it affected by music — by the splendid floods of glorious sound of which we have previously spoken as poured forth upon these lofty planes by the great masters of melody who are carrying on there in far fuller measure the work which down here on this dull earth they had only commenced.

Tinh hoa hành khí cũng bị ảnh hưởng rất rõ rệt bởi âm nhạc — bởi những dòng âm thanh huy hoàng mà trước đó chúng ta đã đề cập, được tuôn ra trên các cõi cao này bởi các bậc thầy về giai điệu, những người đang thực hiện ở đó một công việc với mức độ hoàn thiện vượt xa so với những gì họ đã khởi đầu ở đây trên trái đất u ám này.

Another point which should be remembered is the vast difference between the grandeur and power of thought on this plane and the comparative feebleness of the efforts that we dignify with that name down here. Our ordinary thought begins in the mind-body on the lower mental levels and clothes itself as it descends with the appropriate astral elemental essence; but when a man has advanced so far as to have his consciousness active in the true self in the higher heaven-world, his thought commences there and clothes itself first in the elemental essence of the lower levels of the mental plane, and is consequently infinitely finer, more penetrating, and in every way more effective. If the thought be directed exclusively to higher objects, its vibrations may be of too fine a character to find expression on the astral

Một điểm khác cần nhớ là sự khác biệt to lớn giữa sự vĩ đại và sức mạnh của tư tưởng trên cõi này và sự yếu đuối tương đối của những nỗ lực mà chúng ta gọi là tư tưởng ở đây. Tư tưởng thông thường của chúng ta bắt đầu trong thể trí ở các cấp độ trí tuệ thấp hơn và tự bao lấy mình khi đi xuống bằng tinh hoa hành khí cảm dục phù hợp; nhưng khi một người đã tiến bộ đủ xa để tâm thức của họ hoạt động trong chân ngã thực sự trên thiên giới cao hơn, tư tưởng của họ bắt đầu từ đó và bao lấy mình trước hết bằng tinh hoa hành khí của các cấp độ thấp hơn của cõi trí, và do đó tinh tế vô cùng, thâm nhập hơn và về mọi mặt hiệu quả hơn. Nếu tư tưởng đó được hướng hoàn toàn vào các đối tượng cao hơn, rung động của nó có thể quá tinh tế để biểu hiện trên cõi cảm dục; nhưng khi nó ảnh hưởng đến vật chất thấp hơn này, thì tác động sẽ mạnh mẽ và sâu

plane at all; but when they do affect this lower matter they will do so with much more far-reaching effect than those which are generated so much nearer to i ts own level.

rộng hơn rất nhiều so với những tư tưởng được sinh ra gần với cấp độ của nó.

Following this idea a stage further we see the thought of the initiate taking its rise upon the buddhic plane, above the mental world altogether, and clothing itself with the elemental essence of the highest heavens for garment, while the thought of the Adept pours down from Nirvâna itself, wielding the tremendous, the wholly incalculable powers of regions beyond the ken of mere ordinary humanity. Thus [95] ever as our conceptions rise higher we see before us wider and wider fields of usefulness for our enormously increased capacities, and we realize how true is the saying that the work of one day on levels such as these may well surpass in efficiency the toil of a thousand years on the physical plane.

Khi tiếp tục theo ý tưởng này, chúng ta thấy tư tưởng của một điểm đạo đồ nảy sinh trên cõi bồ đề, vượt trên cõi trí hoàn toàn, và bao lấy mình bằng tinh hoa hành khí của các thiên giới cao nhất như một lớp áo, trong khi tư tưởng của một Chân Sư tràn xuống từ chính Niết Bàn, điều khiển những quyền năng khổng lồ và không thể tính toán từ các cõi vượt ngoài hiểu biết của nhân loại thông thường. Như vậy [95], khi khái niệm của chúng ta càng lên cao, chúng ta càng thấy những cánh đồng rộng lớn hơn cho sự hữu dụng của các năng lực được gia tăng to lớn, và chúng ta nhận ra câu nói rằng công việc của một ngày trên các cấp độ như thế này có thể vượt xa hiệu quả so với sự lao động của hàng ngàn năm trên cõi trần là chân thực đến nhường nào.

## THE ANIMAL KINGDOM – LOÀI CẦM THÚ

The animal kingdom is represented on the mental plane by two main divisions. In the lower heaven-world we find the group-souls to which the vast majority of animals are attached, and on the third sub-plane the causal bodies of the comparatively few members of the kingdom who are yet individualized. These latter, however, are not, strictly speaking, animals any longer; they are practically the only examples now to be seen of the quite primitive causal body, undeveloped in size and as yet coloured only very faintly by the. first vibrations of newly-born qualities.

Giới động vật được đại diện trên cõi trí qua hai phân chia chính. Ở cõi hạ thiên, chúng ta tìm thấy các linh hồn nhóm mà phần lớn động vật gắn kết vào, và trên cõi phụ thứ ba là các thể nguyên nhân của số ít thành viên thuộc giới này đã đạt biệt ngã hóa. Tuy nhiên, những thực thể sau này, nói chính xác thì không còn là động vật nữa; chúng gần như là những ví dụ duy nhất hiện nay có thể thấy của thể nguyên nhân khá thô sơ, chưa phát triển về kích thước và mới chỉ được tô màu rất nhạt bởi những rung động đầu tiên của các phẩm tính mới sinh ra.

After his deaths on the physical and astral planes, the individualized animal has usually a very prolonged, though often somewhat

Sau khi trải qua cái chết trên cõi trần và cõi cảm dục, động vật đã biệt ngã hóa thường có một đời sống rất kéo dài, dù đôi khi có phần mơ

dreamy life in the lower heaven-world. His condition during that time is analogous to that of the human being on the same level, though with far less mental activity. He is surrounded by his own thought-forms, even though he may be but dreamily conscious of them, and these are sure to include the forms of his earth-friends in their very best and most sympathetic moods. And since the love which is strong enough and unselfish enough to form such an image must also be strong enough to reach the soul of the loved one, and draw a response from him, even the pets upon whom our kindness is lavished may do their little trifle in return towards helping on our evolution.

màng, trong cõi hạ thiên. Tình trạng của chúng trong giai đoạn này tương tự với tình trạng của con người ở cùng mức độ đó, mặc dù có ít hoạt động trí tuệ hơn nhiều. Chúng được bao quanh bởi các hình tư tưởng của chính mình, dù chỉ mơ hồ nhận thức về chúng, và chắc chắn những hình ảnh này sẽ bao gồm các hình ảnh của những người bạn trên trái đất trong trạng thái tốt đẹp nhất và đồng cảm nhất của họ. Và vì tình yêu đủ mạnh mẽ và vô ngã để hình thành một hình ảnh như vậy cũng phải đủ mạnh mẽ để chạm đến linh hồn của người được yêu thương và nhận lại phản ứng từ họ, ngay cả các thú cưng được ta chăm sóc cũng có thể đóng góp chút ít trong việc giúp tiến trình tiến hóa của chúng ta.

When the individualized animal retires into his causal body to await the turn of the wheel of evolution which shall [96] give him the opportunity of a primitive human incarnation, he seems to lose almost all consciousness of outer things, and to spend the time in a sort of delightful trance of the deepest peace and contentment. Even then interior development of some sort is surely taking place, though its nature is difficult for us to comprehend. But at least it is certain that for every entity which comes into connection with it, whether he be only just entering upon human evolution or preparing to pass beyond it, the heaven-world means the highest bliss of which that entity is at its level capable.

Khi động vật đã biệt ngã hóa rút lui vào thể nguyên nhân của mình để chờ đợi vòng quay của bánh xe tiến hóa mang lại cho chúng cơ hội đầu tiên để nhập thể thành một con người sơ khai, dường như chúng mất gần như hoàn toàn ý thức về những điều bên ngoài, và trải qua thời gian trong một trạng thái xuất thần tuyệt diệu đầy an bình và mãn nguyện. Ngay cả khi đó, một dạng phát triển nội tâm nào đó chắc chắn đang diễn ra, mặc dù bản chất của nó khó có thể hiểu được đối với chúng ta. Tuy nhiên, ít nhất có một điều chắc chắn là đối với mỗi thực thể nào bước vào mối liên hệ với thiên giới, dù đó là thực thể mới bắt đầu con đường tiến hóa nhân loại hay chuẩn bị vượt qua nó, thiên giới đồng nghĩa với trạng thái hạnh phúc tối cao mà thực thể đó có thể đạt được ở mức độ của mình.

## THE DEVAS, OR ANGELS – NHỮNG VỊ THIÊN THẦN

But little can be expressed in human language about these wonderful and exalted beings, and most of what we know of them has already been written in The Astral Plane. For the information of those who have not that

Nhưng rất ít điều có thể được diễn tả bằng ngôn ngữ loài người về những thực thể kỳ diệu và cao siêu này, và hầu hết những gì chúng ta biết về họ đã được viết trong tác phẩm *Cõi Cảm Dục*. Để cung cấp thông tin cho những ai

manual at hand I will repeat here somewhat of the general explanation there given with reference to these entities.

chưa có quyển cẩm nang đó, tôi sẽ nhắc lại ở đây một vài giải thích chung đã được đưa ra liên quan đến các thực thể này.

The highest system of evolution specially connected with this earth, so far as we know, is that of the beings whom Hindus call the Devas, and who have elsewhere been spoken of as angels, sons of God, etc. They may, in fact, be regarded as a kingdom lying next above humanity, in the same way as humanity in turn lies next above the animal kingdom, but with this important difference, that while for an animal there is no possibility of evolution through any kingdom but the human, man, when he attains the level of the Asekha, of full Adept, finds various paths of advancement opening before him, of which this great Deva evolution is only one (see Invisible Helpers, page 124).

Hệ thống tiến hóa cao nhất gắn liền đặc biệt với trái đất này, theo những gì chúng ta biết, là hệ thống của các thực thể mà người Hindu gọi là thiên thần (Devas), và ở các nơi khác, họ được gọi là các thiên thần, con của Thượng đế, v.v. Họ có thể được coi là một giới nằm ngay trên nhân loại, giống như nhân loại nằm ngay trên giới động vật, nhưng với sự khác biệt quan trọng là, đối với một loài động vật, không có khả năng tiến hóa qua bất kỳ giới nào khác ngoài nhân loại, trong khi con người, khi đạt đến trình độ của một Asekha hoặc một Chân Sư hoàn toàn, sẽ thấy nhiều con đường thăng tiến mở ra trước mắt, trong đó sự tiến hóa vĩ đại của các thiên thần chỉ là một trong số đó (xem *Những Người Trợ Giúp Vô Hình*, trang 124).

In Oriental literature this word “Deva” is frequently used vaguely to mean almost any kind of non-human entity, so that it would often include the .highest of the [97] spiritual powers on the one hand, and nature-spirits and artificial elementals on the other. Here, however, its use will be restricted to the magnificent evolution which we are now considering.

Trong văn học phương Đông, từ “Deva” thường được sử dụng một cách mơ hồ để chỉ gần như bất kỳ loại thực thể phi nhân loại nào, vì vậy nó thường bao gồm cả những quyền năng tinh thần cao nhất ở một bên, và các tinh linh thiên nhiên và tinh linh nhân tạo ở bên kia. Tuy nhiên, ở đây, việc sử dụng từ này sẽ được giới hạn để chỉ hệ thống tiến hóa tráng lệ mà chúng ta đang đề cập đến.

Though connected with this earth, these angels are by no means confined to it, for the whole of our present chain of seven worlds is as one world to them, their evolution being through a grand system of seven chains. Their hosts have hitherto been recruited chiefly from other humanities in the solar system, some lower and some higher than ours, since but a very small portion of our own has as yet reached the level at which for us it is possible to join them; but it seems certain that some of their very numerous classes have not passed

Mặc dù có kết nối với trái đất này, các thiên thần này không bị giới hạn ở đây, vì toàn bộ dãy bảy thế giới của chúng ta hiện nay chỉ là một thế giới đối với họ, và tiến trình tiến hóa của họ là thông qua một hệ thống vĩ đại gồm bảy dãy hành tinh. Các nhóm của họ trước nay chủ yếu được bổ sung từ các nhân loại khác trong hệ mặt trời, một số nhân loại thấp hơn và một số cao hơn chúng ta, vì chỉ một phần rất nhỏ của nhân loại chúng ta đã đạt đến mức độ mà ở đó có thể gia nhập với họ; nhưng có vẻ chắc chắn rằng một số lớp rất đông đảo của họ

in their upward progress through any humanity at all comparable with ours.

chưa từng trải qua bất kỳ tiến trình nhân loại nào có thể so sánh được với chúng ta.

It is not possible for us at present to understand very much about them, but it is clear that what may be described as the aim of their evolution is considerably higher than ours; that is to say, while the object of our human evolution is to raise the successful portion of humanity to the position of the Asekha Adept by the end of the seventh round, the object of the Deva evolution is to raise their foremost rank to a very much higher level in the corresponding period. For them, as for us, a steeper but shorter path to still more sublime heights lies open to earnest endeavour; but what those heights may be in their case we can only conjecture.

Hiện tại, chúng ta không thể hiểu rõ nhiều về họ, nhưng rõ ràng là mục tiêu tiến hóa của họ có thể được coi là cao hơn nhiều so với chúng ta; nói cách khác, trong khi mục tiêu của tiến hóa nhân loại chúng ta là nâng cao phần thành công của nhân loại lên vị trí của một Chân Sư Asekha vào cuối cuộc tuần hoàn thứ bảy, thì mục tiêu của tiến hóa Deva là nâng cao hàng ngũ tiên phong của họ lên một cấp độ cao hơn rất nhiều trong giai đoạn tương ứng. Đối với họ, cũng như đối với chúng ta, có một con đường dốc đứng hơn nhưng ngắn hơn để đạt đến những đỉnh cao thậm chí còn siêu việt hơn, nhưng những đỉnh cao đó có thể là gì trong trường hợp của họ, chúng ta chỉ có thể suy đoán.

## Their Divisions – Những Đẳng Cấp Thiên Thần

Their three lower great divisions, beginning from the bottom, are generally called Kâma-devas, Rûpa-devas, and Arûpa-devas, which may be translated as angels of the astral [98] world, the lower heaven-world, and the higher heaven-world respectively. Just as our ordinary body here — the lowest body possible for us — is the physical, so the ordinary body of a Kâma-deva is the astral; so that he stands in somewhat the same position as humanity will do when it reaches planet F, and he, living ordinarily in an astral body, would go out of it to higher spheres in a mental body just as we might in an astral body, while to enter the causal body would be to him (when sufficiently developed) no greater effort than to use the mental body might be to us. In the same way the Rûpa-deva's ordinary body would be the mental, since his habitat is the four rûpa levels of the mental plane; while the Arûpa-deva belongs

Ba nhóm thiên thần thuộc hạng thấp, khởi sự từ hạng thấp nhất thường được gọi là các vị thiên thần cõi cảm dục (Kamadeva), các vị thiên thần cõi sắc tướng (Rupadeva) và các vị thiên thần cõi vô sắc tướng (Arupadeva); người ta có thể diễn dịch các từ ngữ này tương đương với các thiên thần của cõi trung giới, cõi hạ thiên và cõi thượng thiên. Đối với chúng ta, thể thấp nhất của con người là thể xác, còn đối với các vị thiên thần thể thấp nhất mà họ sử dụng là thể vía. Vì vậy, họ ở đúng vào vị trí của con người khi đạt tới bầu hành tinh F, khi đó bình thường họ sống với thể vía, sẽ rời bỏ thể này đến vùng cao hơn và sống trong thể trí, cũng như chúng ta sẽ ở trong thể vía. Khi phát triển đầy đủ, họ sẽ vào được nhân thể mà không cần cố gắng nhiều như đối với chúng ta khi sử dụng thể trí. Cùng một cách thức như thế, thân thể bình thường của những thiên thần cõi sắc tướng là thể trí, vì họ sống trên bốn cảnh sắc tướng của cõi thượng giới. Trong

to the three higher levels of that plane, and owns no denser body than the causal. Above the Arûpa-devas there are four other great classes of this kingdom, inhabiting respectively the four higher planes of our solar system ; and again, above and beyond the Deva kingdom altogether stand the great hosts of the planetary spirits ; but the consideration of such glorified beings would be out of place here.

khi những vị thiên thần cõi vô sắc tướng thuộc về ba cảnh cao của cõi thượng giới, họ không có thân thể nào nặng trược hơn nhân thể. Trên các vị thiên thần cõi vô sắc tướng còn có bốn nhóm thiên thần quan trọng khác nữa, trú ngụ lần lượt ở bốn cảnh cao hơn thuộc thái dương hệ của chúng ta. Sau cùng, ở cao hơn hết, ngoài vùng thế giới thiên thần là các vị Hành Tinh Quân; nhưng sự nghiên cứu về các vị cao cả này ngoài phạm vi của quyển sách.

Each of the two great divisions of this kingdom which have been mentioned as inhabiting the mental plane contains within itself many different classes; but their life is in every way so far removed from our own that it is useless to endeavour to give anything but the most general idea of it. I do not know that I can better indicate the impression produced upon the minds of our investigators on the subject than by reproducing the very words used by one of them at the time of the enquiry: "I get the effect of an intensely exalted consciousness - a consciousness glorious beyond all words; yet so very strange; so different - so entirely different from anything I have ever felt before, so unlike any possible kind of human experience, that it is absolutely hopeless to try to put it into words." [99]

Trong hai nhóm lớn thiên thần trú ngụ ở cõi thượng giới mà chúng ta vừa đề cập đến, mỗi nhóm lại chia ra thành nhiều lớp khác nhau. Chúng ta chỉ hiểu một cách rất tổng quát về sự sống của họ. Tôi nghĩ rằng tôi không thể diễn tả rõ những ấn tượng trong trí của những quan sát viên, khi họ quan sát những nhóm thiên thần này, cho nên tôi xin lặp lại chính những lời của một người trong bọn họ: "Tôi cảm thấy có một ý thức vui thích mãnh liệt, một tâm thức kỳ diệu không thể tả bằng lời; rất lạ lùng và hoàn toàn khác biệt với bất cứ điều gì mà tôi đã cảm thấy trước đây, không giống với bất cứ loại kinh nghiệm nào của con người, do đó tôi hoàn toàn không có hy vọng diễn tả lại bằng lời."

Equally hopeless is it on this physical plane to try to give any idea of the appearance of these mighty beings, for it changes with every line of thought which they follow. Some reference was made earlier in this paper to the magnificence and wonderful power of expression of their colour-language, and it will also have been realized from some passing remarks made in describing the human inhabitants that under certain conditions it is possible for men functioning upon this plane to learn much from them. It may be remembered how one of them had animated the angel figure in the heaven-life of

Ở cõi trần, chúng ta không có hy vọng diễn tả lại hình dáng của những nhân vật cao cả này, vì hình dáng của họ biến đổi theo từng tư tưởng của họ. Trong một đoạn trước, chúng ta đã nói về sự kỳ diệu phi thường của sự diễn đạt tư tưởng bằng màu sắc. Như chúng ta đã biết, đối với các cư dân thuộc con người sinh hoạt có ý thức trên cõi thượng giới, trong một vài điều kiện có thể nhận được nhiều bài học từ các vị thiên thần. Người đọc có thể nhớ lại, làm thế nào mà hình ảnh của vị thiên thần được linh động hóa trong cuộc sống của một ca đoàn viên, dạy em này âm nhạc tuyệt diệu hơn bất cứ loại âm nhạc nào ở cõi trần. Một trường

a chorister, and was teaching him music grander far than any ever heard by earthly ears, and how in another case those connected with the wielding of certain planetary influences were helping forward the evolution of a certain astronomer.

hợp khác, vài ảnh hưởng của thiên thần hành tinh đã trợ giúp sự tiến hoá của một nhà thiên văn học.

Their relation to the nature-spirits (for an account of whom see Manual V) might be described as somewhat resembling, though, on a higher scale, that of men to the animal kingdom; for just as the animal can attain individualization only by association with man, so it appears that a permanent reincarnating individuality can normally be acquired by a nature-spirit only by an attachment of somewhat similar character to members of some of the orders of Devas.

Sự liên hệ của những vị thiên thần đối với loài tinh linh thiên nhiên (Xin xem quyển "Cõi Trung Giới"), cũng giống như sự liên hệ giữa con người và loài thú, nhưng ở một mức độ cao hơn. Con thú chỉ có thể đạt được cá tính hóa khi nó được sự hỗ trợ của con người. Cũng giống như thế, một tinh linh thiên nhiên thông thường chỉ có thể được luân hồi và cá tính hóa trường tồn bằng cách liên kết với các thực thể có đặc tính tương tự trong hàng ngũ thiên thần.

Of course nothing that has been, or indeed can be, said of this great angelic evolution does more than brush the fringe of a very mighty subject, the fuller elaboration of which it must be left to each reader to make for himself when he develops the consciousness of these higher planes; yet what has been written, slight and unsatisfactory as it is and must be, may help to give some faint idea of the hosts of helpers with which man's advance in evolution will bring him into touch, and to show how every aspiration which his increased capacities make possible for him as he ascends is [100] more than satisfied by the beneficent arrangements which nature has made for him.

Dĩ nhiên, khi nói về sự tiến hoá vĩ đại của các thiên thần, chúng ta chỉ nói được phần ngoại biên của vấn đề rộng lớn này. Mỗi người sẽ tự nghiên cứu đầy đủ hơn khi đã phát triển tri thức trên các cõi cao ấy. Những gì được diễn tả ở phần trên chỉ là một phác hoạ sơ lược, tuy nhiên có thể cho chúng ta một ý niệm tổng quát về những vị cứu trợ, mà khi con người tiến hoá hơn sẽ có dịp tiếp xúc với các vị ấy. Điều này cho thấy mỗi nguyện vọng sẽ đem lại cho con người những khả năng có thể thúc đẩy họ tiến lên, để thích ứng với những gì mà thiên nhiên đã sắp xếp cho họ.

## III. ARTIFICIAL – NHỮNG LOÀI GIẢ TẠO

Very few words need be said upon this branch of our subject. The mental plane is even more fully peopled than the astral by the artificial elementals called into temporary existence by the thoughts of its inhabitants; and when it is remembered how much grander and more

Rất ít lời cần nói về nhánh chủ đề này của chúng ta. Cõi trí thậm chí còn đông đúc hơn cõi cảm dục bởi các tinh linh nhân tạo được gọi vào sự tồn tại tạm thời bởi tư tưởng của các cư dân tại đây; và khi ta nhớ rằng tư tưởng trên cõi này hùng vĩ và mạnh mẽ hơn nhiều,

powerful thought is upon this plane, and that its forces are being wielded not only by the human inhabitants, embodied and disembodied, but by the Devas and by visitors from higher planes, it will at once be seen that the importance and influence of such artificial entities can hardly be exaggerated. It is not necessary here to go over again the ground traversed in the previous manual as to the effect of men's thoughts and the necessity of guarding them carefully; and enough was said in describing the difference between the action of thought on the rûpa and arûpa levels to show how the artificial elemental of the mental plane is called into existence, and to give some idea of the infinite variety of temporary entities which are so produced, and the immense importance of the work that is constantly done by their means. Great use is made of them by Adepts and their initiated pupils, and it is needless to say that the artificial elemental formed by such powerful minds as these is a being of infinitely longer existence and proportionately greater power than any of those described in dealing with the astral plane [101]

và rằng các mãnh lực của nó đang được điều khiển không chỉ bởi các cư dân nhân loại, cả còn nhập thể và thoát xác, mà còn bởi các thiên thần (Devas) và các vị khách từ những cõi cao hơn, chúng ta sẽ ngay lập tức thấy rằng tầm quan trọng và ảnh hưởng của các thực thể nhân tạo như vậy hầu như không thể bị cường điệu hóa. Ở đây không cần thiết phải lặp lại những gì đã trình bày trong cẩm nang trước về ảnh hưởng của tư tưởng con người và sự cần thiết của việc cẩn thận trông coi chúng; và những gì đã được nói về sự khác biệt giữa tác động của tư tưởng trên các cấp độ hữu hình (rûpa) và vô hình (arûpa) cũng đủ để cho thấy cách mà các tinh linh nhân tạo của cõi trí được gọi vào sự tồn tại, cũng như cung cấp một khái niệm về sự đa dạng vô hạn của các thực thể tạm thời được tạo ra và tầm quan trọng to lớn của công việc mà chúng liên tục thực hiện. Các Chân Sư và các đệ tử đã điểm đạo của các Ngài tận dụng rất nhiều từ những thực thể này, và không cần nói cũng hiểu rằng các tinh linh nhân tạo được hình thành bởi những trí tuệ hùng mạnh như vậy là một thực thể có thời gian tồn tại lâu dài hơn vô hạn và sức mạnh lớn hơn tương ứng so với bất kỳ thực thể nào được mô tả khi bàn về cõi cảm dục [101].

## CONCLUSION – KẾT LUẬN

In glancing over what has been written, the prominent idea is not unnaturally a humiliating sense of the utter inadequacy of all the attempts at description — of the hopelessness of any effort to put into human words the ineffable glories of the heaven-world. Still, lamentably imperfect as such an essay as this must be, it is yet better than nothing, and it may serve to put into the mind of the reader some faint conception of what awaits him on the other side of the grave; and though when he reaches this bright realm of bliss he will certainly find infinitely more than he has been led to expect, he will not, it is

Khi nhìn lướt qua những gì đã được viết, ý tưởng nổi bật không gì khác hơn là cảm giác xấu hổ về sự hoàn toàn không thỏa đáng của tất cả những nỗ lực mô tả — về sự vô vọng của bất kỳ nỗ lực nào nhằm diễn đạt bằng lời lẽ của con người những vinh quang khôn tả của thế giới thiên đàng. Tuy nhiên, đáng tiếc là một bài luận như thế này chắc chắn là không hoàn hảo, nhưng nó vẫn tốt hơn là không có gì, và nó có thể phục vụ để đưa vào tâm trí người đọc một quan niệm mờ nhạt về những gì đang chờ đợi anh ta ở phía bên kia nấm mồ; và mặc dù khi đến được cõi phúc lạc rực rỡ này, chắc chắn anh ta sẽ tìm thấy nhiều hơn vô hạn những gì

hoped, have to unlearn any of the information that he has here acquired.

anh ta mong đợi, nhưng hy vọng rằng anh ta sẽ không phải từ bỏ bất kỳ thông tin nào mà anh ta đã thu thập được ở đây.

Man, as at present constituted, has within him principles belonging to two planes even higher than the mental, for his Buddhi represents him upon what from that very fact we call the buddhic plane, and his Atmâ (the divine spark within him) upon that third plane of the solar system which has usually been spoken of as the nirvanic. In the average man these highest principles are as yet almost entirely undeveloped, and in any case the planes to which they belong are still more beyond the reach of all description than is the mental. It must suffice to say that on the buddhic plane all limitations begin to fall away, and the consciousness of man expands until he realizes, no longer in theory only, but by absolute experience, that the consciousness of his fellows is included within his own, and he feels and knows and experiences with an absolute perfection of sympathy all that is in them, because it is in reality a part [102] of himself; while on the nirvânic plane he moves a step further, and realizes that his consciousness and theirs are one in a yet higher sense, because they are all in reality facets of the infinitely greater consciousness of the logos, in Whom they all live and move and have their being; so that when "the dewdrop slips into the-shining sea" the effect produced is rather as though the process had been reversed and the ocean poured into the drop, which now for the first time realizes that it is the ocean — not a part of it, but the whole. Paradoxical, utterly incomprehensible, apparently impossible; yet absolutely true.

Con người, như hiện tại, có trong mình các nguyên khí thuộc về hai cõi giới thậm chí còn cao hơn cả cõi trí tuệ, vì Bồ đề của anh ta đại diện cho anh ta trên cõi giới mà từ chính thực tế đó chúng ta gọi là cõi Bồ đề, và Chân thần của anh ta (tia sáng thiêng liêng bên trong anh ta) trên cõi giới thứ ba của hệ mặt trời thường được gọi là cõi Niết Bàn. Ở người bình thường, các nguyên khí cao nhất này hầu như vẫn chưa phát triển hoàn toàn, và trong bất kỳ trường hợp nào, các cõi giới mà chúng thuộc về vẫn còn vượt quá tầm với của mọi sự mô tả hơn cả cõi trí tuệ. Chỉ cần nói rằng trên cõi Bồ đề, tất cả các giới hạn bắt đầu biến mất, và tâm thức của con người mở rộng cho đến khi anh ta nhận ra, không chỉ trên lý thuyết mà còn bằng kinh nghiệm tuyệt đối, rằng tâm thức của đồng loại của anh ta được bao gồm trong tâm thức của chính anh ta, và anh ta cảm nhận và biết và trải nghiệm với sự đồng cảm hoàn hảo tuyệt đối tất cả những gì ở trong họ, bởi vì trên thực tế nó là một phần [102] của chính anh ta; trong khi trên cõi Niết Bàn, anh ta tiến thêm một bước nữa, và nhận ra rằng tâm thức của anh ta và của họ là một trong một ý nghĩa cao hơn nữa, bởi vì tất cả chúng trên thực tế là các khía cạnh của tâm thức lớn hơn vô hạn của Thượng Đế, trong Ngài, tất cả họ đều sống và vận động và tồn tại; do đó, khi "giọt sương rơi vào biển sáng", hiệu ứng tạo ra giống như thể quá trình đã bị đảo ngược và đại dương tràn vào giọt nước, giọt nước này giờ đây lần đầu tiên nhận ra rằng nó chính là đại dương — không phải là một phần của nó, mà là toàn bộ. Nghịch lý, hoàn toàn không thể hiểu được, dường như không thể; nhưng hoàn toàn đúng.

But this much at least we may grasp — that the blessed state of Nirvâna is not, as some have ignorantly supposed, a condition of

Nhưng ít nhất chúng ta có thể nắm bắt được điều này — rằng trạng thái phúc lạc của Niết Bàn không phải là một trạng thái trống rỗng,

blank nothingness, but of far more intense and beneficent activity; and that ever as we rise higher in the scale of nature our possibilities become greater, our work for others ever grander and more far-reaching, and that infinite wisdom and infinite power means only infinite capacity for service, because they are directed by infinite love.

như một số người đã lầm tưởng, mà là một hoạt động mạnh mẽ và có lợi hơn nhiều; và rằng khi chúng ta vươn lên cao hơn trong bậc thang của tự nhiên, khả năng của chúng ta ngày càng lớn hơn, công việc của chúng ta cho người khác ngày càng vĩ đại hơn và sâu rộng hơn, và trí tuệ vô hạn và sức mạnh vô hạn chỉ có nghĩa là năng lực phụng sự vô hạn, bởi vì chúng được điều khiển bởi tình yêu thương vô hạn.

**Ghi chú**

**Ghi chú**